

བོད་ཀྱི་གོ་སྐབས་རྒྱུ་། ༩༩

TRANG PHỤC TÂY TẠNG

III

Bản Dịch Sang
Tiếng Việt

BẢO TÀNG VĂN HÓA TRANG
PHỤC TÂY TẠNG,
LÔ HOẮC ĐỨC ĐẠT



བཀྲ་ཤིས་གྲོགས་པོ་ལྷན་ཁག་གི་འཕྲིན་ལྷན་གྱི་འཕྲིན་ལྷན་

Bộ sách chuyên khảo về văn hóa trang phục dân tộc Tạng

བཀྲ་ཤིས་གྲོགས་པོ་ལྷན་ཁག་གི་འཕྲིན་ལྷན་གྱི་འཕྲིན་ལྷན་

TRANG PHỤC TÂY TẠNG III

མེད་ནམ།

Tiếng Việt

བཀྲ་མགོ་ཏེ་དར་བོད་ཀྱི་གོས་ཀྱི་རིག་གནས་ལ་འཕམ་ས་སྟོན་ཁང་།

Bảo tàng văn hóa trang phục Tây Tạng, Lô Hoắc Đức Đạt (Drago Deda)

Dẫn nhập

Trong dòng chảy lịch sử nhân loại, ngôn ngữ, ẩm thực và trang phục luôn là linh hồn của các nền văn hóa dân tộc khác nhau. Một khi những biểu tượng văn hóa này biến mất thì dù thuộc quốc gia nào, chúng cũng sẽ trở nên vô dụng. Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh chóng của toàn cầu hóa, văn hóa truyền thống của nhiều dân tộc đã trải qua những thay đổi to lớn trong một thời gian ngắn, thậm chí đang có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Văn hóa hiện đại ảnh hưởng khắp mọi nơi, tới cả những nơi hẻo lánh của Tây Tạng. Nhiều người Tây Tạng không thể cưỡng lại những cám dỗ chưa từng có này và dần dần từ bỏ lối sống truyền thống của mình và theo đuổi những thời trang thô tục và độc nhất. Kết quả là những truyền thống tốt đẹp đã bị lãng quên, văn hóa dân tộc trở nên không thể nhận biết được. Quần áo thời thơ ấu của chúng ta và phong tục của ông bà tổ tiên chúng ta sẽ biến mất chỉ sau vài thập kỷ, và những người già lưu giữ những kỷ ức cũng đang qua đời. Trước thực trạng đó, tôi vô cùng đau buồn, sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, tôi quyết định đóng góp một phần nhỏ vào việc giữ gìn và bảo vệ văn hóa truyền thống bằng trang phục cổ truyền.

Trang phục của người Tây Tạng có các yếu tố phong phú và đầy màu sắc, màu sắc của chúng phản ánh thế giới tự nhiên: màu xanh lam tượng trưng cho bầu trời xanh và hồ nước, màu đỏ tượng trưng cho ngọn lửa, màu vàng tượng trưng cho trái đất, màu xanh lá cây tượng trưng cho đồng cỏ... Thiên nhiên mang đến cho con người những nguồn năng lượng khác nhau. Ngoài ra, thất bảo thường thấy trong trang sức của người Tây Tạng như vàng, bạc, san hô, mã não và hổ phách không chỉ có tác dụng trang trí mà còn được cho là có sức mạnh xua đuổi tà ma, bảo vệ cơ thể, và duy trì sức khỏe.

Môi trường tự nhiên của Tây Tạng cũng có tác động sâu sắc đến trang phục của các vùng miền khác nhau. Ở những vùng chăn thả trên cao, người dân chủ yếu mặc áo choàng da dày; ở những vùng bán nông nghiệp và bán chăn thả, chất liệu quần áo chủ yếu là len Tây Tạng và các chất liệu khác; ở những vùng nông nghiệp vùng thấp, quần áo chủ yếu làm bằng vải nhẹ. Có thể thấy, trang phục không chỉ là hiện thân của văn hóa mà còn là sự kết tinh trí tuệ của con người trong việc thích nghi với môi trường sống.

Ngoài ra, tổ tiên từng nói rằng trang phục Tây Tạng là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm - Tùng Tán Cán Bố, hóa thân của Bồ Tát Văn Thù - Xích Tùng Đức Tán, hóa thân của Bồ Tát Kim Cang Thủ - Xích Nhiệt Ba Kiên và các thế hệ Tán phổ¹, cũng như các Bồ đề tát đỏa đại thành tựu như Liên Hoa Sinh Đại sĩ, Bồ Mã Mạc Trát gia trì và truyền thừa xuống các đời. Mặc trang phục dân tộc thuần khiết này không chỉ có thể xua tan cái lạnh, giữ ấm cơ thể và trang trọng mà còn mang theo sự phù hộ thiêng liêng của Bồ tát.

Để bảo vệ và kế thừa văn hóa trang phục Tây Tạng, vào tháng 1 năm 2018, tôi đã thành lập Bảo tàng Văn hóa trang phục Tây Tạng Đức Đạt, đầu tư rất nhiều nhân lực, vật lực và tài chính, đồng thời cử người đến Kham, Amdo, Ü-Tsang và những nơi khác nhiều lần để sưu tầm trang phục cổ của người Tây Tạng, phỏng vấn những người lớn tuổi địa phương, tìm hiểu về quy trình sản xuất, phân loại chất liệu và nguồn gốc lịch sử của những bộ trang phục này, đồng thời trưng bày và bảo tồn các di tích văn hóa được sưu tầm.

Tuy nhiên, thu thập trang phục chỉ là bước đầu tiên. Nếu những tài liệu liên quan không được biên soạn thành tài liệu thì những di sản văn hóa quý giá này sau này khó được phổ biến rộng rãi. Sau khi khảo sát, tôi thấy rằng hầu hết các nghiên cứu trong và ngoài nước về trang phục Tây Tạng đều chỉ giới hạn ở một khu vực nhất định và thiếu nghiên cứu toàn diện về trang phục Tây Tạng nói chung. Vì vậy, vào tháng 9 năm 2020, Viện Nghiên cứu trang phục vùng cao nguyên được thành lập để nghiên cứu một cách có hệ thống tất cả các trang phục của người Tây Tạng và chuẩn bị biên tập một loạt sách.

1 Các đời vua của Tây Tạng được gọi là tán phổ.

Chúng tôi dự định xuất bản một cuốn sách hàng năm để giới thiệu trang phục Tây Tạng ở các vùng khác nhau - bắt đầu từ quê hương của tôi, Lô Hoắc, và dần dần phủ sóng toàn bộ khu vực Tây Tạng. Đồng thời, chúng tôi sẽ dịch nội dung của nó sang nhiều ngôn ngữ để quảng bá văn hóa Tây Tạng đến thế giới.

Trong quá trình biên tập, chúng tôi ghi lại một cách trung thực kỹ thuật sản xuất, bối cảnh, do các cụ già tường thuật lại, đảm bảo tính chặt chẽ của thông tin mà không cố tình thêm thắt hay phỏng đoán nhằm thu hút người xem. Ngoài ra, đối với một số trang phục phổ biến của các vùng miền, chúng tôi sẽ lựa chọn trình bày dưới dạng trang phục đặc trưng của một vùng căn cứ vào tình hình thực tế và sẽ không nhắc lại nhiều lần trong sách viết về các vùng miền khác.

Đến nay, nghiên cứu của chúng tôi vẫn đang trong giai đoạn thăm dò, nhiều khía cạnh vẫn còn non nớt và thiếu chuyên nghiệp, điều này khó tránh khỏi khiến mọi người chê cười. Nhưng trong quá trình toàn cầu hóa nhanh chóng, nếu thế hệ chúng ta không nỗ lực hết mình để bảo vệ những di sản văn hóa này thì sau này ngày càng có ít người hiểu được.

Trang phục của người Tây Tạng không chỉ là một phần quan trọng của văn hóa Tây Tạng mà còn phản ánh sự đa dạng của văn hóa nhân loại. Bảo vệ văn hóa Tây Tạng có nghĩa là bảo vệ sự đa dạng của văn hóa nhân loại. Chúng tôi hy vọng rằng thông qua những nỗ lực của mình, sẽ có thêm nhiều người nhận ra nét quyến rũ độc đáo của văn hóa Tây Tạng. Cảm ơn tất cả những người đã ủng hộ và giúp đỡ chúng tôi. Cuốn sách này có thể được ra đời là nhờ nỗ lực chung của mọi người.

Khenpo Sodargye

Ngày 4 tháng 6 năm 2024

Lời giới thiệu

Bộ sách hệ thống về văn hóa trang phục dân tộc Tạng “Trang phục dân tộc Tạng III” nhằm giới thiệu trang phục truyền thống đặc sắc của người Tạng tại khu vực rìa đông nam cao nguyên Thanh – Tạng, chủ yếu bao gồm Khu tự trị dân tộc Tạng Di Khánh thuộc tỉnh Vân Nam và Huyện tự trị dân tộc Tạng Mộc Lý thuộc Khu tự trị dân tộc Di Lương Sơn, tỉnh Tứ Xuyên.

Những khu vực này nằm trong lưu vực sông Kim Sa và sông Lan Thương, trong lịch sử từng là tuyến đường và trạm dịch quan trọng của Con đường Trà Mã cổ đạo; tuy từng thuộc sự quản lý của vương triều Thổ Phồn, nhưng về sau cũng lần lượt chịu sự cai trị của các chính quyền như Nam Chiếu và Đại Lý. Do quá trình lâu dài chung sống xen cư với các dân tộc khác, trang phục nơi đây không chỉ dung hợp các yếu tố trang phục của các vùng Tạng như Vệ Tạng, Kham, mà còn ở một mức độ nhất định chịu ảnh hưởng từ trang phục của các dân tộc khác. Mặc dù vậy, cư dân tại các khu vực nói trên vẫn bảo tồn và kế thừa khá tốt những bộ trang phục truyền thống mang đặc sắc địa phương.

Công tác nghiên cứu kéo dài hơn sáu tháng; trước hết, nhóm thông qua nhiều kênh khác nhau thu thập các tư liệu liên quan, sau đó đi sâu thực địa để tiến hành điều tra một cách nghiêm ngặt và tỉ mỉ. Trong quá trình này, nhóm đã đặc biệt phỏng vấn những người kế thừa văn hóa dân gian tại địa phương và các bậc cao niên giàu kinh nghiệm..., căn cứ vào sự giới thiệu của họ về trang phục truyền thống của chính dân tộc mình để ghi chép trung thực và chỉnh lý thành văn bản.

Trong quá trình khảo sát, trước tình trạng ở các địa phương khác nhau, thậm chí trong cùng một địa phương, có những cách gọi và cách lý giải khác nhau đối với cùng một loại trang phục, nhóm đã tiến hành phân tích lặp đi lặp lại và so sánh chuyên sâu, cuối cùng căn cứ vào sự phân chia địa vực và mối liên hệ văn hóa để xác định lấy hơn mười khu vực trang phục đặc sắc, với các địa bàn trọng tâm là huyện Đức Khâm, thành phố Shangri-La, huyện Duy Tây thuộc tỉnh Vân Nam

và huyện Mộc Lý thuộc khu Lương Sơn, tỉnh Tứ Xuyên, làm cơ sở, đồng thời thông qua mười sáu bài viết để giới thiệu: trang phục nam nữ Bôn Tử Lan, trang phục nữ Dương Lạp, trang phục nam nữ Đức Khâm, trang phục nữ Tháp Thành, trang phục biểu diễn Nhiệt Ba, trang phục nam nữ Ba Châu, trang phục nam nữ Ni Tây, trang phục nữ giới Ngũ Cảnh, trang phục nữ giới Kiến Đường, trang phục nữ giới Đông Vượng, trang phục nữ giới Ni Nhữ, trang phục nữ giới Cách Táp, trang phục nữ giới Nạp Mộc Y, trang phục nam nữ Cơ Tố, trang phục nữ giới Thủy Lạc, trang phục nữ giới Mao Ngưu Bình...

Trong sách đã hệ thống mô tả các loại hình, màu sắc, kỹ nghệ chế tác cũng như cách phối mặc của những bộ trang phục truyền thống này.

Những trang phục này vừa là sản phẩm của các điều kiện tự nhiên như độ cao và khí hậu khác nhau, vừa là kết tinh của phương thức sinh hoạt nông mục địa phương, giao thương buôn bán và giao lưu văn hóa. Nhìn chung, sách phân loại trang phục của các khu vực nói trên thành năm hệ thống lớn: phong cách Lan Thương Giang như Đức Khâm và Dương Lạp; phong cách Kim Sa Giang như Bôn Tử Lan, Ngũ Cảnh, Ni Tây, Tháp Thành; phong cách vùng núi cao – hẻm núi như Đông Vượng, Cách Táp, Ni Nhữ; phong cách Kiến Đường; và phong cách Mộc Lý.

Do các khu vực này có độ cao tương đối thấp và khí hậu ẩm áp hơn, chất liệu trang phục phần lớn sử dụng vải lanh nhẹ, vải dạ, vải bông, lụa, nhung kim tuyến, sa tanh...; màu sắc rực rỡ và trang trí tinh mỹ. Đặc biệt, trong các loại hình văn hóa ca múa dân gian phong phú như Nhiệt Ba, Xướng Đô, Huyền Tử, Oa Trang..., những bộ trang phục đặc thù mà người biểu diễn mặc không chỉ là một bộ phận quan trọng của văn hóa trang phục địa phương, mà còn thể hiện rõ mối quan hệ gắn bó, tương hỗ giữa trang phục và phong tục dân gian.

Ngoài ra, cuốn sách còn cố gắng trình bày một cách sâu sắc và tỉ mỉ cả tổng thể lẫn từng chi tiết của trang phục, bao quát các phương diện như chất liệu, cấu trúc, quá trình biến đổi, kỹ thuật dệt may cũng như những kiêng kỵ dân gian, ca dao dân ca và truyền thuyết liên quan.

Về cách gọi tên trang phục và các bộ phận của chúng, sách cố gắng bảo lưu cách phát âm đặc trưng của địa phương, vừa thể hiện sắc thái văn hóa phương ngữ, vừa hướng tới sự thống nhất với tiếng Tạng phổ thông. Từ khâu soạn thảo bản thảo tiếng Tạng ban đầu, chỉnh sửa cho đến khi hoàn thiện bản cuối cùng, đã trải qua hơn mười lần hiệu đính nghiêm ngặt. Sau khi định bản, trong quá trình dịch sang tiếng Hán, tiếng Anh và các ngôn ngữ khác, ban biên soạn cũng nhiều lần rà soát và xác định lại từng từ ngữ, thuật ngữ; đối với những từ gần với tiếng Hán, cũng cố gắng giữ lại theo âm gốc địa phương, đồng thời mời các chuyên gia liên quan thẩm định, nhằm bảo đảm việc sử dụng thuật ngữ, phương thức giới thiệu và kết cấu logic của bài viết phù hợp với quy chuẩn, nỗ lực tối đa giữ gìn diện mạo nguyên bản vốn có của nội dung.

Toàn bộ hình ảnh minh họa trong sách đều do đội ngũ nhiếp ảnh chuyên nghiệp trực tiếp đến thực địa chụp. Sau khi nhận được sự đồng ý sử dụng hình ảnh chân dung của người dân địa phương, họ được mặc trang phục đúng theo kiểu thức truyền thống, bảo đảm không sai lệch, rồi đội ngũ mới tiến hành chụp ảnh; đồng thời từng bộ phận của trang phục cũng được chụp riêng lẻ, cuối cùng tạo nên hiệu quả thị giác hoàn chỉnh và tinh tế.

Trang phục không chỉ là phương tiện giữ ấm, chống rét và làm đẹp, mà còn là một biểu tượng tinh thần, lưu truyền lịch sử, văn hóa và thẩm mỹ. Những bộ trang phục truyền thống được tuyển chọn trong sách, xét về lựa chọn chất liệu, phối hợp màu sắc, hoa văn họa tiết, kỹ thuật may đo..., đều phản ánh diện mạo đời sống và những ước vọng tốt đẹp của người dân địa phương.

Cuối cùng, xin đặc biệt bày tỏ lòng cảm ơn chân thành nhất tới các chuyên gia, học giả, trí thức địa phương, những người kế thừa văn hóa dân gian cùng các cá nhân liên quan đã dành sự ủng hộ và hỗ trợ to lớn trong quá trình biên soạn cuốn sách này.

Nếu trong sách còn có sai sót hoặc thiếu sót, kính mong quý độc giả rộng lòng chỉ giáo.

Ban biên tập

Ngày 13/1/2026

MỤC LỤC

Dẫn nhập	001
Lời giới thiệu	004
01. Trang phục Bôn Tử Lan	010
02. Trang phục nữ giới Dương Lạp	040
03. Trang phục Đức Khâm	053
04. Trang phục nữ giới Thập Thành	072
05. Trang phục Ba Châu	086
06. Trang phục Ni Tây	107
07. Trang phục nữ giới Ngũ Cảnh	124

08.	Trang phục nữ giới Kiến Đường	137
09.	Trang phục nữ giới Đông Vượng	172
10.	Trang phục nữ giới Ni Nhữ	188
11.	Trang phục nữ giới Cách Tân	208
12.	Trang phục nữ giới Nạp Mộc Y	221
13.	Trang phục Cơ Tố	237
14.	Trang phục nữ giới Thủy Lạc	256
15.	Trang phục nữ giới Mao Ngưu Bình	274
16.	Trang phục biểu diễn điệu múa Nhiệt Ba	287
	Hệ thống thuật ngữ	307

01

ཀོང་ཕྱིད་ར་བའི་གོས་རྒྱ།

TRANG PHỤC
BÔNG TỬ LÂN





- ① སོག་ལྷ།
Tắc-hạ
 - ② འབྲུ་རས་སྒྲོད་འཁོག།
Áo sơ mi lụa tơ tằm
 - ③ སུག་སུ་བ།
Áo choàng phỏ-lỗ
 - ④ སྐ་རག་ས།
Thắt lưng
 - ⑤ རྒྱ་ལྷ་ས།
Quần dài
- ⑥ སྤུ་མའི་རྩ་ས།
Ủng nhung kim tuyến



1 ལག་རས།
Khăn đội đầu

2 མགོ་དཀེས།
Quả-thụy

3 སྐྱ་ན།
Hoa tai

4 སྒྲོད་གོས།
Áo trên

5 སྒྲོང་།
Ghi-lê

6 གཤུ།
Hộp gau

7 ཏུང་ཆར།
Đồng-thứ

8 སྒྲ་རགས།
Thắt lưng

9 རྩེང་བ།
Chuỗi vòng

10 སིང་སི།
Tang-sắc

11 ལག་ཉོག།
Vòng tay

12 ལག་རས།
Khăn tay

13 སྒྲ་མོ་རས་སྒྲ།
Váy

14 གཡས་ཉེ། དབུལ་སྒྲ།
Y-hắc/Y-tra

Trước đây, Bôn Tử Lan thuộc Ba Đường, tỉnh Tứ Xuyên; nay là một thị trấn trực thuộc huyện Đức Khâm. Nơi đây nằm dưới chân núi Bạch Mã Tuyết Sơn và trong lưu vực sông Kim Sa, từng là một trạm dịch quan trọng trên Con đường Trà Mã cổ đạo. Độ cao trung bình của địa phương khoảng 2.000 mét, thuộc kiểu khí hậu thung lũng sông khô nóng; phương thức sinh sống chủ yếu là nông nghiệp và bán nông bán mục. Văn hóa trang phục của Bôn Tử Lan, nhờ sự kế thừa và phát huy của văn hóa múa Oa Trang, đã được quan tâm đầy đủ và bảo tồn hiệu quả.



Trang phục nam giới

Trang phục nam giới Bôn Tử Lan vừa mang phong cách cơ bản của trang phục Kham, vừa bảo lưu đậm nét đặc trưng địa phương; toàn bộ y phục gồm mũ, áo sơ mi lụa tơ tằm, áo bào, thắt lưng, quần, ủng..., cùng các trang sức khác như khuyên tai, hộp gau.

Kiểu tóc

Trước đây, nam giới tết tóc thành bím ba lọn; người trẻ thường đan sợi tơ đỏ vào trong bím tóc, còn người lớn tuổi thì đan sợi tơ đen. Bất kể già trẻ, trên bím tóc đều xỏ một chiếc nhẫn ngọc và một vòng ngà voi; sau khi trang trí xong thì quấn bím tóc lên trên đầu. Kiểu tóc này được gọi là “gia-trát” hoặc “quả-thụy”; ngày nay đã rất hiếm gặp, chỉ còn một vài bậc cao niên vẫn giữ kiểu tóc này.



Mũ đội đầu

Trong phương ngữ địa phương, mũ được gọi là “xọ” hoặc “xọ-ngõa”. Trước kia trong hôn lễ, chú rể đội mũ giang-đạt, cô dâu đội mũ tác-hạ; hiện nay họ chủ yếu đội mũ kim hoa. Khi cưới ngựa đi xa hoặc vào mùa đông giá lạnh, nam giới đội mũ da cáo. Ngày nay, trong sinh hoạt thường ngày nam giới đội mũ kiểu Tây khá phổ biến; còn trong các dịp pháp hội, hôn lễ..., đa số nam giới đội mũ kim hoa.



016 Trang Phục Tây Tạng III





Mũ kim hoa ban đầu do các thương nhân mang từ vùng Vệ Tạng vào, sau đó dần dần phổ biến tại địa phương. Lớp ngoài của mũ được làm bằng gấm lụa; lớp trong trước kia làm bằng da, nay may bằng vải; lớp lót giữa được chế tác từ nỉ ép. Thân mũ được trang trí nhiều vòng chỉ vàng uốn lượn hình sóng nước. Mũ có bốn tai với kích cỡ khác nhau; mặt trong trước đây dùng da rái cá và các loại da thú khác để làm, nay phần lớn được thay bằng lông nhân tạo, màu sắc đều là màu đen

Cách đội mũ kim hoa gồm có: thứ nhất, để hai tai mũ lớn hoặc hai tai mũ nhỏ lần lượt hướng ra trước và sau; thứ hai, gấp một tai mũ lớn vào trong mũ; thứ ba, không để tai mũ hướng đúng các phương trước sau trái phải mà đội lệch sang một bên. Theo lời các bậc cao niên địa phương kể lại, trước kia bất kể loại mũ nào cũng cần dùng vải hoặc chuỗi hạt san hô kết thành nút rỗng làm chóp mũ. Trong lời ca múa Oa Trang tại địa phương cũng có câu: *“Đầu đội mũ chóp thắt nút, mình mặc phở-lỗ trắng, chân đi ủng cầu vòng”*, cho thấy chóp mũ được xem là một vật trang trí và biểu tượng quan trọng.



Áo sơ mi lụa tơ tằm

Việc mặc áo sơ mi lụa tơ tằm màu trắng dài tay ở phần thân trên được xem là rất cát tường. Ở địa phương có lời ca Oa Trang như sau: *“Làm ăn một năm chưa tốt rồi cũng sẽ có năm tốt, áo sơ mi phải trắng như mặt trời chiếu sáng trên núi tuyết, thì làm ăn cả năm mới hanh thông.”* Ý nói áo sơ mi phải trắng tinh như ánh dương rọi trên đỉnh tuyết sơn thì mới tốt lành.

Áo choàng

Trước đây, nam giới mặc áo bào vải dệt từ lông cừu địa phương như áo bào vải serge và áo bào dạ. Ngày nay, khi mặc lễ phục thường khoác áo choàng lông đỏ nâu phổ-lỗ, phần cổ áo viền dải xanh lam hoặc xanh lục gọi là “đạt-quát”. Những người cao niên khoảng 60 tuổi trong sinh hoạt thường ngày thường mặc áo choàng vải màu đen.

Khi thắt đai lưng, vạt dưới của áo bào bắt buộc phải buông xuống dưới đầu gối. Cách mặc này chịu ảnh hưởng từ tầng lớp quý tộc và quan lại cung đình xưa kia: bởi quý tộc và quan viên vốn không phải lao động thường ngày, đặc biệt khi nghênh đón quan chức hoặc thượng sư, người ra tiếp đón có tục lệ buông vạt áo bào dài gần đến mắt cá chân, hàm ý biểu thị sự cung kính và tôn trọng.





Thắt lưng

Thắt lưng của họ được chia thành ba loại: thắt lưng lụa sa tanh, thắt lưng len và thắt lưng gia-sát. Trong sinh hoạt thường ngày, nam giới phần lớn dùng thắt lưng len dệt từ lông cừu. Khi mặc lễ phục, nam giới có thói quen thắt hai lớp thắt lưng trong và ngoài trên áo bào: trước hết thắt thắt lưng gia-sát, buộc nút phía sau lưng, để phần đuôi buông dài xuống; sau đó thắt thêm thắt lưng lụa sa tanh bên ngoài để trang trí, buộc nút phía trước bụng, cách buộc này gọi là “thắt nút phía trước”. Tuy nhiên ngày nay, nhiều người chỉ thắt một chiếc thắt lưng lụa sa tanh.



Quần dài

Phần thân dưới mặc quần rộng làm bằng vải trắng hoặc tơ kén; họ nhét ống quần vào trong cổ ủng và dùng dây ủng cố định, phần ống quần rộng phía ngoài buông rủ tự nhiên.

Giày ủng

Chân đi ủng da hoặc ủng nhung kim tuyến. Ủng nam và ủng nữ có sự khác biệt lớn về cách may và màu sắc: phần cổ ủng (thân trên) của ủng nam làm bằng da đen; phần thân dưới và ống ủng được làm bằng nhung kim tuyến màu đen. Thông thường, ủng nam chỉ có một mũi ủng, còn ủng nữ có hai mũi ủng; vì vậy trong phương ngữ địa phương, người ta cũng gọi ủng nam và ủng nữ lần lượt là “một mũi ủng” và “hai mũi ủng”.



Đế ủng nam có hai cách làm: một là ghép nhiều lớp vải; hai là ghép nhiều lớp da để làm đế. Ở các vị trí như hai bên mũi ủng, gót ủng, cổ ủng..., có may các hoa văn cát tường bằng da trắng, cũng như họa tiết tượng trưng cho hoa tai của vương hậu trong “Đại Bảo Lục Trang Nghiêm”.

Phần đế ủng có đóng đinh, để khi nhảy múa phát ra tiếng lách cách, đồng thời cũng có tác dụng bảo vệ đế ủng. Trong lời ca Oa Trang địa phương có hát: “Làm ăn một năm chưa tốt rồi cũng sẽ có năm tốt, dây ủng in dấu chim tước, làm ăn cả năm tốt; Làm ăn một năm chưa tốt rồi cũng sẽ có năm tốt, ủng như lông đuôi công, làm ăn cả năm tốt; Làm ăn một năm chưa tốt rồi cũng sẽ có năm tốt, đế ủng ba mươi sáu đinh, làm ăn cả năm tốt.”

Điều này cho thấy rõ ràng rằng ủng là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ trang phục.

Trước đây, người dân địa phương nắm giữ kỹ thuật nhuộm rất tinh xảo; họ dùng lông cừu, vải bông, vải lanh, vải dạ... làm nguyên liệu, và sử dụng hoàng thổ, đại hoàng cùng các chất nhuộm từ tự nhiên tại địa phương để nhuộm màu. Nhưng hiện nay, phần lớn mọi người đều trực tiếp mua vải may sẵn ngoài chợ để may quần áo, rất ít khi còn tự bắt đầu từ khâu kéo sợi, dệt vải như trước kia để làm trang phục.



Ngoài ra, vì mục đích cân bằng sinh thái và bảo vệ sự sống, hiện nay hầu như không còn ai dùng da thú để làm quần áo. Người lớn tuổi không mặc trang phục có màu sắc quá sặc sỡ. Nếu trong gia đình có người qua đời, theo phong tục địa phương, quần áo của người mất sẽ được giặt sạch rồi đem đốt, để bày tỏ lòng tiếc thương và sự kính trọng.



Trang sức

Tai trái đeo khuyên tai bạc. Ở phần gọi là “đông-sá” của khuyên tai có nạm đá lam ngọc và san hô; người địa phương gọi đó là “san hô ba tầng”. Điều này cũng được thể hiện trong lời ca Oa Trang tại địa phương: *“Làm ăn một năm chưa tốt rồi cũng sẽ có năm tốt, khuyên tai san hô ba tầng, làm ăn cả năm tốt.”*

Xét về giá cả cũng như chất liệu, khuyên tai đều là loại trang sức tương đối quý giá. Xưa kia, giới quý tộc có thói quen đeo hai khuyên tai, chiếc lớn đeo ở tai phải, chiếc nhỏ đeo ở tai trái; cách đeo này ngày nay hầu như không còn thấy trong sinh hoạt thường nhật, chỉ còn lưu truyền trong lời kể của các bậc cao niên.



Ngoài ra, trong sinh hoạt thường ngày, nam giới đeo một hộp gau nhỏ trước ngực; khi đi xa, họ sẽ đeo chéo dưới nách một hộp gau lớn dùng làm bùa hộ thân, bên trong đặt tháp Phật và các pháp vật đã được gia trì.

Vòng tay ngà voi đeo ở tay trái không chỉ là vật trang trí mà theo truyền thuyết còn có công dụng phòng ngừa trúng phong. Bên phải thắt lưng treo một con dao ngắn mà địa phương gọi là “dao bò rừng Ấn Độ”.

Những món trang sức này thường chỉ được đeo vào dịp năm mới hoặc trong các buổi yến tiệc khi mặc lễ phục; còn khi nhảy múa Oa Trang Bôn Tử Lan thì không đeo bất kỳ đồ trang sức nào.



Trang phục nữ giới

Toàn bộ trang phục bao gồm khăn đội đầu, áo trên, áo ghi-lê, váy, thắt lưng, ủng... cùng với các loại trang sức như khuyên tai, vòng cổ, hộp gau (hộp đựng bùa hộ mệnh), vòng tay, tang-sắc, đồng-thứ. Do đây là trang phục bắt buộc phải mặc khi nhảy điệu múa Oa Trang nổi tiếng của địa phương Bôn Tử Lan, nên họ cũng gọi nó là “trang phục Oa Trang”.



Quả thục

Trước đây, phụ nữ địa phương thường tết tóc thành bím ba lọn, rồi đan thêm các sợi len nhiều màu vào phần đuôi tóc làm sợi kết hợp. Sau đó, họ quấn vòng bím tóc quanh đầu theo chiều kim đồng hồ một đến hai vòng, phần đuôi bím buông xuống phía sau tai trái. Kiểu tóc này được gọi là “quả-thục”, và được xem là một dạng trang phục mang ý nghĩa cát tường.

Ngày nay, phụ nữ hiếm khi còn tự tết tóc như trước, mà thay vào đó họ dùng len các màu như đen, xanh lam, vàng, hồng... tết thành ba bím, rồi làm thành “quả-thục” có thể đội trực tiếp lên đầu.

Trước kia, do điều kiện sinh hoạt còn hạn chế, chất lượng và màu sắc của len cũng không phong phú. Tuy vậy, họ vẫn gán cho những gam màu ít ỏi ấy những ý nghĩa biểu trưng phong phú: màu xanh lam tượng trưng cho bầu trời, màu vàng tượng trưng cho mặt trời, còn màu hồng tượng trưng cho cầu vòng.





Khăn đội đầu

Trên “quả-thụy”, người ta quấn gọn một chiếc khăn đỏ dài khoảng 4 mét, rộng 8–10 cm, ở địa phương gọi là “la-thụy”. Truyền rằng trước đây cách quấn khăn là đặt một đầu khăn lên đỉnh đầu rồi quấn quanh, bắt nguồn từ phong tục cưới hỏi, khi cô dâu dùng khăn đỏ che đầu.

Ngày nay, hầu như không ai quấn khăn theo cách này nữa, mà người ta may liền quả-thụy với khăn, để có thể đội trực tiếp lên đầu. Theo truyền thống, các cô gái chưa lập gia đình quấn khăn đỏ, còn phụ nữ trung niên và lớn tuổi quấn khăn đen. Tuy nhiên, hiện nay ít người còn tuân theo truyền thống này, và phổ biến là dùng khăn đỏ.





Áo trên

Phần trên cơ thể mặc áo lụa satin màu vàng, đỏ, xanh lam..., cũng có kiểu may bằng vải thường. Gấu áo phía trong được may thêm một mảnh vải trắng dạng kén có tua rua làm trang trí, gọi là “thứ-lặc”. Truyền thống này bắt nguồn từ việc phụ nữ địa phương trước đây thường mặc áo sơ mi bằng vải kén, nhưng ngày nay chỉ còn giữ lại dưới dạng trang trí.



Áo ghi-lê

Trước đây, phụ nữ thường mặc một chiếc ghi-lê bên ngoài áo trên, được gọi là “bổ-đông” hoặc “ga-đóa”. Ghi-lê chủ yếu làm bằng nhung đen có sợi kim loại, cổ áo viền lụa gọi là “cấp-nặc”, mép áo trang trí bằng chỉ vàng.

Ngày nay, ghi-lê thường làm từ vải gấm có sợi kim loại, hai bên hông và trước – sau đều có xẻ, mép xẻ được may họa tiết mây bằng loại vải gọi là “khắc-lãng”. Những đường xẻ này được xem là biểu tượng may mắn, đại diện cho sự giàu có và quyền lực.

Trước kia, trừ các gia đình quý tộc hoặc giàu có, ghi-lê của phụ nữ bình thường thường không có xẻ. Nhưng cùng với cải thiện điều kiện sống, phong tục xẻ ghi-lê trở nên phổ biến. Hiện nay không còn quy chuẩn nghiêm ngặt, ghi-lê thường có 2–4 đường xẻ.

Váy

Phần dưới cơ thể mặc váy, địa phương gọi là “nang-mạc” hoặc “thụy-nang”. Trước đây, loại váy này được dệt từ len cừu; sau khi dệt xong, người ta nhúng sợi len vào nước rồi ép cẩn thận từng nếp gấp.

Ngày nay, khi mặc trang phục lễ hội, phụ nữ thường mặc váy dài nhiều nếp gấp làm từ vải trắng, phần giữa váy trang trí họa tiết cầu vòng với các màu đỏ, xanh lá, đen. Theo quan niệm truyền thống địa phương, màu vàng là màu cao quý, vì vậy không dùng để may trang phục phía dưới. Trước kia, chỉ những phụ nữ quyền lực và giàu có mới được phép mặc váy màu đen.

Truyền rằng trang phục của phụ nữ Bôn Tử Lan có một phần liên quan đến công chúa người Nạp Tây tên là Khương Tát Thu Trân. Khi công chúa đi tới Tây Tạng, bà từng ghé qua vùng này và bị điệu múa Oa Trang nơi đây cuốn hút. Bà đã cùng người dân nhảy múa suốt ba ngày ba đêm, và khi rời đi, để lại một bộ trang phục đầy đủ. Vì vậy, có ý kiến cho rằng trang phục địa phương phần nào chịu ảnh hưởng từ trang phục Nạp Tây.





Trang phục Bôn Tử Lan 033



Thắt lưng

Ở vùng eo, người ta thường đeo hai loại thắt lưng: thắt lưng gia-sát và thắt lưng lụa satin. Trước hết, thắt lưng gia-sát được thắt quanh váy, buộc nút phía sau eo, đầu dài của thắt lưng buông tự nhiên. Sau đó, thắt lưng lụa satin được buộc lỏng hơn bên ngoài ghi-lê và tang-sắc, buộc nút dưới nách trái, đầu thắt lưng hơi buông xuống, đồng thời giữ cố định các phụ kiện như tang-sắc và đồng-thứ.

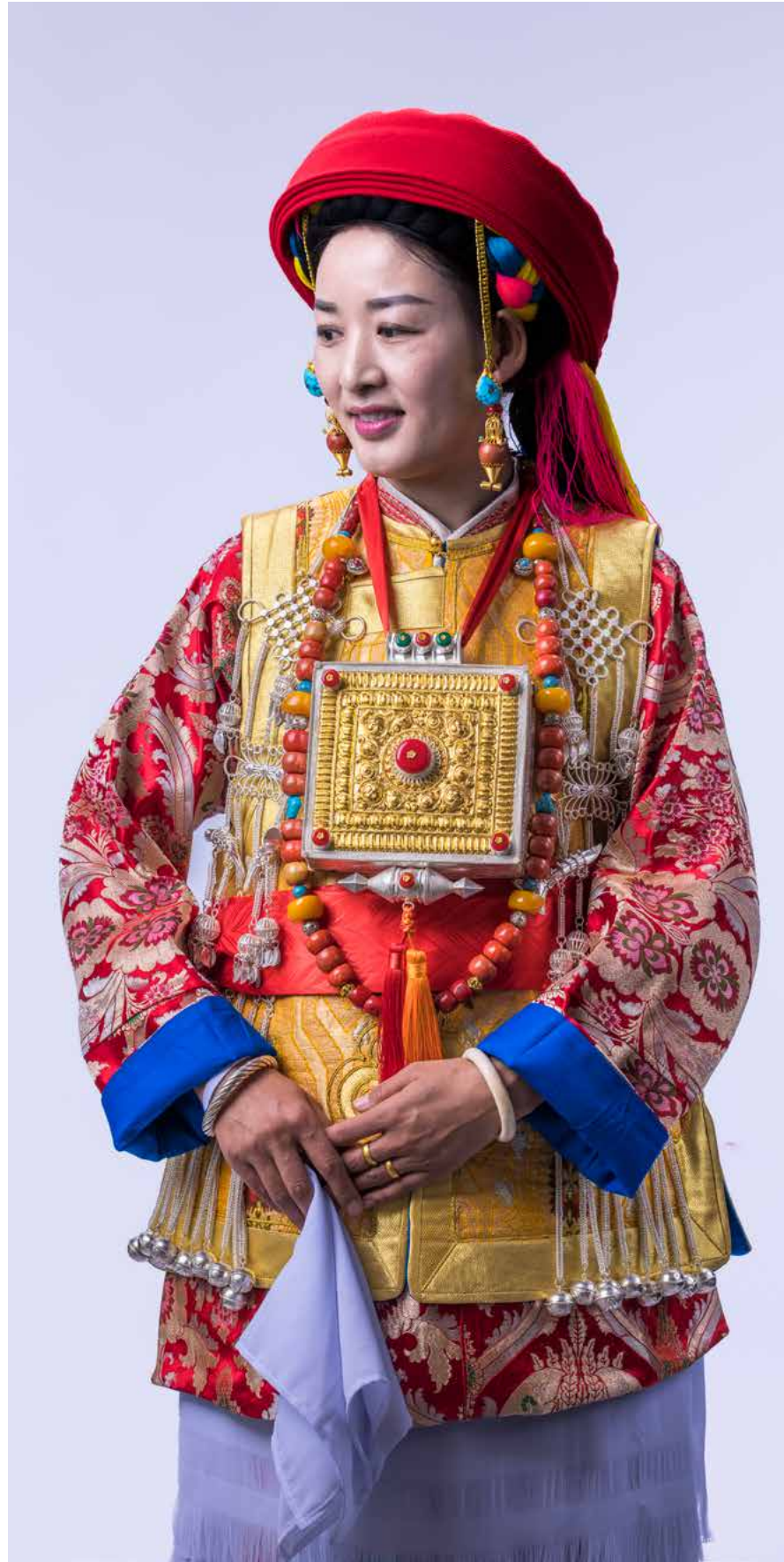
Giày ủng

Giày truyền thống của phụ nữ địa phương là loại ủng Tây Tạng có hai mũi (song mũi). Để giày được làm bằng nhiều lớp da khâu ép lại, còn phần thân và cổ ủng được chế tác từ vải dạ hoặc các chất liệu tương tự; ngoài ra cũng có những đôi ủng làm từ nhung có sợi kim loại.

Trang sức

Khuyên tai tại địa phương được gọi là “sách-nạp”. Trước đây, phụ nữ thường đeo khuyên tai bạc khảm đá lam ngọc và san hô; ngày nay đa số chuyển sang đeo khuyên tai vàng.

Giữa hai chiếc khuyên tai có nối với một sợi xích bạc gọi là “nạp-đa”, luồn qua giữa khăn đội đầu và bím tóc. Sợi xích này chủ yếu giúp giảm trọng lượng kéo xuống của khuyên tai và ngăn ngừa việc rách lỗ tai.



Ở cổ, người ta đeo những chuỗi vòng dài được kết xen từ đá lam ngọc, san hô, hạt dzi (thiên châu)... cùng với hộp gau bằng bạc hình lục giác. Trên cổ tay, phụ nữ đeo các loại vòng tay bạc địa phương gọi là “lạp-nựu”, cùng với vòng tay bằng ngà voi.

Ngoài ra, phụ nữ còn đeo một cặp trang sức ngực bằng bạc gọi là “tang-sắc”, được vắt qua vai và buông xuống trước ngực; cùng với món trang sức bạc gọi là “đông-thứ”, được cố định vào dây đeo của hộp gau ở cổ và buông xuống phía sau lưng.

Trong đó, tang-sắc được cấu thành từ bốn đoạn dây xích bạc dạng hoa nối tiếp nhau, lần lượt kết hợp với các họa tiết như nút cát tường, đôi cá, bướm..., phần cuối đính những chiếc chuông bạc nhỏ.

Còn đông-thứ gồm ba dây xích bạc dạng hoa đặt song song, nối với một vật trang trí hình nút cát tường, trên đó khảm các loại đá như lam ngọc, ngọc trai, san hô... Bên dưới là bảy dây xích bạc song song, đầu dưới xâu hạt và tận cùng được trang trí bằng tua rua nhiều màu sắc.

Khi nhảy điệu múa Oa Trang, những món trang sức này chuyển động theo thân người vũ công, va chạm vào nhau tạo nên âm thanh như phần đệm, góp phần hỗ trợ giữ nhịp và đồng bộ động tác

Khi nhảy điệu múa Oa Trang, tay phải thường cầm một chiếc khăn tay vuông màu trắng, ở giữa có gắn vòng đeo ngón tay. Điều này có liên quan đến phong tục cưới hỏi trong quá khứ: cô dâu trùm khăn đỏ che mặt, cúi đầu bước đi; do phải chia tay cha mẹ và người thân nên rơi lệ, liền dùng khăn tay lau nước mắt. Ngày nay, khi nhảy Oa Trang, chiếc khăn tay đã trở thành một phụ kiện không thể thiếu.



Trang phục Dân Từ Lan 037



Trước đây, phụ nữ còn đeo bên hông một loại đai bạc chạm khắc hoa văn, với nền bằng da đỏ hoặc vải dạ, bên trên nạm các hạt bạc nổi. Hiện nay, ngoài các dịp cưới hỏi, trong lúc nhảy Oa Trang người ta ít khi còn sử dụng loại đai này.

Ở phía bên phải eo có đeo một món trang sức bạc gọi là “y-hắc” hoặc “y-tra”. Món này có phần dây lót bằng gấm, trên đó khảm đá lam ngọc và san hô, phần cuối treo một túi kim chỉ.

Ở địa phương lưu truyền nhiều bài ca liên quan đến trang phục của phụ nữ, như: *“Thiếu nữ Lhasa trang phục đẹp, đầu không rời bím tóc xinh; thiếu nữ Lhasa trang phục đẹp, tai không rời san hô đỏ; thiếu nữ Lhasa trang phục đẹp, cổ không rời hộp gau tốt; thiếu nữ Lhasa trang phục đẹp, thân không rời áo đẹp; thiếu nữ Lhasa trang phục đẹp, eo không rời đai bạc cáp-mã; thiếu nữ Lhasa trang phục đẹp, eo không rời đai gia-sát; thiếu nữ Lhasa trang phục đẹp, chân không rời dây ủng Tây Tạng.”*

Nhìn chung, trang phục ở lưu vực sông Kim Sa có nhiều điểm tương đồng; đặc biệt tại các khu vực như Tha Đỉnh và Hà Nhược thuộc Địch Khánh (Vân Nam), trang phục nam nữ và cách tết tóc về cơ bản giống với Bôn Tử Lan.

Trang phục Bôn Tử Lan hội tụ tinh hoa của văn hóa Con đường Trà Mã. Mặc dù nhiều dân tộc cùng sinh sống xen cư tại đây, người dân địa phương vẫn với ý thức gìn giữ truyền thống vững chắc, không ngừng kế thừa và bảo tồn các giá trị văn hóa dân gian như trang phục, ca múa... Chính vì vậy, bộ trang phục này ngày nay đã trở thành một dạng trang phục đặc sắc được ca ngợi rộng rãi tại khu vực Vân Nam.



02

གཡག་རྩེ་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་རྒྱ།

TRANG PHỤC
NỮ GIỚI
DƯƠNG LẠP





① མགོ་རྒྱུན།

Trang sức đội đầu

② རྩ་ལོང་།

Khuyên tai

③ རྩ་ལོང་།

Áo sơ mi

④ རྩ་ལོང་།

Áo choàng

⑤ གཤུ།

Hộp gau

⑥ རྩ་ལོང་།

Đai chạm khắc

⑦ རྩ་ལོང་།

Thắt lưng

⑧ རྩ་ལོང་།

Đai quần eo



Dương Lạp là một xã thuộc huyện Đức Khâm, phía tây bắc giáp huyện Mang Khang của Tây Tạng, phía đông qua sông Kim Sa nhìn sang huyện Ba Đường của Tứ Xuyên, phía nam tiếp giáp các khu vực như Bôn Tử Lan. Trong tiếng Tạng, nơi này có hai cách gọi là “Ương Cáp” hoặc “Dương Lạp”, nhưng phổ biến hơn là Dương Lạp.

Tương truyền, địa hình nơi đây giống với sừng bò yak, vì vậy được đặt tên là “Dương Lạp” (ý nghĩa là sừng bò yak). Dương Lạp có độ cao trung bình khoảng 3200 mét so với mực nước biển, thuộc kiểu khí hậu ôn đới cao nguyên.

Trang phục địa phương nhìn chung tương đồng với một số khu vực của Đức Khâm cũng như Mang Khang (Tây Tạng), tuy nhiên cách gọi tên của một số loại y phục và trang sức có sự khác biệt, vì vậy được ghi chép lại riêng.

Toàn bộ trang phục bao gồm áo sơ mi, áo choàng, thắt lưng, đai quần eo, giày dép... cùng với các loại trang sức như đồ đội đầu, khuyên tai san hô ba tầng, bố-tri, hộp gau, đai chạm khắc và lạc-tùng...

Trang sức đội đầu

Trước đây, phụ nữ tết tóc cùng với các sợi chỉ màu như hồng, đen, xanh lục thành bím ba gọi là quả-thuy hoặc tá-đột, sau đó quấn vòng trên đầu, phần tua ở đuôi buông xuống phía sau tai phải. Theo người địa phương, trong lễ cưới, để thể hiện sự tôn trọng người khác, cô dâu không quấn bím tóc lên đầu mà giấu bím vào trong thắt lưng.

Ngày nay, đa số người ta dùng các sợi len màu như hồng, xanh lam, xanh lục... tết thành bím ba, làm thành loại tóc giả gọi là trát-tú, tiện cho việc đội lên; khi đeo, phần tua đuôi buông xuống phía sau tai trái.

Đôi khi còn sử dụng một loại ống bạc gọi là bàn-nụu để trang trí bím tóc: bím tóc được tết từ tóc và chỉ được chia thành hai phần, quấn dây bạc ở phần giữa, cuối cùng tạo thành ống bạc, phần tua đuôi buông xuống phía sau tai phải.



Áo sơ mi

Phần trên cơ thể mặc hai lớp áo sơ mi bằng vải kén màu hồng và trắng, cổ áo có viền gấm, tay áo khá dài. Bên ngoài là áo trắng, bên trong mặc áo hồng; tay áo của lớp trong dài hơn lớp ngoài một chút.

Ngày nay, người ta thường chỉ mặc một chiếc áo trắng làm từ vải hoặc vải kén, phần cổ tay được nối thêm một đoạn vải màu hồng rộng khoảng một gang tay.



Áo choàng

Trước đây, phụ nữ mặc áo choàng làm từ vải nỉ đen (len ép). Ngày nay, áo choàng thường được làm từ các chất liệu như phở-lỗ, vải dạ mịn hoặc vải thông thường. Áo choàng được chia thành hai loại: nam và nữ. Phần lớn áo choàng nam có thân rộng, tay dài và rộng; cổ áo, cổ tay... có viền trong bằng gấm màu vàng. Áo choàng nữ có kích thước nhỏ hơn, cổ áo cũng viền gấm, gồm hai loại có tay và không tay.

Thiết kế cổ áo và kiểu vạt phải (khuy cài bên phải) giống với áo kiểu Tây Tạng, lần lượt có khuy cổ, khuy giữa và khuy nách; hai bên gấu áo có xẻ, mép xẻ được viền gấm. Trước đây, việc có xẻ tà là biểu tượng của gia đình giàu có, vì vậy chỉ một số ít phụ nữ mới có áo choàng xẻ; ngoài ra, phụ nữ cũng không có thói quen mặc áo choàng nam rộng.





Ngày nay, áo choàng nữ hầu như đều có xẻ tà; khi mặc lễ phục, phụ nữ còn mặc cả áo choàng nam rộng. Áo choàng nữ thường được mặc trong các dịp chuẩn bị cưới hỏi hoặc những buổi tụ họp đơn giản.

Cách mặc áo choàng nữ cũng giống như nam: cởi tay áo bên phải, đưa vòng ra phía sau và nhét vào thắt lưng hoặc đai chạm khắc, hoặc cũng có thể không nhét mà để buông tự nhiên.

Thắt lưng

Ở vùng eo thắt thắt lưng *gia-sát* dệt bằng len; trước đây chiều dài có thể quấn quanh eo ba vòng, còn hiện nay chủ yếu mang tính trang trí, chỉ là loại dệt đơn giản quấn một vòng, thiết kế tương tự đai chạm khắc, có thể cài trực tiếp ở eo.

Ở hai bên hông (phía mông) có đính các món trang sức bạc hình hoa gọi là *sát-lạc*, trên đó gắn hạt, đá lam ngọc và san hô; phía dưới buông khoảng bốn chùm tua chỉ, với các màu như xanh lục, hồng...

Đai quấn eo

Ở eo buộc một chiếc khăn quấn sọc màu gọi là “bang-ca”, được làm từ vải hoa có các dải màu cầu vồng xếp ngang. Phần mép trên và hai góc của đai quấn eo được viền bằng gấm màu vàng.



Giày ủng

Trước đây, người ta đi loại ủng da địa phương gọi là gia-lan-hoắc-sắt; ngày nay phần lớn chuyển sang mang giày da hoặc giày vải mua từ chợ.

Trang sức

Trên tai đeo loại khuyên tai san hô ba tầng, được xếp lớp lần lượt từ đá lam ngọc, san hô, mã não... Ngày nay, phụ nữ chủ yếu đeo loại khuyên tai gọi là nạp-hoắc, được chế tác từ vàng hoặc bạc, hoặc đeo loại khuyên tai có hình dáng giống cá voi.

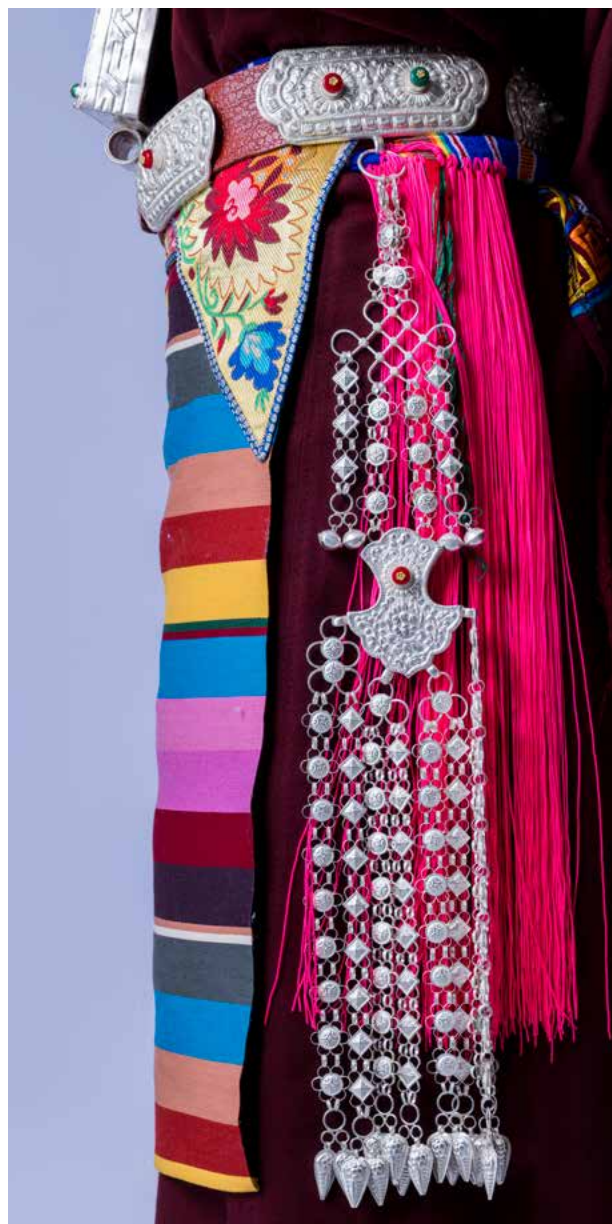
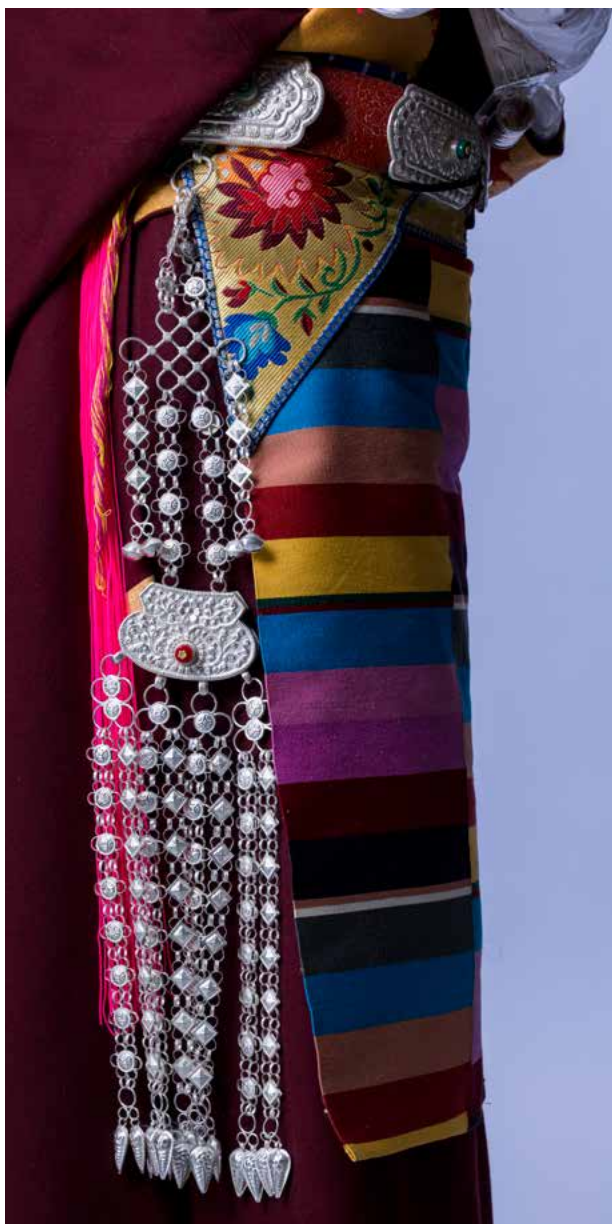
Ở cổ đeo các loại vòng được kết từ đá lam ngọc, san hô và các hạt bạc chạm rồng. Ngoài ra còn đeo một loại trang sức dẹt gọi là bố-tri, được tạo thành bằng cách gắn nhiều hạt bạc nhỏ lên nền lót màu đỏ, hai đầu là các hạt bạc hình hoa khảm đá lam ngọc và san hô.

Tương truyền, trước đây món này được dùng như khuy cổ để đeo; ngày nay, loại trang sức này trở nên lớn và dài hơn, có thể buông xuống tới vùng bụng. Phần nền lót trước kia làm từ gia-lạc phổ-lỗ hoặc phổ-lỗ đỏ, hiện nay chủ yếu dùng vải mua từ chợ để chế tác.



Ngoài ra, một số người còn đeo hộp gau bằng bạc khảm đá lam ngọc và san hô, có dạng mười hai con giáp hoặc hình lục giác.

Sau đó, trên thắt lưng còn đeo đai chạm khắc gọi là “cáp-mã-gia-tháp”, có nền bằng vải đỏ, bên trên khâu các hạt nổi bằng vàng hoặc bạc. Phía trước eo treo món trang sức bạc gọi là lạc-tùng, bên phải là túi tiền, bên trái là hộp kim chỉ.





Theo người địa phương, trước đây các món trang sức thường tinh xảo và nhỏ gọn; về sau, do sự so sánh giữa người với người, giữa các gia đình với nhau, dần dần hình thành xu hướng đeo trang sức cỡ lớn, vì vậy ngày nay các món trang sức đều có kích thước khá lớn.

Ngoài ra, trong điệu múa Oa Trang địa phương còn có những lời ca như sau:

“Khuyên tai san hô ba tầng, là trang sức nơi tai của em, trăm cái chọn một thật đẹp, hai trăm chọn hai càng xinh. Hộp gau mười hai con giáp, là trang sức nơi cổ của em, trăm cái chọn một thật đẹp, hai trăm chọn hai càng xinh. Áo sơ mi may từ vải kén, là trang phục của em, trăm cái chọn một thật đẹp, hai trăm chọn hai càng xinh. Thắt lưng gia-sát ngoài áo choàng, là trang sức nơi eo của em, trăm cái chọn một thật đẹp, hai trăm chọn hai càng xinh. Đai quần eo sắc màu như cầu vồng trời, là trang phục váy của em, trăm cái chọn một thật đẹp, hai trăm chọn hai càng xinh. Dây ủng như dấu chim in, là trang sức nơi chân của em, trăm cái chọn một thật đẹp, hai trăm chọn hai càng xinh.”

Những lời ca ngợi về đẹp trang phục nữ giới tương tự như vậy còn rất nhiều.

Dương La có nền văn hóa ca múa rất phong phú như điệu múa Huyền Tí... Đặc biệt trong các dịp như lễ cưới, người dân thường khoác lên mình những bộ trang phục tinh mỹ, qua đó góp phần gìn giữ và tiếp nối truyền thống trang phục một cách hiệu quả.



03

བདེ་ཆེན་ཇོང་གི་གོས་རྒྱ།

TRANG PHỤC
ĐÚC KHÂM





① རྩོད་རྒྱུང་། རྩོད་བཅེངས།
Thác-huỳnh/Thác-giang

② རྩོད་ཐེངས།
Nạp-đề

③ རྩོད་ཐེངས་། རྩོད་ཐེངས།
Khuyên tai

④ རྩོད་བ།
Chuỗi vòng

⑤ རྩོད་ཐེངས།
Bổ-tri

⑥ རྩོད་ཐེངས་། རྩོད་ཐེངས།
Áo sơ mi

⑦ རྩོད་ཐེངས།
Áo choàng

⑧ རྩོད་ཐེངས།
Đai chạm khắc

⑨ རྩོད་ཐེངས་། རྩོད་ཐེངས།
Thắt lưng gia-sát

⑩ རྩོད་ཐེངས།
Đai quần eo



① སོག་ལྷུ།
Tắc-hạ

② སྟོང་གོས།
Áo sơ mi

③ བརྩམ་གྱི།
Dao giắt eo

④ དངུལ་ཁྱུག།
Ví tiền

⑤ སྒྱ་པ།
Áo choàng

⑥ འབྲུ་རས་དོར་མ།
Quần lụa tơ tằm

⑦ ཀོ་ལྷུ་མ།
Giày da

Huyện Đức Khâm nằm dưới chân núi tuyết Mai Lý và dọc theo bờ thượng nguồn sông Mê Kông, độ cao trung bình khoảng 4200 mét, thuộc khí hậu núi cao nguyên, người dân chủ yếu làm nông nghiệp. Người dân ở vùng Nam Tá, Ba Địch của huyện Đức Khâm sẽ mặc một loại trang phục đặc biệt trong những dịp lễ quan trọng.



Trang phục Đức Khâm 057

Trang phục nữ giới

Một bộ trang phục hoàn chỉnh bao gồm áo sơ mi, áo choàng, thắt lưng, đai quần eo gia-sát, giày ủng..., cùng với các phụ kiện như mũ đội đầu, hoa tai, bông-tri, dây lưng chạm khắc, trà-lặc, dây quần tang-sắc-đức-nhiều...





Trang sức đội đầu

Trước đây, phụ nữ chia tóc thành hai phần, tết thành hai bím ba lọn, rồi đan thêm sợi tơ vào đuôi tóc, sau đó quấn các sợi tơ nhiều màu quanh bím tóc. Tiếp theo, luồn bím tóc vào hai ống bạc gọi là thoa-đồng, phần cuối của bím tóc có tua dài, cuối cùng cuộn toàn bộ lên đầu, kiểu tóc này gọi là thắc-huỳnh hoặc thắc-giang.

Trong ngày cưới, cô dâu và những người phụ trách tiếp đón khách sẽ không tết kiểu tóc thắc-huỳnh này mà sẽ luồn bím tóc qua nách trái và giắt vào thắt lưng, tua tóc buông phía trước, kiểu tóc này là để thể hiện sự tôn kính với cha mẹ và người thân.

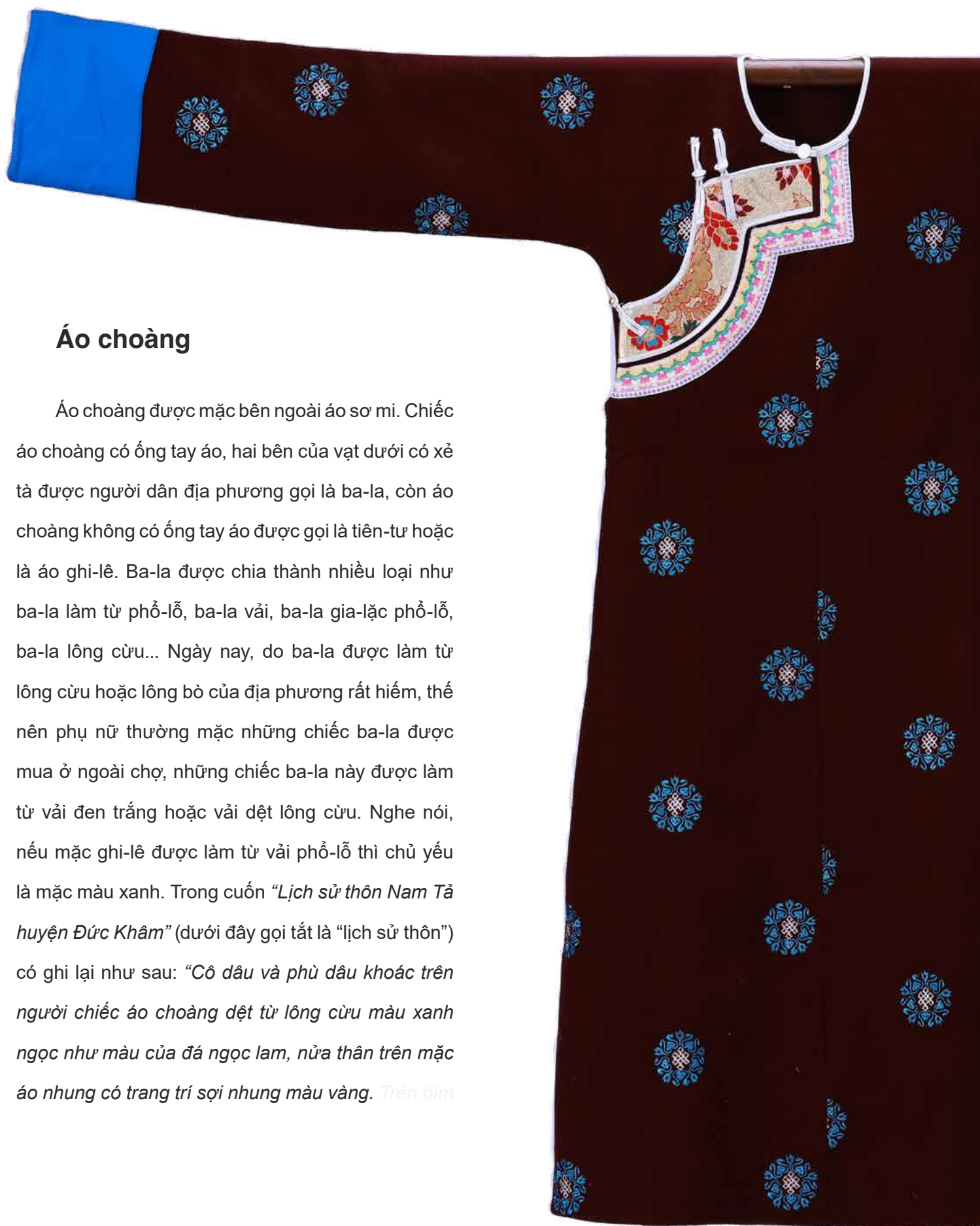


Nghe nói, trước đây còn có đeo một trang sức bạc gọi là nạp-đế bên phải của kiểu tóc thác huỳnh này, hình dạng tròn như chiếc đĩa, ở giữa có khảm san hô, nhưng ngày nay rất hiếm thấy. Thay vào đó là sử dụng kiểu tóc thác-huỳnh được mua ở chợ, trên đó lần lượt quấn những sợi tơ màu hồng, xanh lam, xanh lục. Ở phía sau tai phải để thừa ra một đoạn tua dài thả thõng xuống, phía trên trán được trang trí bằng tua len và ống bạc, tổng thể trông giống hình vòng khuyên mũi bò, có thể trực tiếp đội lên đầu. Ngoài ra, người già sẽ đem những sợi len màu hồng hoặc những màu khác quấn thành bím hoặc tết thành một bím ba sợi, sau đó quấn nó lên đầu, kiểu tóc này được gọi là quả-tri.

Áo sơ mi

Áo sơ mi được người dân địa phương gọi là đa-cổ hoặc bố-đồng, được làm từ vải trắng hoặc tơ tằm, cổ áo viền gấm. Vì tay áo dài nên thường được xắn lên, chỉ khi nhảy điệu Đức Khâm Oa Trang mới buông tay áo xuống.





Áo choàng

Áo choàng được mặc bên ngoài áo sơ mi. Chiếc áo choàng có ống tay áo, hai bên của vạt dưới có xẻ tà được người dân địa phương gọi là ba-la, còn áo choàng không có ống tay áo được gọi là tiên-tư hoặc là áo ghi-lê. Ba-la được chia thành nhiều loại như ba-la làm từ phở-lỗ, ba-la vải, ba-la gia-lặc phở-lỗ, ba-la lông cừu... Ngày nay, do ba-la được làm từ lông cừu hoặc lông bò của địa phương rất hiếm, thế nên phụ nữ thường mặc những chiếc ba-la được mua ở ngoài chợ, những chiếc ba-la này được làm từ vải đen trắng hoặc vải dệt lông cừu. Nghe nói, nếu mặc ghi-lê được làm từ vải phở-lỗ thì chủ yếu là mặc màu xanh. Trong cuốn *“Lịch sử thôn Nam Tả huyện Đức Khâm”* (dưới đây gọi tắt là “lịch sử thôn”) có ghi lại như sau: *“Cô dâu và phù dâu khoác trên người chiếc áo choàng dệt từ lông cừu màu xanh ngọc như màu của đá ngọc lam, nửa thân trên mặc áo nhung có trang trí sợi nhung màu vàng. Trên bím*

tóc được tết cùng với sợi nhung được quấn thêm trang sức rất tinh tế được làm từ các sợi vàng, bạc; bông tai đá quý đeo hai bên, trước ngực đeo hộp gau có gắn đá quý, cổ đeo dây chuyền gắn đá ngọc lam và san hô. Thắt lưng lụa nhiều màu sắc, hai bên thắt lưng có đeo túi đựng tiền và hộp kim chỉ được làm từ vàng bạc, dưới thắt lưng còn có treo lục lạc, âm thanh loong coong vang vọng. Thân dưới quần một chiếc đai quần eo có hình tam giác được làm từ lụa". Từ đó có thể thấy, trang phục của người phụ nữ ở Đức Khâm rất phong phú và lộng lẫy. Từ những bức ảnh cũ trước và sau năm 1980 cũng có thể nhìn thấy những chiếc ba-la và ghi-lê như vậy.



Trang phục Đức Khâm 063



Thắt lưng gia-sát

Vùng thắt lưng có quần thắt lưng gia-sát được làm từ lông cừu. Trước đây độ dài của thắt lưng có thể quấn 3 vòng eo, đến nay thay đổi thành chỉ quấn được 1 vòng. Thắt lưng này được chạm chỗ hoa văn, có thể cài, rất tiện khi sử dụng.

Đai quần eo

Trước đây, đai quần eo màu được làm từ vải dạ thô, phía dưới có trang trí thêm tua rua. Ngày nay, đai quần eo chủ yếu được làm từ lụa hoặc vải hoa, phía trên có viền gấm, hai góc trái phải được trang trí gấm hình tam giác gọi là “nạp-giác”, trên đai quần có nhiều hoa văn cầu vòng xếp theo hàng ngang.



Giày ủng

Được biết, trước đây người dân đi dép cỏ, ủng da, ủng làm từ phở-lở gia-lạc, ủng vải... Nhưng ngày nay, cho dù là trong các nơi trang trọng, người dân cũng rất ít khi đi những đôi ủng truyền thống, mà thay vào đó là những đôi ủng da kiểu Tạng được mua từ chợ.

Trang sức

Người dân địa phương gọi bông tai là “nạp-triết”. Trong đó, có một loại bông tai bạc gọi là “cá voi trắng” (bạch kinh), phía trên được đính ngọc lam và san hô, được nối với nhau bằng dây bạc hình hoa. Khi đeo, dây bạc sẽ xuyên qua tóc có tác dụng cố định bông tai.

Ở cổ đeo một vật trang trí phẳng gọi là “bổ-tri”, dùng vải đỏ làm nền, bên trên đính ba hàng bạc nhỏ dày đặc, hai đầu khảm ba bông hoa bạc lớn hơn một chút, trên hoa bạc lại khảm ngọc lam và san hô. Nghe nói, “bổ-tri” trước đây có hình dáng giống vòng cổ, trang trí hai hàng bạc nhỏ, khi đeo thì cài vào cổ áo; ngày nay hình dáng nó lớn và dài hơn một chút, buông xuống như vòng cổ dài. Vật liệu làm nền ngày xưa chủ yếu dùng phở-lỗ gia-lạc hoặc phở-lỗ màu đỏ, còn nay thì phổ biến dùng vải mua ở chợ. Ngoài ra, trên cổ còn đeo vòng cổ gọi là “xương-ngõa”- được khâu chuỗi bằng ngọc lam, san hô, hổ phách sáp ong, đá thiên châu... cùng với các vật trang trí khác như hộp gau vuông hình bằng bạc.



Ở eo đeo đai khắc hoa, nó dùng nỉ đỏ hoặc vải đỏ làm nền, lấy vải màu xanh làm đường viền, trên đó may khoảng năm miếng bạc khảm ngọc lam và san hô. Hai bên hông còn đeo trang sức bạc gọi là sát-lạc, trên nút thắt cát tường hình bông hoa có đính hạt cườm, ngọc lam và san hô, ở cuối phần đuôi là bốn sợi tua rua bằng chỉ xanh, hồng và các màu khác. Nghe nói đồ trang sức này ngày xưa không có, chỉ trở nên phổ biến trong những năm gần đây.



Ngoài ra, hai bên hông còn đeo trang sức bạc có tên là tang-sắc-đạt-nhiều, trên đó đính ngọc lam, san hô, hạt cườm... Phía dưới có tám chuỗi tua rua hình hoa làm bằng bạc, ở phần cuối là túi đựng đồ, hộp đựng chỉ và kim...

Trên cổ tay đeo vòng tay bạc hoặc vòng tay ngà voi có tên là “á-nông” hay “lạp-nữu”. Ngày xưa ngón tay đeo nhẫn bạc, nay thì đa số đeo nhẫn vàng.

Những trang phục này thường chỉ được mặc là trang phục lễ hội vào các dịp tết Nguyên Đán và các hoạt động dân gian khác, người già lẫn trẻ đều có thể mặc; còn trong ngày thường, ngoại trừ một số người cao tuổi thì rất ít người mặc.



Trang phục nam giới

Phong cách tổng thể của trang phục nam Đức Khâm tương tự như các khu vực khác thuộc vùng Tây Tạng: Người đàn ông uốn tóc thành bím ba lọn xoắn cùng với chỉ, đồng thời buộc vào vòng ngà, vòng ngọc, nhẫn và các vật trang trí khác vào bím tóc, cuối cùng quấn đuôi tóc trên đầu.

Ngày xưa, trên đầu người ta đội nhiều loại mũ như: mũ lông cáo, mũ tác-hạ, mũ Tây, mũ kim hoa... Mũ đội mùa hè và mùa đông khác nhau, như lời bài hát địa phương đã hát: *“Mùa hè đội mũ Tây, mùa đông đội mũ kim hoa”*. Quý tộc và viên quan còn đội mũ Giang Đạt, trên đỉnh mũ trang trí bằng chuỗi san hô nhỏ hoặc nút thắt rỗng làm từ vải. Ngày nay, trong các dịp như đám cưới, chú rể đội mũ tác-hạ, những người khác đội mũ kim hoa. Trong *“Lịch sử làng”* có ghi chép bài ca tán dương mũ khi đón và tiễn dâu: *“Mũ màu vàng đội trên đầu, màu sắc như mặt trời vàng, tua mũ giống như tia nắng chiếu, viền mũ đính chỉ vàng. Đỉnh mũ trang trí san hô đỏ, đội lên anh hùng càng anh hùng hào kiệt”*. Từ đó có thể biết, ngày xưa cũng có phong tục đội mũ trang trí san hô đỏ ở đỉnh.





Trong người trong mặc áo sơ mi lụa tằm trắng, cổ áo khảm lụa cấm, gọi là “đa-cổ”. Bên ngoài áo sơ mi, mặc áo dệt lông cừu hoặc áo vải, cổ áo và tay áo viền bằng vải xanh dương. Trong sách *“Lịch sử làng”* có viết: *“Mặc áo dệt lông cừu viền da hổ hoặc da báo”*, từ đó có thể thấy, ngày xưa người ta từng mặc trang phục viền da thú, nhưng ngày nay đã không còn phong tục này nữa.

Thắt lưng gia-sát ở eo, thắt nút ở sau lưng, phía đuôi phần tua rua dài buông xuống. Phần thân dưới mặc quần lụa tằm trắng, chân đi ủng nhung lụa vàng, ủng da, ủng tùng-ba...Theo ghi chép trong *“Lịch sử làng”*: *“Đầu đội mũ tác-hạ, thân mặc áo dệt lông cừu, chân đi ủng da”*. Từ đó có thể thấy, ngày xưa cũng có truyền thống đi ủng da.



Tai đeo khuyên tai vòng bạc đính ngọc lam và san hô, nhưng ngày nay hầu như không còn ai đeo nữa. Cổ đeo hộp gau nhỏ tròn gọi là “chương-ca”. Khi mặc trang phục lễ hội, người ta sẽ đeo hộp gau có tám vật cát tường chéo ngang qua nách trái.

Ở eo đeo ví tiền, được làm bằng da, trên đó đính hạt bạc hình hoa hoặc miếng bạc có khắc san hô, phía dưới dùng chuỗi bạc xâu nối vật trang trí kiểu hộp gau nhỏ. Ở eo đeo thêm con dao dài gọi là “đạt-triết”, bên hông còn treo dao nhỏ gọi là “đa-triết” có tua rua chỉ nhiều màu. Tuy nhiên, khi múa điệu Oa Trang thường không đeo dao, mà đeo con dao đánh lửa được gọi là gia-mã theo phương ngôn địa phương.



Người ta nói rằng một phần các vật trang trí địa phương như ngọc lam, san hô, khuyển tai, vòng cổ... ngày xưa đã được dùng để cất giấu trong tháp Phật Minh Châu Lạp Ca dưới chân núi tuyết Mai Lý, một phần khác đã được bán cho người mua đồ cổ. Do đó, ngày nay các vật trang trí cổ cực kỳ hiếm gặp. Tương tự, ngày xưa người địa phương còn có kỹ thuật thủ công tinh xảo như nhuộm màu bằng thực vật. Nhưng cùng với sự tiện lợi của lối sống hiện đại, các kỹ thuật này cũng dần bị thất truyền.

Bất kỳ nền văn hóa nào cũng giống như một tấm gương lịch sử trong sáng, phản ánh rõ ràng sự thịnh vượng và suy tàn, thăng trầm của cuộc sống ở từng thời kỳ. Trang phục và tập tục phong tục của Đức Khâm cũng thể hiện một cách sống động sự thay đổi, thăng trầm của văn hóa và cuộc sống địa phương.



04

མཐའ་ཚུའི་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་རྒྱ།

TRANG PHỤC
NỮ GIỚI
THÁP THÀNH





1 ལག་ཁྱེས།
Khăn đội đầu

2 མགོ་དགེས།
Quả-thụy

3 ཆེ་ཁོག།
Hoa tai

4 གོང་སྟོང།
Áo trên

5 བ་སྐྱང། ལག་སྟོང།
Ghi-lê

6 གཤུ། ཟླ་རྩོམ།
Hộp gau

7 སྐུ་ཙ།
Thắt lưng

8 བ་ཁོག།
Dây đai chạm hoa
văn

9 སིང་སི།
Tang-sắc

10 ཟླ་མ།
Váy

Thị trấn Tháp Thành trực thuộc huyện Văn Tây khu tự trị dân tộc Tây Tạng Địch Khánh, có độ cao trung bình khoảng 2000 mét, thuộc khí hậu gió mùa ôn đới trung gian.

Trong lịch sử, từng có các vương triều như Thổ Phồn, Sa Đan, Nam Chiếu, Đại Lý... thay phiên nhau cai trị khu vực này, vì vậy nơi đây có nhiều dân tộc cùng cư trú như người Tạng, Nạp Tây, Di, Lật Túc..., và trong phương diện văn hóa, phong tục cũng có sự giao thoa lẫn nhau.

Đặc biệt là trang phục địa phương, mặc dù về mặt kỹ thuật thủ công, vật liệu cũng như kết cấu cơ bản tương tự với các khu vực như trấn Bôn Tử Lan, xã Ngũ Cảnh, xã Đoá Đỉnh thuộc lưu vực sông Kim Sa, nhưng về tên gọi của trang phục và đồ trang sức vẫn mang đặc trưng khu vực.

Toàn bộ trang phục bao gồm khăn đội đầu, áo ghi-lê, thắt lưng, váy, giày dép..., cùng với các đồ trang sức như hoa tai, hộp gau, vòng cổ, đai chạm khắc hoa văn, tang-sắc...



Trang phục nữ giới Tháp Thành 075

Quả-thụy

Trong quá khứ, phụ nữ địa phương thường tết tóc thành những bím nhỏ ba sợi, dùng các sợi len màu khác nhau làm sợi đan xen và tết vào phần đuôi tóc, sau đó cuộn bím tóc lên trên đầu, phần đuôi bím buông xuống phía sau tai trái; kiểu tóc này được gọi là “quả-thụy”.

Ngày nay, ngoài một số phụ nữ lớn tuổi, hầu như không còn ai tết kiểu tóc này nữa, mà thay vào đó người ta dùng các sợi len màu đen, xanh lam, hồng... đan kết lại, rồi làm thành “quả-thụy” có thể đội trực tiếp lên đầu.



Khăn đội đầu

Theo truyền thống, trên kiểu tóc “quả-thụy” sẽ quấn một loại khăn trùm đầu màu đỏ gọi là “Lạp-hỉ”, dài khoảng 4 mét, rộng khoảng 8–10 cm.

Khi quấn khăn, trước tiên dùng một đầu khăn phủ lên đỉnh đầu, sau đó quấn từng vòng đều đặn quanh đầu; cách quấn tương tự như ở các khu vực trấn Bôn Tử Lan, xã Đoá Đỉnh và xã Ngũ Cảnh.

Phụ nữ lớn tuổi sử dụng khăn trùm đầu màu đen, phụ nữ trung niên quấn khăn màu tím đỏ, còn thiếu nữ chưa kết hôn thì quấn khăn màu đỏ.

Ngày nay, phụ nữ thường khâu liền khăn trùm đầu với “quả-thụy”, tạo thành dạng có thể đội trực tiếp lên đầu, và đa số phụ nữ sử dụng khăn màu đỏ.



Áo trên

Áo trên ở địa phương được gọi là “cống-đóa”, thường được làm bằng gấm hoặc vải với các màu như đỏ, xanh lam...

Bên trong phần gấu áo phía dưới được may thêm một mảnh lụa trắng tơ kén có tua trang trí, bộ phận trang trí này được gọi là “thứ-lạc”.

Theo truyền thuyết, trước đây phụ nữ thường mặc một chiếc áo sơ mi trắng hoàn chỉnh bên trong áo ngoài, về sau dần đơn giản hóa, chỉ còn may thêm phần viền giả để tạo tính thẩm mỹ.



Áo ghi-lê

Bên ngoài áo trên thường mặc một loại áo khoác không tay gọi là “bố-đông” hoặc “ca-đóa”.

Phần cổ áo và gấu áo có viền gấm và được thêu hoặc nẹp chỉ vàng; phần gấu áo phía trước, phía sau và hai bên đều có xẻ tà.

Trước đây, áo khoác không tay chủ yếu được làm bằng vải thô như vải gai, nhưng hiện nay phần lớn được may bằng gấm hoặc vải màu, với các màu như vàng, đỏ, xanh lục...

Người lớn tuổi thường mặc kiểu giản dị, trang nhã, trong khi người trẻ lại ưa chuộng loại có màu sắc sặc sỡ.

Đồng thời, người dân còn có thói quen vắt một dải khăn “kha-ta” màu trắng từ vai, vòng qua thân và buộc chéo dưới nách phải, được xem là biểu tượng may mắn.



Thắt lưng

Thắt lưng trong phương ngữ địa phương được gọi là “cách-ngõa”, thường được buộc hơi lỏng bên ngoài áo khoác không tay và áo trên, hai đầu có tua trang trí buông tự nhiên từ sau lưng xuống tới khoeo chân.

Trước đây, thắt lưng được dệt từ các loại vải thô như vải len dệt tay, nhưng hiện nay phần lớn được làm từ các loại vải nhiều màu mua sẵn trên thị trường.

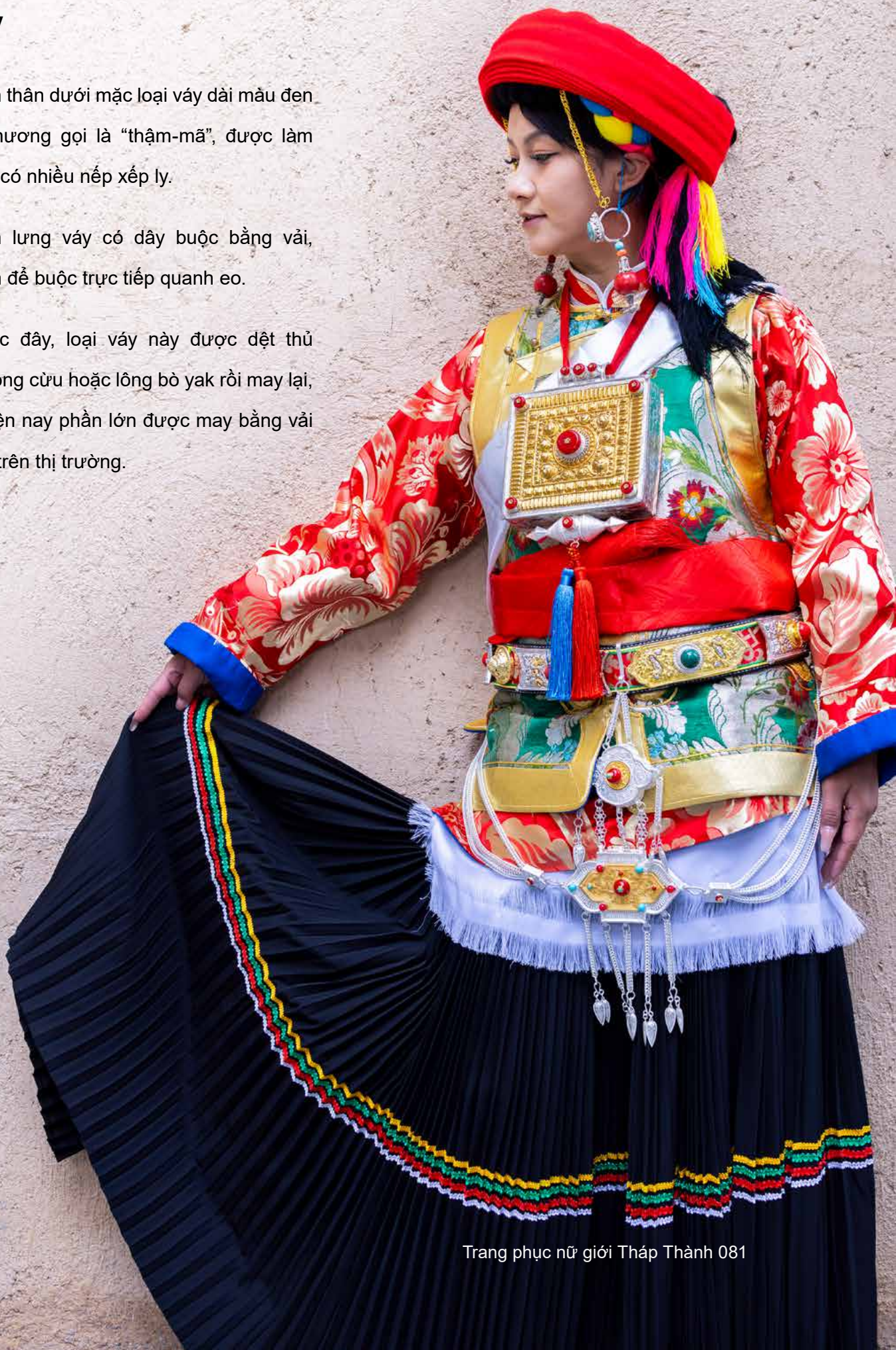


Váy

Phần thân dưới mặc loại váy dài màu đen tại địa phương gọi là “thậm-mã”, được làm bằng vải, có nhiều nếp xếp ly.

Phần lưng váy có dây buộc bằng vải, thuận tiện để buộc trực tiếp quanh eo.

Trước đây, loại váy này được dệt thủ công từ lông cừu hoặc lông bò yak rồi may lại, nhưng hiện nay phần lớn được may bằng vải mua sẵn trên thị trường.



Giày ủng

Trước đây, phụ nữ thường mang giày boots Tây Tạng hoặc giày vải có đế khâu nhiều lớp, còn hiện nay phổ biến là sử dụng các loại giày da thông thường mua từ thị trường.

Trang sức

Ở tai đeo loại hoa tai địa phương gọi là “nội-khoát”, trong đó “nội” nghĩa là tai, “khoát” nghĩa là vòng. Phụ nữ thường đeo hoa tai bạc khảm ngọc lam và san hô.

Theo truyền thống, hoa tai được đeo trực tiếp qua lỗ tai, nhưng ngày nay hầu như không còn ai xỏ lỗ tai lớn, vì vậy phụ nữ dùng một sợi dây bạc nối hai hoa tai lại với nhau; sợi dây bạc được cố định vào khăn trùm đầu, khiến hai hoa tai tự nhiên buông xuống hai bên tai.



Trên cổ đeo hộp vuông gọi là “cấp-hôn”, được làm bằng bạc, khảm ngọc lam và san hô. Trong phương ngữ địa phương, ngọc lam được gọi là “hiệp-lạc-ngô-nhiệt-mã”, còn san hô gọi là “hiệp-lạc-mã-thương-mã”.

Ngoài ra, ở cổ còn đeo chuỗi hạt gọi là “xương-ngõa”, được khâu bằng ngọc lam và san hô xen kẽ; một số người còn dùng chuỗi này làm dây treo cho hộp gau.



Ở eo buộc đai chạm khắc gọi là “ba-khoát”, làm từ da đỏ hoặc gấm làm nền, trang trí bằng các đinh bạc và miếng bạc. Người ta nói rằng trước đây các đinh bạc trên đai nhỏ hơn hiện nay.

Phần dưới cơ thể còn treo trang sức bạc gọi là “tang-sắc”, được tạo bằng cách dùng dây bạc nối hai hoặc ba vật trang trí hình hộp gau xếp dọc, treo xuống từ đai. Hai bên trái phải của các vật trang trí này được nối bằng dây bạc ba hoặc bốn sợi, đầu dây cố định vào hai bên thắt lưng.

Đây là kiểu trang sức phổ biến hiện nay; còn hình thức truyền thống thì các túi gấm như túi tiền và túi kim chỉ được treo thẳng xuống hai bên đùi.



Những trang phục này chủ yếu được mặc trong các dịp lễ hội và hoạt động dân gian. Trong đời sống hằng ngày, người lớn tuổi thường chỉ buộc một chiếc đai quần eo có nếp gấp màu xanh hoặc trắng ở eo, viền trắng hoặc xanh, dài đến đầu gối.

Ngoài ra, ở khu vực gần Tháp Thành có một số nhóm người Nạp Tây tự xưng là “Mã-lệ-mã-tát”, họ có trang phục riêng dùng trong nghi lễ, nhưng trong đám cưới lại mặc trang phục Tạng của Tháp Thành.

Thị trấn Tháp Thành có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đặc biệt là nơi cư trú của nhiều dân tộc cùng sinh sống. Văn hóa nơi đây đã trải qua quá trình giao thoa, tiếp biến và hòa nhập; các dân tộc không chỉ bảo tồn và truyền thừa văn hóa riêng của mình, mà còn khiến văn hóa trang phục, dân ca và vũ điệu dân gian địa phương hình thành trạng thái cộng sinh, cùng tồn tại và phát triển hài hòa.



Trang phục nữ giới Tháp Thành 085

05

འབའ་བློས་ཀྱི་གོས་རྒྱ།

TRANG PHỤC
BA CHÂU





- | | | | | |
|------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------|
| ① ཚེ་རིང་སྒྲིན་ཁེབས།
Mũ kim hoa | ② མགོ་དྲིལ།
Quả-thụỵ | ③ ཐུ་སྤྱང་། འགག་སྒོད།
Ghi-lê | ④ ཨ་ལྷ། སྒོད་འཛོག་
Áo sơ mi | ⑤ ཐུ་བ།
Áo choàng |
| ⑥ རྒྱབ་བཏགས།
Dây choàng lưng | ⑦ འག་རས།
Khăn tay | ⑧ སྒྲུམ་མོ།
Quần dài | ⑨ ལྗམ།
Giày | |



① ལག་བྱིས།
Khăn quần đầu

② རྒྱུ་ལོག།
Hoa tai

③ ཨ་ལྷ། རྩོད་འབོག།
Áo sơ mi

④ ཐུ་སྦྱང་། ལག་ལྗོད།
Ghi-lê

⑤ ལག་རས།
Khăn tay

⑥ སིང་སི།
Tang-sắc

⑦ རྩོ་ཐོ།
Váy

Thôn Ba Châu là một ngôi làng nằm ở phía đông nam của thị trấn Tháp Thành, thuộc huyện tự trị dân tộc Duy Tây Lật Tật. Độ cao trung bình khoảng 2.500 mét so với mực nước biển, khí hậu thuộc kiểu gió mùa ôn đới trung bình.

Địa danh nơi đây có nhiều cách gọi khác nhau như Ba Châu, “Ba Trác”, “Ba Trọng”... Theo cách giải thích được lưu truyền phổ biến hơn cả, trước đây có vài hộ dân chạy nạn từ Ba Đường đến vùng này sinh sống. Về sau họ dần sinh sôi phát triển, hình thành nên một ngôi làng lớn với hơn hai trăm hộ dân như ngày nay. Tên gọi “Ba Châu” được đặt với ý nghĩa “những người chạy nạn từ Ba Đường đến đây”.

Dân tục và trang phục của thôn Ba Châu có phần khác biệt so với các khu vực xung quanh, mang đậm nét đặc sắc địa phương. Đặc biệt, các loại hình ca múa truyền thống lâu đời như “Nhiệt Ba” và “Xướng Đô” rất phong phú và giàu bản sắc.

Khi biểu diễn điệu múa “Xướng Đô”, trước hết người ta phải cử hành nghi thức nghênh thỉnh các vị thần như Thiên thần, Long thần, Phúc thần... Sau khi kết thúc biểu diễn thì làm lễ tiễn đưa Thiên thần và Long Vương, đồng thời cầu nguyện chiêu phúc. Tương truyền rằng việc trình diễn điệu múa này chủ yếu nhằm cầu chúc dân làng được hạnh phúc an khang, mùa màng bội thu, đồng thời xua trừ tà ma và các chướng ngại.

Khi biểu diễn điệu múa này, cả nam lẫn nữ đều phải mặc và đeo những trang phục đặc biệt mang tính nghi lễ truyền thống.



Trang phục nam giới

Trọn bộ trang phục bao gồm mũ kim hoa, áo sơ mi, áo ghi-lê, áo choàng dài, quần, ủng cùng các loại phụ sức như khăn kha-ta, nhẫn ban chỉ và dây đeo lưng...





Quả-thụy

Trước đây, nam giới để tóc dài và tết thành bím ba lọn. Sau đó họ dùng chỉ tơ màu đỏ làm sợi kết hợp để tết vào phần đuôi tóc, rồi quấn toàn bộ lên trên đầu. Kiểu tóc này được gọi là “quả-thụy”.

Ngày nay tuy rất ít người còn để tóc dài, nhưng để lưu truyền kiểu tóc truyền thống này, người dân thường dùng các sợi chỉ màu như hồng, xanh lam, xanh lục... tết thành bím ba lọn rồi quấn bên ngoài chiếc mũ kim hoa trước khi đội lên đầu. Đây là một kiểu quấn tóc đặc biệt, khác với những nơi khác.

Người địa phương gọi mũ là “xọ”. Trước đây họ từng đội nhiều loại mũ như mũ kiểu Tây, mũ da cáo, mũ kim hoa, mũ lông gấu mèo... Nhưng hiện nay chủ yếu là đội mũ kim hoa được may bằng lông nhân tạo, còn các loại như mũ da cáo thì hầu như không còn ai sử dụng nữa.

Áo sơ mi & ghi-lê

Phần thân trên bên trong mặc áo vải trắng địa phương gọi là “a-la” hoặc “đông-ba”, phần cổ áo và cổ tay áo được viền gấm sa tanh. Bên ngoài áo sơ mi khoác thêm một chiếc áo ghi-lê màu đen; lớp ngoài làm bằng nhung kim tuyến, lớp trong dùng vải nỉ hoặc vải xanh lam, phần cổ áo và nách áo đều được viền gấm sa tanh, hai bên vạt dưới để xẻ tà.





Áo choàng

Mặc ngoài cùng là một chiếc trường bào màu đỏ được làm từ vải hoặc vải dạ phổ-lồ. Trên áo có đính viền những dải vải màu xanh lam gọi là “sơn-gia”.

Ngày nay, để thuận tiện hơn trong sinh hoạt, người dân đã cải biến áo choàng Tây Tạng truyền thống thành kiểu tách rời áo và váy. Phần áo phía trên có bo thun ở gấu áo để bó gọn trang phục; phần dưới được may theo kiểu váy ngắn, phía sau eo có xếp ly, tại cặp váy khâu thêm dây vải, nhờ đó có thể buộc trực tiếp quanh eo mà không cần dùng thắt lưng nữa.

Quần dài

Phần thân dưới mặc loại quần màu trắng địa phương gọi là “nang-mạc”. Quần được may bằng vải hoặc lụa tơ kén, ống quần rộng, gấu quần có trang trí tua rua; sau khi mặc vào, các tua rua sẽ tự nhiên buông xuống bên ngoài ủng.

Trước đây, trong những dịp biểu diễn các điệu múa như “xương-đô”, người ta còn nối thêm một đoạn vải lụa tơ kén màu trắng phía dưới đầu gối. Sau khi biểu diễn kết thúc thì tháo ra và cất giữ cẩn thận.

Giày ủng

Trên chân đi các loại ủng gọi là “hoắc-sắt”, gồm ủng da, ủng nhung kim tuyến, ủng vải... Ngày nay, trong những dịp mặc lễ phục như khi biểu diễn điệu múa “xương-đô”, đa số mọi người mang loại ủng da có đế khâu nhiều lớp.



Trang sức

Trên cổ đeo một dải khăn kha-ta trắng tinh, hai đầu hoặc được thắt nút trước ngực, hoặc buông tự nhiên xuống phía trước; tương truyền điều này mang ý nghĩa cát tường. Nam giới chỉ đeo hộp gau trong những dịp lễ trọng như hôn lễ, còn khi biểu diễn điệu múa “xương-đô” thì thông thường không mang.

Cả nam và nữ đều có tập tục cầm khăn tay màu trắng ở tay phải. Tương truyền rằng nguồn gốc của phong tục này xuất phát từ thuở ban đầu khi múa điệu “A Lý Tuyên vũ”, người dẫn đầu cầm chùm lông bò Tây Tạng màu trắng, về sau dần biến thành cầm khăn kha-ta và khăn tay. Một cách giải thích khác cho rằng vì điệu múa “xương-đô” thường phải biểu diễn suốt đêm nên khăn trắng được dùng để lau mồ hôi cho vũ công, lâu dần trở thành tập tục.

Người dân còn có thói quen đeo nhẫn ban chỉ bằng ngà voi ở ngón tay cái; vật này vốn dùng để bảo vệ ngón tay khi bắn cung, nhưng ngày nay đã rất hiếm thấy.

Ở thắt lưng còn buộc một loại dây đeo trang trí gọi là “gia-đạt”, được làm từ dải lụa ngũ sắc. Vật này chỉ sử dụng khi biểu diễn điệu múa “xương-đô”, còn trong các dịp lễ hội thông thường thì không đeo.





Trang phục nữ giới

Trọn bộ trang phục bao gồm khăn đội đầu, áo sơ mi, áo ghi-lê, váy, giày dép cùng các loại trang sức như hoa tai, hộp gàu, vòng tay, khăn kha-ta...



Trước đây, phụ nữ tết tóc thành bím ba lọn, ở phần đuôi tóc còn tết thêm các sợi chỉ màu làm dây kết hợp, rồi cuốn tất cả lên trên đầu. Ngày nay rất ít người còn tự tết tóc thật, thay vào đó họ dùng các sợi len màu vàng, xanh lam, hồng... để tết thành bím tóc giả ba lọn rồi quấn quanh đầu.

Trên bím tóc còn quấn một loại khăn đen địa phương gọi là “Lạp-hỉ”, dài khoảng 2 mét, rộng chừng 10 cm. Khi quấn, trước tiên dùng một đầu khăn phủ lên đỉnh đầu, phần còn lại quấn theo chiều kim đồng hồ quanh đầu. Màu sắc, chất liệu và cách quấn khăn cho đến nay vẫn được giữ theo truyền thống xưa.



Áo sơ mi và áo ghi-lê

Phần thân trên bên trong mặc áo màu hồng địa phương gọi là “a-la” hoặc “đông-ba”. Phần cổ áo và cổ tay áo được viền bằng vải hoa dạ phở-lỗ, phía trong gấu áo còn may thêm một lớp vải trắng có tua rua.

Bên ngoài áo sơ mi khoác thêm một chiếc áo ghi-lê; lớp ngoài làm bằng nhung kim tuyến, lớp trong dùng vải nỉ hoặc vải xanh lam. Phần cổ áo và nách áo được viền gấm sa tanh, hai bên vạt dưới để xẻ tà.





Quần dài

Trước đây, phần thân dưới mặc loại váy đen nhiều nếp gấp gọi là “thạc-tháp”, được làm thủ công từ lông cừu hoặc lông bò yak. Ngày nay, đa số chuyển sang mặc váy vải mua ngoài chợ, kiểu dáng tương tự với các khu vực lân cận.

Giày ủng

Trên chân mang loại ủng Tây Tạng nhiều lớp để gọi là “hoắc-sắt”, được làm bằng da hoặc nhung kim tuyến. Ngày nay, người dân phần lớn chuyển sang đi giày da và giày vải mua ngoài chợ.

Trang sức

Trang sức tai gồm loại khuyên bạc gọi là “san hô tam điệp”. Nó không đeo trực tiếp vào lỗ tai mà trước tiên mỗi bên tai đeo một vòng nhỏ, sau đó mới móc đôi khuyên vào vòng ấy, rồi dùng dây bạc gọi là “nạp-tháp” để nối hai bên lại với nhau. Dây bạc này đi vòng qua phía trên khăn đội đầu và được cố định lại.

Ở cổ người dân có thói quen đeo hộp hộ thân hình lục giác bằng bạc gọi là hộp gau, trên đó khảm ngọc lam và san hô. Trên cổ tay đeo vòng ngà voi gọi là “la-nựu”; chiếc vòng này không chỉ để trang trí mà còn được cho là có tác dụng phòng ngừa chứng trúng phong và các bệnh tương tự.

Ngoài ra, người ta còn quàng một dải khăn kha-ta trắng từ trước ngực qua vai ra phía sau lưng rồi buộc lại, để hai đầu khăn buông tự nhiên xuống. Theo quan niệm coi trọng điềm lành và duyên khởi của người Tạng, điều này tượng trưng cho tâm hồn thanh khiết không tì vết, đồng thời biểu thị việc kính dâng khăn kha-ta trắng lên mọi người. Trong các dịp như hôn lễ, phụ nữ còn có tập tục đeo những vật trang sức nhỏ như “tang-sắc”, nhưng khi biểu diễn điệu múa “xương-đô” thì hầu như không sử dụng.





Trong sinh hoạt hằng ngày, phụ nữ lớn tuổi thường gấp đôi chiếc khăn xanh gọi là “lạp hì” rồi quấn lên đầu. Bốn cạnh khăn có thêu hoa văn và đính tua rua. Khăn được cố định bằng những bím len ba sợi màu xanh, hồng, đen... Ở phía sau thắt lưng còn buộc một chiếc đai quấn eo xanh nhiều nếp gấp, có loại viền trang trí và có loại không viền.

Bất kể nam hay nữ, khi biểu diễn điệu múa “xương-đô” đều có tập tục dán “tú-ba” lên hai bên thái dương. “tú-ba” là loại giấy thuốc có bôi nhựa thông. Tập tục này bắt nguồn từ việc ngày xưa họ thường múa hát suốt đêm, dán “tú-ba” được cho là có thể phòng tránh chóng mặt hoặc trúng phong.

Điệu múa “xương-đô” được tin rằng có công năng đặc biệt trong việc cầu mong mưa thuận gió hòa, đồng thời phòng tránh các thiên tai như sương giá hay mưa đá. Vì vậy trước đây người dân địa phương có tập tục mỗi năm biểu diễn điệu múa này một lần. Khi biểu diễn thường hát rằng: *“Khăn đầu tơ lụa sắc màu tụ hội, hoa tai san hô ba tầng chồng lớp, trước ngực pha-ta trắng như tuyết tinh khôi, hộp họ thân đồ thắm rực rỡ, áo trên như mặt trời chiếu núi tuyết, đai lưng đủ sắc tựa cầu vồng, quần trắng như vỏ ốc buông tua rua, ủng da đóng ba mươi sáu đinh sắt, dây buộc ủng là chỉ vàng của thiếu nữ người Hán.”*

Qua đó có thể thấy rằng trang phục nơi đây là một hệ thống hoàn chỉnh với lịch sử lâu đời.

Ngày nay, nhờ dựa vào các loại hình văn hóa múa hát như “nhiệt-ba” và “xương-đô”, trang phục của thôn Ba Châu đã được gìn giữ và truyền thừa khá tốt, hầu như không bị pha tạp hay ảnh hưởng từ bên ngoài. Những bộ trang phục đẹp để mang đậm chiều sâu văn hóa ấy tự nhiên trở thành sức hấp dẫn đối với du khách khắp nơi.



06

ཉི་ཤར་རོང་པའི་གོས་རྒྱ།

TRANG PHỤC
NI TÂY





① འཕམ་རྩོད།
Bàn-trác

② རྩོད་པ།
Hoa tai

③ འཕ་ཕུག་དཀར་དམར།
Áo sơ mi

④ འཇའ་ཆོན་སྒྲོན་འཕོག།
Ghi-lê

⑤ གཤུ།
Hộp gau

⑥ གཟན་ལྷ། གཟན་ཤོང།
Áo choàng vai

⑦ ཆབ་མ།
Đai chạm khắc

⑧ སིང་སྒྲོ།
Tang-sắc

⑨ སྒྲུ་མོ།
Quần dài

Xã Ni Tây hiện nay trực thuộc thành phố Shangri-La, có độ cao trung bình khoảng 3.000 mét so với mực nước biển và thuộc kiểu khí hậu thung lũng khô nóng. Người dân nơi đây sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp hoặc kết hợp nông – mục.

Trong vùng có các thôn làng như Thang Đôi, Thang Mãn, Hạnh Phúc, Nam Đàng ... Những làng này nhìn chung có cách ăn mặc, phong cách trang sức và phong tục tập quán khá tương đồng nhau.

Trang phục của xã Ni Tây tuy có nhiều điểm tương tự với trang phục tại các khu vực dọc lưu vực sông Kim Sa như thị trấn Bôn Tử Lan, xã Ngũ Cảnh hay trấn Ngõa Ca, nhưng về kiểu dáng y phục và tập quán mặc trang phục vẫn mang những nét đặc sắc địa phương riêng biệt.



Trang phục nữ giới

Trọn bộ trang phục bao gồm áo sơ mi, áo ghi-lê, thắt lưng “gia-sát”, khăn choàng vai, quần, giày dép cùng các loại trang sức như hoa tai, dây chuyền, hộp gàu, vòng tay, đai chạm hoa văn và các vật trang sức nhỏ “tang-sắc”...





Bàn trác

Trang phục địa phương chủ yếu được làm từ các chất liệu như lụa, gấm sa tanh, vải, vải dạ phở-lỗ và da thuộc.

Trước đây, phụ nữ dù có ăn mặc lễ phục hay không cũng đều có tập tục tết nhiều bím tóc nhỏ. Trước tiên, họ lấy một phần tóc trên đỉnh đầu tết thành một bím lớn, phần tóc còn lại được tết thành nhiều bím nhỏ. Sau đó, tại vị trí sau gáy, toàn bộ các bím tóc lại được tết chung thành một bím ba sợi lớn hơn, đồng thời đan thêm sợi len màu đen làm dây kết hợp. Cứ mỗi đoạn lại dùng len màu khác nhau để buộc cố định, cuối cùng cuốn toàn bộ lên đầu; phần đuôi bím tóc buông xuống phía tai trái hoặc được giắt vào giữa tóc. Kiểu tóc này được gọi là “bàn-trác”.

Ngày nay, những phụ nữ lớn tuổi khoảng trên dưới 60 sau khi tết tóc vẫn thường đan thêm một ít len màu hồng và xanh lục vào các sợi len đen, rồi cuốn tất cả lên đầu như truyền thống. Trong khi đó, giới trẻ hiện nay hầu như không còn tự tết tóc nữa, mà khi mặc lễ phục sẽ trực tiếp đội kiểu “bàn-trác” đã được tết sẵn bằng các sợi len màu xanh lục, xanh lam, vàng, đen...



Áo sơ mi

Phần thân trên mặc loại áo sơ mi địa phương gọi là “hạ-đặc-cát-mã”, được may bằng vải hoặc lụa tơ kén, phần cổ áo được viền gấm sa tanh.

Đúng như câu dân gian địa phương nói rằng: *“Nam nhi mặc áo trắng tinh, Nữ nhân khoác áo sắc hồng rực rỡ.”*

Nam giới chủ yếu mặc áo màu trắng làm từ lụa tơ kén và các chất liệu tương tự, còn phụ nữ thường mặc các màu như đỏ, hồng...

Tay áo được chia thành hai loại: tay dài và tay ngắn. Tay dài có thể chạm đất, còn tay ngắn chỉ dài tới cổ tay. Vì trong các dịp như pháp hội hay hôn lễ thường cần biểu diễn múa hát nên khi mặc lễ phục, người địa phương đa phần sẽ chọn loại áo tay dài.



Áo ghi-lê & thắt lưng gia-sát

Bên ngoài áo sơ mi khoác thêm một chiếc áo ghi-lê địa phương gọi là “giáp-thôn-đa-ba”. Áo có lớp ngoài bằng gấm sa tanh, lớp trong bằng vải dạ, và là trang phục không thể thiếu của cô dâu trong lễ cưới.

Bên ngoài áo ghi-lê còn buộc ngay ngắn một chiếc thắt lưng trang trí gọi là “gia-sát”, trên đó có hoa văn cầu vòng.





Áo choàng

Trên lưng khoác một tấm khăn choàng hình chữ nhật địa phương gọi là “tán-la” hoặc “tán-trọng”. Khăn được lót bằng vải dạ hoa, nhưng kim tuyến hoặc các chất liệu tương tự; hai bên mép trái phải được viền bằng vải dạ hoa, phía trên đính một dải viền rộng bằng vải “gia-lạc phổ-lỗ”, ở giữa trang trí một miếng vải nỉ hình vuông, còn phần gấu dưới đính tua rua bằng chỉ tơ màu đỏ.

Loại khăn choàng này được xem là biểu tượng của sự tôn trọng người khác, văn minh và lễ độ. Vì vậy, nó bắt buộc phải được sử dụng trong các dịp như pháp hội, lễ hội, khi yết kiến thượng sư hoặc tiếp đãi khách quý.

Phụ nữ lớn tuổi thường khoác một loại khăn choàng bằng lông bò yak địa phương gọi là “cáp”, có khả năng chống mưa rất tốt. Khi lao động, nó có thể dùng làm tấm đệm bảo vệ phần lưng; vào mùa cày cấy, lại được xem là loại “cát phục” không thể thiếu — người dân tin rằng nếu mặc “cáp” khi làm ruộng thì sẽ báo hiệu một năm mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, tượng trưng cho điềm lành và may mắn.

Vì vậy, phụ nữ lớn tuổi hầu như lúc nào cũng có thói quen khoác “cáp” trên lưng.





Quần dài

Phần thân dưới mặc loại quần địa phương gọi là “nang-mạc”. Ống quần rất rộng, nhìn bên ngoài giống như một chiếc váy trắng nhiều nếp gấp rộng rãi.

Ở phía trước và phía sau cặp quần đều may thêm một mảnh vải có hình dạng giống “bang-diễn” (tạp dề truyền thống Tây Tạng), địa phương gọi là “bang-tú” hoặc “cổ-loại”. Những mảnh vải này buông xuống như sari, không chỉ có tác dụng che phần đường may và đáy quần mà kiểu thiết kế ấy còn được cho là phù hợp với lễ nghi truyền thống.

Trên hai mảnh “cổ-loại” phía trước và sau, người ta còn trang trí khoảng ba dải vải nhỏ màu xanh lam buông xuống, gọi là “giác-sát”, được cho là tượng trưng cho bầu trời xanh.

Loại quần này trước kia phần lớn được làm bằng vải nỉ, vải gai và các chất liệu tương tự, còn hiện nay chủ yếu được may bằng vải thông thường.

Trong sinh hoạt thường ngày, đa số phụ nữ mặc áo và quần theo kiểu phổ thông. Khi kết hợp với tấm choàng “cáp” trên lưng, phần hông thường quần thêm một mảnh vải giống “bang-diễn” có viền màu xanh lam, vừa có tác dụng bảo vệ vùng eo vừa giữ ấm cơ thể. Tuy nhiên, loại tấm quần hông này không phải là trang phục truyền thống có lịch sử lâu đời; tương truyền nó chỉ mới dần phổ biến khoảng hơn ba mươi năm trở lại đây.

Ngoài ra, trước đây khi đi dưới trời mưa, phụ nữ thường khoác một loại áo mưa địa phương gọi là “quả-nhiều”. Nó được làm từ lông cừu hoặc lông bò yak, có thể che kín hoàn toàn phần đầu và thân trên. Ngày nay loại áo mưa này hầu như không còn được sử dụng nữa.

Giày ủng

Trước đây, trên chân người dân mang loại ủng Tây Tạng truyền thống có đế khâu nhiều lớp, được may bằng da và nhung kim tuyến cùng các chất liệu tương tự. Ngày nay, phần lớn đã chuyển sang đi giày da mua ngoài chợ.



Trang sức

Ngoài ra, các trang sức phối cùng lễ phục gồm có: trên tai đeo hoa tai gọi là “nạp-khoát”, được chế tác bằng vàng hoặc bạc và khảm ngọc lam cùng san hô; trên cổ đeo dây chuyền xâu từ các loại đá quý như ngọc lam, san hô, hổ phách sáp ong..., thường phối cùng hộp hộp thân hình lục giác “hộp gau”; trên cổ tay đeo vòng gọi là “la-nựu”, được làm từ ngà voi hoặc bạc cùng các chất liệu khác; quanh eo thắt đai chạm hoa văn có nền bằng gấm sa tanh và đính hạt bạc nổi; bên hông còn treo túi đựng đồ và túi kim chỉ nối bằng dây bạc, cùng những món trang sức bạc nhỏ gọi là “tang-sắc”; ngày nay, người ta cũng gọi những món trang sức lớn hình hộp gau bằng vàng bạc, được nối bằng dây bạc và đeo rủ trước ngực, là “tang-sắc”. Khi biểu diễn múa hát, người dân thường không đeo các món trang sức cỡ lớn, nhưng trong những dịp quan trọng như hôn lễ hay Tết năm mới, họ sẽ cố gắng đeo càng nhiều trang sức lộng lẫy càng tốt để thể hiện sự sang trọng và giàu có.





Trang phục nam giới

Trước đây, nam giới thường đội các loại mũ truyền thống như mũ da cáo, mũ kim hoa...; ngày nay, mũ kim hoa làm từ lông nhân tạo đã trở thành kiểu phổ biến, còn những loại mũ làm bằng da thú gần như đã biến mất. Trong những dịp lễ phục, họ có thói quen mặc trường bào bằng vải phở-lỗ, bên trong mặc áo sơ mi bằng lụa tơ kén, phía dưới mặc quần dài màu trắng làm từ lụa tơ kén và các chất liệu tương tự, chân đi ủng cao cổ nhung kim tuyến hoặc ủng cưỡi ngựa. Ngoài ra, trước ngực thường đeo hộp gau. Bên hông đeo dao dài cài ngang eo hoặc đeo chéo dao ngắn bên hông. Nhìn chung, các loại y phục và trang sức này về cơ bản tương đồng với phong cách trang phục của phần lớn các khu vực văn hóa Tây Tạng.

Trong các dịp như năm mới, khánh thành nhà mới hay hôn lễ, người dân thường biểu diễn một điệu múa được gọi trong phương ngữ địa phương là “Vinh Ba Hà Nhạc”, trong các thư tịch lịch sử cũng được ghi chép với tên “Tình ca Ni Tây” hoặc “Vũ điệu tình yêu Ni Tây”. Đây không chỉ là một loại hình ca múa nghệ thuật dân gian lưu truyền tại xã Ni Tây mà còn là một bộ phận quan trọng của nghệ thuật văn hóa dân gian châu Địch Khánh. Khi biểu diễn, phụ nữ đồng loạt mặc trang phục Ni Tây và cất lên những câu hát: *“Trong thành Lhasa có chiếc mũ kim hoa, chiếc mũ kim hoa ấy là vật trang sức của chàng trai; nơi sâu thẳm đại dương có bảy viên san hô, bảy viên san hô ấy là vật trang sức của nàng tiên tỷ tỷ.”* Do điều kiện địa lý, phương thức lao động sản xuất và sinh hoạt ở mỗi nơi khác nhau nên chất liệu, kỹ nghệ chế tác và quan niệm thẩm mỹ của trang phục cũng mang những nét riêng biệt. Chính vì thế mà nơi đây đã hình thành nên phong cách độc đáo của trang phục Ni Tây.



Trang phục Ni Tây 123

07

ཐོང་པ་ཤོག་ལཱ་འི་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་རྒྱ།

TRANG PHỤC
NỮ GIỚI
NGŨ CẢNH





1 ལག་ཕྱིས།
Khăn quần đầu

2 རྒྱུ་ཁྱིམ།
Hoa tai

3 རྩོད་ཐུང་།
Áo trên

4 ཐུ་སྦྱང་། ལག་གཞི།
Ghi-lê

5 གཤམ།
Hộp gau

6 དངུལ་སྒྲ་རགས།
ཆབ་མ།
Đai chạm khắc

7 འབའ་ཁུག་ཁབ་ལྷུབས།
Ba-khắc-cáp-tú

8 སིང་སི།
Tang-sắc

9 རས་ཁྱུན།
Váy

Xã Ngũ Cảnh trực thuộc thành phố Shangri-La, nằm ở lưu vực sông Kim Sa, có độ cao trung bình khoảng 2.300 mét và thuộc kiểu khí hậu núi cao nguyên. Tương truyền rằng phần lớn cư dân địa phương là hậu duệ của những người di cư từ Ba Đường trong thời kỳ đầu.

Nhìn chung, trang phục của xã Ngũ Cảnh không khác biệt nhiều so với các khu vực dọc lưu vực sông Kim Sa như thị trấn Bôn Tử Lan. Tuy trong quá trình phát triển đã chịu ảnh hưởng từ văn hóa trang phục của các dân tộc khác, nhưng nơi đây vẫn giữ được những nét riêng độc đáo của mình, đặc biệt trong tên gọi trang phục và cách thức đeo mặc, từ đó hình thành nên một hệ thống văn hóa dân tộc hoàn chỉnh và có tính hệ thống.

Bộ trang phục hoàn chỉnh bao gồm khăn đội đầu, áo trên, áo ghi-lê, váy và các loại y phục khác, cùng với các phụ kiện như hoa tai, thắt lưng chạm khắc và trang sức ba-khắc-ca-tú...



Khăn đội đầu

Chiếc khăn đội đầu màu đỏ quấn trên đầu được gọi là “la-hỉ”, dài khoảng 2 mét và rộng khoảng 50 cm. Màu sắc của khăn được lựa chọn tùy theo độ tuổi: trước đây, phụ nữ từ khoảng 14 tuổi đã bắt đầu mặc đầy đủ trang phục Tây Tạng và quấn khăn đỏ, điều này được xem là dấu hiệu bước vào độ tuổi kết hôn; đến giai đoạn trung niên thì đổi sang khăn màu đỏ sẫm; còn những người lớn tuổi khoảng trên dưới 60 chỉ quấn khăn màu đen.

Về cách quấn khăn, trước kia người ta dùng một đầu khăn phủ lên đỉnh đầu rồi cẩn thận quấn quanh đầu; nhưng vào khoảng đầu thế kỷ này, kiểu khăn đã được giản lược thành dạng có thể đội trực tiếp mà không cần quấn nữa để thuận tiện hơn.



Kiểu tóc

Trước đây, phụ nữ tết tóc cùng với len thành hai bím rồi cuốn lên trên đầu, phần đuôi bím buông xuống phía sau gáy. Kiểu tóc này được gọi là “trát-đặc”.

Ngày nay, người còn tự tết tóc đã rất ít. Phụ nữ phần lớn dùng các sợi len màu đen, xanh lam, hồng... tết chung thành bím ba sợi rồi khâu vào mặt trong của khăn đội đầu; khi đội lên, phần tua đuôi tóc chỉ buông xuống một đoạn ngắn phía sau gáy.





Áo trên

Áo trên được may bằng gấm sa tanh hoặc vải với các màu như vàng, đỏ, xanh lam... Ở mặt trong của gấu áo có may thêm một mảnh lụa tơ kén màu trắng đính tua rua để làm trang trí, phần trang trí này được gọi là “thứ-lạc”.

Áo ghi-lê

Bên ngoài áo trên khoác thêm một chiếc áo ghi-lê bằng gấm sa tanh. Phần cổ áo và gấu áo được viền gấm, đồng thời trang trí thêm đường ren chỉ vàng nhỏ. Hai bên trái phải của gấu áo cùng cả phía trước và phía sau đều để xẻ tà.

Áo trên và áo ghi-lê hợp chung được gọi là “đạt-tháp-a-tháp”. Phụ nữ lớn tuổi thường mặc kiểu màu trơn nhã nhặn, còn phụ nữ trẻ lại ưa chuộng những kiểu có màu sắc rực rỡ. Trước đây, chất liệu chủ yếu dùng để may loại trang phục này là vải gai.





Váy

Loại váy mà phụ nữ địa phương mặc ở phần thân dưới được gọi là “nhiều-kiên”. Trước đây váy được dệt từ lông cừu và lông bò yak, còn ngày nay chỉ còn sử dụng vải để may. Phần chân váy được trang trí ngang bằng những hoa văn cầu vòng đẹp mắt.

Trong quá khứ, chỉ những phụ nữ thuộc tầng lớp quý tộc hoặc có thân phận cao quý mới có tư cách mặc váy màu đen, còn phụ nữ bình dân chỉ được mặc váy màu trắng. Ví dụ, tại địa phương có một gia tộc mang tên “nang-đan-thương”, từng xuất hiện mười một vị hoạt Phật chuyển thế, được xem là dòng họ có huyết thống vô cùng cao quý. Vì vậy, phụ nữ của gia tộc này có quyền mặc váy đen, điều này ở địa phương ai cũng biết. Tuy nhiên, từ khoảng những năm 1940 của thế kỷ trước, phụ nữ bình dân cũng dần bắt đầu mặc váy đen. Ngày nay, toàn bộ phụ nữ địa phương đều chỉ mặc váy màu đen.

Trong sinh hoạt thường ngày, phụ nữ buộc ở phía trước thân dưới một mảnh vải đen giống “bang-điển”, còn phía sau buộc một mảnh vải trắng; cả hai đều được gọi là đai quần eo. Chiều dài của chúng tới đầu gối, thuận tiện cho việc lao động.



Giày ủng

Phụ nữ mang loại ủng Tây Tạng truyền thống làm bằng da, điều này trước đây khá phổ biến, nhưng ngày nay đa số đã chuyển sang đi giày da thông thường mua ngoài chợ, người còn mang ủng Tây Tạng gần như không còn nữa.

Trang sức

Hoa tai ở địa phương được gọi chung là “nạp-khoát”, đa số người dân đeo hoa tai bằng bạc. Ngày nay, hoa tai không cần xỏ qua lỗ tai mà được nối bằng một dây bạc gọi là “nạp-tháp”; dây bạc này đi qua khăn đội đầu để buông hoa tai xuống bên tai, sau đó lại dùng chỉ cố định hoa tai ở phía trên tai.

Trên cổ đeo dây chuyền xâu lần lượt từ san hô và hổ phách sáp ong, cùng các vật trang sức như hộp gâu. Trước đây, phụ nữ chỉ đeo loại hộp hộ thân nhỏ, nhưng theo sự thay đổi của thời đại và điều kiện sinh hoạt ngày càng cải thiện, ngày nay họ thường đeo những hộp hộ thân lớn bằng vàng bạc, ở giữa khảm ba hạt châu.

Trang sức ở eo bao gồm thắt lưng “gia-sát”, thắt lưng dệt bằng len và đai chạm hoa văn... Khi đeo, trước tiên người ta buộc ngay ngắn thắt lưng “gia-sát” bên ngoài bộ “đạt-tháp-a-đạt”, sau đó mới đeo đai chạm hoa văn có đính những hạt bạc lớn nổi bật.



Hai bên phần thân dưới còn đeo các món trang sức bạc gọi là “ba-khắc-ca-tú”, được kết từ những dây bạc hình hoa nối liền với nhau. Bên phải thắt lưng treo hộp kim chỉ, còn bên trái là túi đựng đồ. Ngoài ra còn có món trang sức gọi là “tang-sắc”, được tạo thành bằng cách dùng dây bạc nối ba món trang sức vàng bạc hình dạng giống hộp gau, treo dọc trước eo.

“Tang-sắc” chỉ được đeo trong những dịp tương đối long trọng như hôn lễ hay lễ thưởng hoa, còn trong các buổi tụ họp thông thường thì không sử dụng.

Mặc dù xã Ngũ Cảnh có sự giao thoa với văn hóa của các dân tộc khác về trang phục, ẩm thực và ngôn ngữ, nhưng thông qua các hoạt động văn hóa dân tộc như múa Oa Trang và hát múa dây đàn trong thời gian lễ hội thưởng hoa, văn hóa trang phục địa phương vẫn được coi trọng và truyền thừa khá tốt.





08

ཀྱུལ་ཐང་བུད་མེད་གྱི་ལྗང་སྤུལ།

TRANG PHỤC
NỮ GIỚI
KIẾN ĐƯỜNG





① ສາກໂຊ
Mũ da rái cá

② ນ້ຳເຈັບ
Nãi-gia

③ ບ່າກໂຊ
Khuy mẹ con

④ ບ່າກໂຊ
Áo choàng vai

⑤ ສາກໂຊ
Gia-tháp

⑥ ນ້ຳເຈັບ
Hộp gau

⑦ ສາກໂຊ
Trác-ty

⑧ ສາກໂຊ
Đai chạm khắc

⑨ ສາກໂຊ
Ghi-lê

⑩ ສາກໂຊ
Truy-bổ-ca-tú



❶ མེ་ཏོག་ལྷན།
Mũ hoa

❷ ལྷན་མེ་ཏོག་ལྷན།
Mũ nhung kim tuyến

❸ མེ་ཏོག་ལྷན་ལྷན།
Ghi-lê

❹ མེ་ཏོག་ལྷན།
Khuy mẹ con

❺ ལྷན།
Hộp gau

❻ ལྷན་ལྷན།
Gia-tháp

❼ ལྷན་ལྷན་ལྷན། ལྷན་ལྷན་ལྷན།
Áo choàng vai

❽ ལྷན་ལྷན།
Đai chạm khắc

❾ ལྷན་ལྷན།
Túi gấm

❿ ལྷན་ལྷན་ལྷན་ལྷན།
Truy-bổ-ca-tú

⓫ ལྷན་ལྷན།
Mộc-bản



① གྲང་སྒོར།
Liệt-cổ

② རྩ་ཁེབས།
Nạp-khắc

③ རས་གྲོས།
Nhiệt-quả

④ མ་གྲོས་སྒྲོང་འབྲོག།
Ghi-lê

⑤ སྒྲུན་དྲིས། བར་ཁེབས།
Đai quần eo

Kiến Đường hiện nay trực thuộc thành phố Shangri-La của tỉnh Vân Nam, có độ cao trung bình khoảng 3.400 mét và thuộc kiểu khí hậu ôn đới cao nguyên. Phương thức sinh sống chủ yếu là nửa nông nghiệp nửa chăn nuôi.

Về địa danh “Kiến Đường”, ban đầu đây là cách gọi bằng tiếng Tạng của huyện Trung Điện, nhưng sau khi Trung Điện đổi tên thành Shangri-La thì “Kiến Đường” được dùng làm tên trấn. Ngoài ra, “Kiến Đường” còn có nhiều cách gọi và cách giải thích khác nhau: thứ nhất, do nơi đây xưa kia là bãi cỏ rộng dùng để chăn thả bò yak lai nên được gọi là “Tả Đường”; thứ hai, theo ghi chép lịch sử, địa điểm được chọn đầu tiên là “Tát Đường”, lần thứ hai là “Ương Đường”, lần thứ ba là “Cát Đường”, tức “Kiến Đường” ngày nay; cũng có thuyết cho rằng do nơi đây từng đại thắng trong cuộc xung đột giữa Thổ Phồn và nhà Đường nên được đặt tên “Kiến Đường” để kỷ niệm chiến thắng.

Do ảnh hưởng của sự biến đổi thời đại, sự thay đổi trong quan niệm thẩm mỹ cùng nhiều yếu tố khác, nên ngay trong cùng một khu vực cũng xuất hiện nhiều loại trang phục và phong tục khác nhau. Lấy Kiến Đường làm ví dụ, trang phục nữ giới tại đây có sự khác biệt về màu sắc, cách gọi tên cũng như đối tượng mặc. Trang phục nữ ở Kiến Đường và các khu vực lân cận như Tiểu Trung Điện chủ yếu được chia thành các loại như trang phục Trác Ty, trang phục Mục Bản, trang phục thường ngày và trang phục dành cho người lớn tuổi.

Địa phương có nhiều loại trang phục khác nhau, trong đó “trác-ty” là lễ phục cưới mà con gái các gia đình giàu có ngày xưa mặc khi xuất giá, còn con gái nhà bình dân thì mặc “mục-bản”, rất ít khi mặc “trác-ty”. Tuy nhiên, trong những năm gần đây tập tục này đã thay đổi, hiện nay trong hôn lễ, cô dâu và phù dâu đều thịnh hành mặc bộ “trác-ty” lộng lẫy.



Trang phục nữ giới Kiến Đường 143

Trang phục Trác ty

Trọn bộ trang phục “trác-ty” bao gồm mũ da rái cá, áo “trác-ty”, áo ghi-lê, thắt lưng lụa gấm, đai quần eo, khăn choàng vai, giày dép cùng các loại trang sức như hoa tai, khuy mẹ con, hộp gau, “gia-tháp”, đai chạm hoa văn, “truy-bố-ca-tú”...



Trang sức đội đầu

Phương pháp tết tóc ngày xưa như sau: tóc được chia thành ba phần; phần trên đỉnh đầu được tết thành bím ba sợi gọi là “duy-tác”, hai phần bên trái và phải cũng được tết thành bím ba sợi. Khi các bím tóc được tết đến sau gáy thì hợp ba bím lại thành một rồi tiếp tục tết thành bím năm sợi buông xuống phía sau lưng.

Trên đầu đội loại trang sức tóc gọi là “nãi-gia”. Nó được cố định trên trán bằng dây bạc đính hoa bạc, đồng thời nổi những miếng bạc hình bầu dục khảm san hô kéo dài ra phía sau đầu. Phía dưới các miếng bạc có hai ống bọc tóc, nền lót làm từ gấm sa tanh hoặc vải dạ, phía trên đính các loại trang sức như ngọc lam, càn san hô, san hô lớn, hổ phách sáp ong, vỏ sò, thiên châu... Khi đeo, người ta thường lồng hai ống bọc tóc vào hai bím tóc để chúng buông xuống hai bên vai.



Ngày nay, phần lớn kiểu “nãi-gia” được làm nền bằng gấm sa tanh và các chất liệu tương tự, trên ống bọc tóc chỉ đính rải rác hồ phách sáp ong, cành san hô... Phần chân tóc trang trí hoa bạc khảm san hô, còn hai bên thái dương có dây vàng khâu ngọc trai cùng các vật trang trí khác.

Theo quan niệm địa phương, việc tết tóc thành một bím ba sợi phía sau gáy được xem là dấu hiệu biểu thị sự dễ tang người đã khuất, vì vậy phụ nữ không có tập tục tết kiểu tóc này.

Mũ làm từ da rái cá

Mũ da rái cá khác với những loại mũ kiểu Tây Tạng khác, có hình dáng và kiểu thức khá đặc biệt. Thân mũ tương đối nhỏ, vành mũ có dạng bậc thang, hai phần vành trước sau đều cong vểnh lên. Trên đó thêu hoa văn cầu vòng bằng chỉ màu ngũ sắc, tượng trưng cho ngũ hành.

Thân mũ được may bằng vải dạ màu xanh lam đậm, còn phần chóp mũ làm bằng vải màu xanh lam, lần lượt tượng trưng cho bầu trời và mặt đất. Vành mũ lấy vải dạ màu xanh lục và các màu tương tự làm mặt ngoài, lót bên trong bằng lụa gấm, mép ngoài viền một dải da rái cá khá hẹp.

Trên đỉnh mũ có tua rua gọi là “trạch-đa”, được làm từ các loại chỉ tơ nhiều màu sắc. Trước đây, quanh đỉnh mũ còn trang trí san hô và các vật khác, nhưng ngày nay điều đó đã rất hiếm thấy.







Trác ty

Đi cùng với mũ da rái cá là loại trường bào không cổ gọi là “trác-ty”. Phần thân trên và một nửa tay áo vai được làm bằng vải dạ màu đỏ, còn phần thân dưới may bằng vải dạ màu xanh lục.

Phần tay áo từ khuỷu tay đến cổ tay được làm bằng nhung kim tuyến màu đen. Ở cổ tay áo có hoa văn cầu vồng được tạo thành từ năm sáu loại chỉ màu khác nhau xếp hàng khâu lại, mép ngoài được viền bằng da rái cá.

Ở phần gấu áo phía sau có nhiều nếp gấp gọi là “đôi-thác”, phía dưới các nếp gấp này còn có hoa văn cầu vồng được khâu bằng chỉ màu ngũ sắc.

Sau khi mặc “trác-ty” theo kiểu vạt phải chồng lên vạt trái, người ta thắt thêm dây lưng gọi là “nang-kim”.



Áo ghi-lê

Chiếc áo ghi-lê mặc bên ngoài “trác-ty” được gọi là “mục-vy-đôn-bồ”. Lớp ngoài làm bằng gấm sa tanh, lớp trong dùng vải hoa hoặc vải dạ cùng các chất liệu tương tự.

Phần cổ áo và nách áo có viền kép bằng gấm sa tanh và các loại vải khác. Mép áo từ cúc giữa đến cúc nách được may thêm dải vải rộng thêu hoa văn hình hoa lá, đồng thời trang trí các đường viền như chỉ vàng hình sóng nước cùng những dải chỉ màu khác nhau. Phần xẻ tà ở gấu trước của áo dài khoảng một gang tay.





Thắt lưng lụa gấm

Bên ngoài áo ghi-lê được nối và buộc hai dải thắt lưng lụa gấm có màu sắc khác nhau nhưng chiều dài bằng nhau. Cách buộc cụ thể như sau: trước tiên thắt nút hai dải lưng tại vị trí cách một đầu khoảng một thước, để phần đầu sau nút buông dài xuống một bên thân người; sau khi quấn thắt lưng quanh eo, đầu còn lại được buộc ở phía bên kia cơ thể, phần đuôi cũng buông dài xuống tương tự, tạo thành hiệu quả trang trí đối xứng.

Đai quần eo

Phía trước eo buộc một chiếc khăn quần làm bằng gấm sa tanh, được viền bằng các dải gấm nhiều màu sắc khác nhau. Mép phía trên có may dây buộc làm từ vải hoặc lụa gấm

Khăn choàng

Khoác phía sau lưng là một tấm khăn choàng lớn hình vuông gọi là “cống-đóa”. Mặt ngoài làm bằng gấm sa tanh, mặt trong lót bằng vải dạ hoặc vải thường cùng các chất liệu tương tự.

Trên khăn choàng có ghép may hai dải gấm rộng với màu sắc khác nhau để làm viền trang trí. Dây buộc của khăn là một dải vải dệt, được vòng qua cánh tay trên rồi buộc trước ngực.

Phần mép trên của khăn choàng được viền nhung kim tuyến; tại vị trí nối giữa các mảng gấm khác màu phía dưới có khâu khoảng năm vật trang trí hình tròn giống lỗ cài mũ, và dưới mỗi vật trang trí đều buông những chùm tua rua bằng chỉ màu khác nhau.





Giày ủng

Tương truyền rằng trước đây người dân mang loại ủng mũi cong nhiều màu được làm từ da, nhung kim tuyến, vải và các chất liệu khác; ngày nay đa số đã chuyển sang đi giày da kiểu Tây Tạng mua ngoài chợ.

Trang sức

Hoa tai ở địa phương được gọi chung là “nạp-khoát”. Trước đây phụ nữ đeo loại hoa tai bạc lớn khảm ngọc lam, được gọi là “lục tùng thạch tam điệp”; ngày nay đa số chuyển sang đeo hoa tai vàng nhỏ kiểu Long Đường.

Trên cổ đeo loại khuy mẹ con gọi là “bội-cổ”, lấy vải hoặc vải dạ rộng khoảng bốn ngón tay làm nền, phía trên thêu hoa văn hoa lá. Hai đầu là đồ trang sức bạc khảm ngọc lam và san hô, có thể cài lại giống như khóa cổ áo. Ngoài ra còn có một dải dây dẹt dẹt nối từ cổ áo ghi-lê qua phía sau lưng đến dây lưng “nang-kim” bên trong. Tương truyền rằng hai món trang sức bạc này tượng trưng cho tình mẫu tử: bên phải tượng trưng cho người mẹ, bên trái tượng trưng cho đứa con, vì vậy còn được gọi là “bội-mã” (mẹ) và “bội-hỉ” (con).

Tại vị trí cúc giữa của áo ghi-lê còn đeo vật trang trí gọi là “gia-tháp”. Nó gồm khoảng sáu chuỗi dây bạc được chế tác bằng bạc, trên đó khảm ngọc lam, san hô cùng các vật trang trí khác, phần cuối có đính vòng tròn nhỏ; tuy nhiên hiện nay đa số mọi người đeo “gia-tháp” bằng vàng.

Ngoài ra, phụ nữ còn đeo các loại hộp hộp thân hình vuông bằng bạc khảm ngọc lam và san hô, kích thước lớn nhỏ khác nhau.



Trước đây trên cổ tay đeo vòng bạc và vòng ngà voi, ngày nay phần lớn chuyển sang đeo vòng vàng. Trên ngón tay đeo nhẫn vàng bạc.

Quanh eo thắt “đai chạm hoa văn”, lấy vải dạ màu đỏ viền gấm sa tanh làm nền và đính những hạt bạc lớn nổi bật. Khi đeo, phần khóa được đặt phía sau eo còn các hạt bạc lộ ra phía trước. Ngày nay, người dân phần lớn sử dụng loại đai làm hoàn toàn bằng vàng hoặc đai bạc mạ vàng.





Bên phải eo còn đeo một món trang sức bạc hình tròn, trên đó khảm ngọc lam và san hô, đồng thời dùng dây bạc nối với túi đựng đồ, “truy-bố-ca-tú” và các vật trang trí khác buông xuống phía dưới.



Trang phục nữ giới Kiến Đường 157

Trang phục Mùc bản

Trang phục “mùc-bản” bao gồm mũ hoa, mũ nhung kim tuyến, áo sơ mi, áo “mùc-bản”, áo ghi-lê, thắt lưng, khăn choàng vai, ủng cùng các loại trang sức như hoa tai, khuy mẹ con, hộp gau, “truy-bố-ca-tú”...



Trong sinh hoạt thường ngày, phụ nữ tết tóc thành hai bím buông sau lưng hoặc vòng chéo phía sau đầu rồi quấn lên trên đầu. Còn kiểu tóc của cô dâu trong ngày xuất giá hay ngày cưới được thực hiện như sau: lấy một phần tóc ở giữa đỉnh đầu tết thành bím gọi là “duy-tác”, sau đó lấy thêm một phần tóc ở hai bên trái phải, mỗi bên tết thành bím năm sợi; khi bím tóc dài đến ngang eo thì hợp lại thành một bím ba sợi, rồi nối ở phần đuôi một chùm tua rua chỉ hồng gọi là “bàn-trác”, luồn qua thắt lưng để buông xuống phía sau. “duy-tác” là kiểu tóc đặc biệt chỉ dùng trong hôn lễ của cô dâu.

Mũ hoa

Loại mũ đi kèm với trang phục “mục-bản” gồm có mũ hoa và mũ nhung kim tuyến. Trong đó, hình thức của mũ hoa khá giống mũ da rái cá trong trang phục “trác-ty”. Bề mặt mũ được làm bằng vải đen hoặc nhung kim tuyến, lớp lót bên trong may bằng vải xanh lam và các chất liệu tương tự.

Hai phần vành mũ được làm bằng vải hai lớp; thân mũ dùng nhung kim tuyến, còn đỉnh mũ làm từ len đỏ hoặc chỉ tơ đỏ, tượng trưng cho chiếc mỏ của quạ mỏ đỏ. Phần vành trước của mũ được đính các mảnh vải thêu nhiều màu, còn lớp lót của vành sau may bằng gấm có hoa văn. Mép hai bên vành mũ được viền bằng dải vải thêu.

Khi đội mũ, trước tiên cần đặt ngang phía trên trán hai lớp khăn vải màu xanh lam và màu đen rộng khoảng bốn ngón tay. Hai dải khăn này lần lượt được gọi là “thù-ốc” và “thù-nạp”. Sau khi đặt khăn ổn định mới đội mũ lên. Trước đây loại mũ này chỉ được dùng trong hôn lễ, nhưng hiện nay được đội trong nhiều dịp long trọng khác nhau.



Mũ nhung kim tuyến

Lớp ngoài của mũ nhung kim tuyến được làm bằng nhung kim tuyến, lớp lót bên trong bằng vải đỏ. Vành trước của mũ khá dài và không có chóp mũ; khi gấp đôi lại, hình dạng của mũ giống với quạ mỏ đỏ.

Cách đội mũ giống như mũ hoa: trước tiên đặt hai lớp khăn ngang trên đầu rồi đội chiếc mũ đơn giản này lên. Khi đội cần gấp phần vành trước vào trong để lộ nhẹ lớp vải đỏ bên trong ở phần đỉnh đầu, cuối cùng dùng dây mũ buộc dưới cằm. Phần vải đỏ lộ ra trên đầu tượng trưng cho chiếc mỏ của quạ mỏ đỏ.

Tương truyền rằng cả hai loại mũ trên đều có liên hệ với văn hóa hí kịch Tây Tạng. Trong các dịp lễ phục, phụ nữ cũng có thể đội chồng mũ nhung kim tuyến cùng với mũ hoa.





Áo sơ mi

Phần thân trên mặc loại áo sơ mi trắng địa phương gọi là “cáp-đặc”, được may bằng vải hoặc lụa tơ kén, phần cổ áo và các vị trí khác áp dụng kiểu cắt may phương Tây. Do tay áo khá dài nên khi mặc cần xắn tay áo lên bên ngoài áo choàng. Ngoài ra, cũng có một số ít người mặc kiểu áo sơ mi Tây Tạng. Tương truyền rằng trước đây tay áo không dài như hiện nay và phụ nữ còn đeo thêm một đôi ống tay áo bằng vải trắng.

Mục bản

Bên ngoài áo sơ mi mặc thêm một chiếc trường bào màu xanh lam gọi là “mục-bản”, được may bằng gấm sa tanh và các loại vải tương tự, trên mặt vải có hoa văn hoa lá và họa tiết cát tường.

Áo không có cổ, theo kiểu áo Tây Tạng nên ở mép áo lần lượt có khuy cổ, khuy giữa và khuy nách, phần eo cũng đính khoảng hai chiếc khuy. Hai bên gấu áo xẻ tà lên đến đầu gối, mép xẻ được viền bằng nhung kim tuyến màu đen và cũng đính thêm khuy.



Áo ghi-lê

Bên ngoài “mục-bản” mặc áo ghi-lê gọi là “mục-vi-đôn-bổ”. Lớp ngoài dùng gấm màu hồng có hoa văn hoa lá, lớp lót bên trong sử dụng vải dạ màu xanh lam và các chất liệu khác, cổ áo viền nhung kim tuyến màu đen.

Mép áo từ khuy giữa đến khuy nách được trang trí bằng dải vải thêu rộng, chỉ vàng hình sóng nước và các loại chỉ màu khác nhau. Phía trước gấu áo có hai đường viền bằng nhung kim tuyến và vải trắng, hai bên xẻ tà khá lớn.



Thắt lưng

Bên ngoài áo ghi-lê trước tiên buộc thắt lưng “gia-sát” rộng khoảng năm ngón tay. Lớp ngoài là loại vải dệt hoa văn thêu bằng chỉ trắng, lớp lót bằng vải xanh lam, hai đầu có dây buộc bằng dải vải nhỏ và có thể quấn quanh eo hai vòng.

Sau đó buộc thêm hai dải thắt lưng lụa gấm khác màu nhưng cùng chiều dài: thắt nút hai dải ở vị trí cách mép khoảng một thước, để phần đầu sau nút buông dài xuống một bên thân người; tiếp tục quấn hai dải quanh eo rồi buộc đầu còn lại ở phía bên kia cơ thể, phần đuôi cũng buông dài xuống làm trang trí.



Khăn choàng vai

Trên lưng khoác tấm khăn choàng lớn hình vuông địa phương gọi là “tán-la” hoặc “tán-quả”. Mặt ngoài được làm bằng vải phở-lỗ hoa văn và gấm sa tanh, lớp lót bên trong dùng vải dạ hoặc vải thường.

Khăn lấy một tấm vải dạ hoa hình vuông làm nền; mép trên viền nhung kim tuyến và đính thêm dải gấm rộng khoảng bốn năm ngón tay gọi là “tháp-ca”. Các mép còn lại được viền hai lớp gấm rộng với màu sắc khác nhau.

Tại vị trí nối giữa hai lớp viền, một số khăn còn khâu khoảng năm vật trang trí hình tròn giống lỗ cài mũ bằng gấm sa tanh, dưới mỗi vật trang trí buông những chùm tua rua bằng chỉ màu gọi là “thứ-lạc”.

Khăn choàng được buộc trước ngực bằng dây vải dẹt vòng qua cánh tay và vai. Trong các dịp lễ phục, loại khăn này là vật bắt buộc phải mặc, thể hiện sự tôn trọng và lễ phép đối với người khác, đồng thời được cho là tượng trưng cho ngũ hành.

Giày ủng

Tương truyền rằng trước đây người dân mang loại ủng mũi cong nhiều màu; để ủng được khâu từ nhiều lớp da, thân ủng làm bằng da thuộc, còn cổ ủng dùng nhung kim tuyến hoặc vải may thành. Hiện nay đa số đã chuyển sang đi ủng kiểu Tây Tạng mua ngoài chợ.

Trang sức

Các loại trang sức đi kèm với “mục-bản” nhìn chung tương tự khi mặc “trác-ty”. Trong phương ngữ địa phương, hoa tai được gọi chung là “nạp-khoát”. Trước đây phụ nữ đeo loại hoa tai bạc khảm ngọc lam gọi là “lục tùng thạch tam điệp”, nhưng ngày nay phần lớn chuyển sang đeo hoa tai vàng nhỏ như hoa tai Long Đường hoặc khuyên tròn.

Trên cổ đeo loại khuy mẹ con gọi là “bội-cổ”, lấy vải hoặc vải dạ rộng khoảng bốn ngón tay làm nền, phía trên thêu hoa văn hoa lá, hoặc dùng loại vải hẹp không thêu để chế tác, hai đầu là khóa bạc khảm ngọc lam và san hô.

Có hai cách đeo: dùng dây dẹt dẹt nối với thắt lưng, hoặc không nối với thắt lưng mà cố định phía sau cổ để phần cuối buông tự nhiên xuống.

Tại vị trí khuy giữa của áo ghi-lê đeo dây bạc gọi là “gia-tháp”, là món trang sức bạc khảm ngọc lam và san hô, phần cuối có chuông nhỏ buông xuống. Ngày nay phụ nữ phần lớn đeo “gia-tháp” bằng vàng. Ngoài ra, trước ngực còn có hộp hộ thân bạc khảm ngọc lam và san hô, hình vuông hoặc hình tròn với kích thước khác nhau.

Trước đây trên cổ tay đeo vòng bạc hoặc vòng ngà voi, hiện nay phổ biến là vòng vàng dẹt. Trên ngón tay đeo nhẫn vàng bạc.

Bên phải eo đeo món trang sức bạc hình tròn khảm ngọc lam và san hô, phía dưới dùng dây bạc nối với túi gấm và “truy-bố-ca-tú”. Bên trái eo đeo “lạc tùng” bằng bạc, lấy vải dạ đỏ hoặc vải thường làm nền và khảm ngọc lam cùng san hô.



Trang phục nữ giới Kiên Đường 167

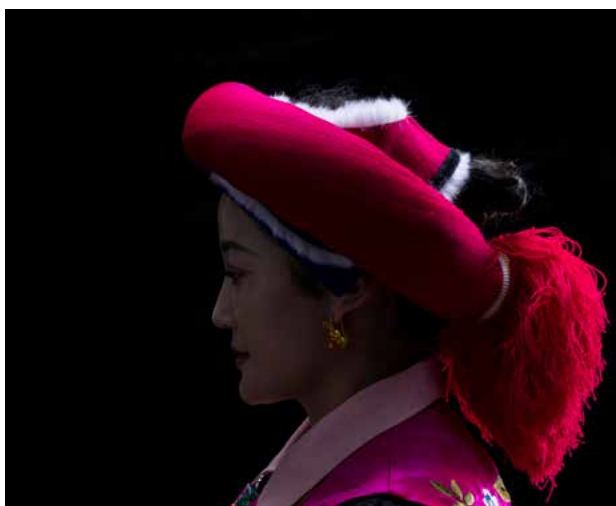
Trang phục thường ngày

Trang phục thường ngày của phụ nữ lấy sự giản tiện làm chủ, số lượng trang sức đeo cũng khá ít. Kiểu tóc truyền thống đi kèm có hai dạng: thứ nhất là tết tóc thành hai bím rồi vắt chéo quấn phía sau đầu; thứ hai là tết tóc thành hai bím năm sợi, buộc tua rua chỉ ở đuôi bím để tự nhiên buông xuống sau lưng. Tuy nhiên hiện nay đa số phụ nữ trẻ không còn tết tóc nữa mà búi tóc ra phía sau đầu rồi cố định bằng kẹp tóc.





Phần trang trí đầu gồm hai bộ phận: trước tiên đội loại mũ không chóp gọi là “nạp-khắc”, lớp ngoài làm bằng lụa gấm màu đỏ hoặc hồng thêu hoa lá, lớp lót bằng vải xanh lam, mép viền nhung kim tuyến và đính viền lông thỏ; khi đội, hai góc nhọn của mũ buông xuống hai bên tai. Sau đó đeo vật trang trí gọi là “liệt-cổ”, dùng vỏ bọc vải màu tím đỏ bọc lấy bó sợi len tím đỏ rồi tạo thành hình vòng tròn đội trên đỉnh đầu; cách đeo tương tự mũ nhung kim tuyến. Tương truyền rằng trước đây chưa có lớp vỏ bọc tím đỏ này mà người ta trực tiếp quấn quanh đầu bằng bó sợi len đỏ đen nhỏ hơn “liệt-cổ” ngày nay.



Bên trong mặc áo sơ mi trắng, bên ngoài khoác trường bào “nhiệt-quả”, thân áo làm bằng vải màu đen hoặc xanh lam, cổ tay áo viền vải xanh lam, kiểu dáng tương tự trang phục “mục-bản”. Quanh eo buộc dây lưng “nang-kim” làm từ vải trắng thêu hoa văn; bên ngoài trường bào khoác thêm áo ghi-lê gấm màu hồng rồi thắt một dải thắt lưng lụa gấm, nút thắt có thể đặt ở trái, phải hoặc trước sau tùy ý.

Sau lưng khoác khăn choàng gọi là “xạ-đông”, được dệt bằng lông cừu hoặc lông bò yak, hai bên may các dải màu cầu vồng bằng vải nỉ với màu sắc và độ rộng khác nhau, phần cuối buông tua rua. Khăn choàng có loại có hoa văn và loại trơn, kiểu dáng đa dạng. Tương truyền rằng khi trong làng có tang lễ đưa ma, phụ nữ hàng xóm đều phải khoác loại khăn này để biểu thị sự thương tiếc.

Phía trước eo buộc đai quần eo vải trắng địa phương gọi là “hôn-gia” hoặc “bang-khắc”. Trên tấm vải trắng có may dọc nhiều nếp gấp, mép trên và dưới viền vải xanh lam, dùng dây vải làm dây buộc.



Trang phục của người lớn tuổi

Những phụ nữ lớn tuổi khoảng sáu mươi tuổi thường chia tóc thành hai phần, mỗi phần tết thành bím ba sợi, rồi nối ở đuôi bím loại tóc giả hoặc sợi len gọi là “bàn-trác”. Sau đó họ buộc hai đuôi bím lại với nhau và để tự nhiên buông xuống phía sau lưng.

Trong các dịp lễ phục, họ quấn khăn trùm đầu màu tím đỏ hoặc màu hồng gọi là “khắc-thụy”; hoặc lần lượt đội “thù-nạp”, mũ nhung kim tuyến và mũ kim hoa. Có khi họ còn quấn khăn “khắc-thụy” bên ngoài mũ kim hoa.

Màu sắc trang phục chủ yếu giản dị, còn kiểu dáng và chất liệu tương tự trang phục của người trẻ, bao gồm áo sơ mi kiểu Tây Tạng bằng vải hoặc lụa tơ kén, áo ghi-lê làm từ vải dạ phở-lỗ hoặc gấm sa tanh, cùng trường bào “nhiệt-quả” may bằng vải thông thường.

Sau lưng khoác khăn choàng “tán-la” dày và dài, mặt ngoài làm bằng gấm sa tanh, vải dạ hoặc vải dạ Tây Tạng, còn mặt trong lót da cừu lông dài.

Ngày nay, kiểu đội phổ biến là đội mũ kim hoa lên trên khăn, hoặc quấn khăn “khắc-thụy” bên ngoài khăn và mũ “nạp-khắc”. Một số người lớn tuổi chọn không mặc trường bào “nhiệt-quả”, mà phối cùng quần áo thông thường và thắt thêm đai quấn eo màu xanh lam đậm, ngoài ra không đeo thêm trang sức khác.

Trong các dịp tụ họp hay lễ hội, đa số mọi người thường mặc lễ phục và nỗ lực gìn giữ phong tục trang phục địa phương. Sự kiên trì với truyền thống ấy đã vô hình trung bộc lộ sự tôn kính và coi trọng của họ đối với văn hóa truyền thống.

09

གཏེར་མ་མོང་གི་སྒྲེས་མའི་གོས་རྒྱ།

TRANG PHỤC
NỮ GIỚI
ĐÔNG VƯƠNG





① ཆེ་རིང་སྒྲིན་ཁེབས།
Mũ kim hoa

② གཡོགས་གོས།
Ưu-cấp

③ འབར་སྒྲག།
Chuỗi vòng

④ གཤུ།
Hộp gau

⑤ གྲྱ་ཁྲ་རགས།
Thắt lưng gia-sát

⑥ ཆབ་བཅིངས།
Đai chạm khắc

⑦ ཆབ་མོ་ལྷགས་ཐག།
Cáp-mạc-gia-tháp

⑧ བང་ཁེབས།
Đai quần eo

⑨ གསེར་བྱ་རྒྱ་དམར།
Giày sắc-lạp-cương-my

Đông Vượng là một xã nằm ở phía bắc thành phố Shangri-La, cách khu vực nội thành khoảng 200 km. Trước đây nơi này từng thuộc Ba Đường, hiện nay được quản lý bởi thành phố Shangri-La. Vì đây là khu vực hẻm núi giàu tài nguyên khoáng sản nên trong tiếng Tạng được gọi là “Đức Mã Vinh”, nghĩa là “thung lũng khoáng sản”. Địa phương có độ cao trung bình khoảng 2.500 mét, thuộc khí hậu gió mùa ôn đới, đời sống chủ yếu theo hình thức nửa nông nghiệp nửa chăn nuôi.

Trang phục nữ giới Đông Vượng bao gồm mũ, áo sơ mi, “ưu-cấp”, đai quần eo, thắt lưng “gia-sát”, khăn choàng vai, giày dép cùng các loại trang sức như hoa tai, dây chuyền, hộp gau, đai chạm hoa văn, “cáp-mạc-gia-tháp”...



Trang sức đội đầu

Tương truyền rằng trước đây phần tóc mái trước trán của phụ nữ thường được cắt ngang bằng lông mày, phần tóc còn lại chia thành hai phần trước sau. Các bím tóc phía sau được tết ngang thành những bím ba sợi nhỏ li ti, buông xuống phía sau lưng như lá sen, và phải tết đủ 108 bím. Nếu tóc thưa thì người ta sẽ tết thêm các loại chỉ tơ nhiều màu để làm tóc dày hơn và tăng cảm giác cầu kỳ phức tạp.

Ở phần trán trên đỉnh đầu đeo đồ trang trí kết từ hổ phách sáp ong, ngọc lam và vòng ngà voi. Hai bên trán còn đeo vật trang trí tóc gọi là “thác-tác”, có thể là đồ san hô hoặc đĩa bạc chạm rồng gọi là “mai-long”. Trên các bím tóc mai trái phải điểm xuyết ngọc lam hoặc thiên châu.

Những bím tóc buông sau lưng còn được trang trí san hô và hoa bạc, còn phần đuôi bím tóc đính chuỗi ngọc lam hoặc một cặp đồ bạc.

Về sau, cùng với sự thay đổi của kiểu tóc, đồ trang sức đội đầu cũng dần biến đổi theo. Kiểu tóc ngày nay không còn phức tạp như trước nữa. Trong các dịp lễ phục như hôn lễ, phụ nữ thường chia tóc từ giữa thành hai phần trái phải rồi tết thành bím ba sợi buông phía sau lưng; còn trong sinh hoạt thường ngày thì hầu như không tết tóc, đa phần búi ra phía sau đầu và cố định bằng kẹp tóc.

Mũ

Các loại mũ có thể đội trên đầu rất đa dạng, bao gồm mũ kiểu Tây, mũ da cáo, mũ kim hoa... Ngày nay, trong các dịp lễ đặc biệt và những sự kiện tương tự, loại được ưa chuộng nhất là mũ kim hoa.



Mũ kim hoa có phân biệt nam nữ: kiểu nam có thân mũ cao hơn và vành tai mũ lớn hơn; còn kiểu nữ thì thân mũ thấp hơn, vành tai mũ cũng nhỏ hơn loại của nam.

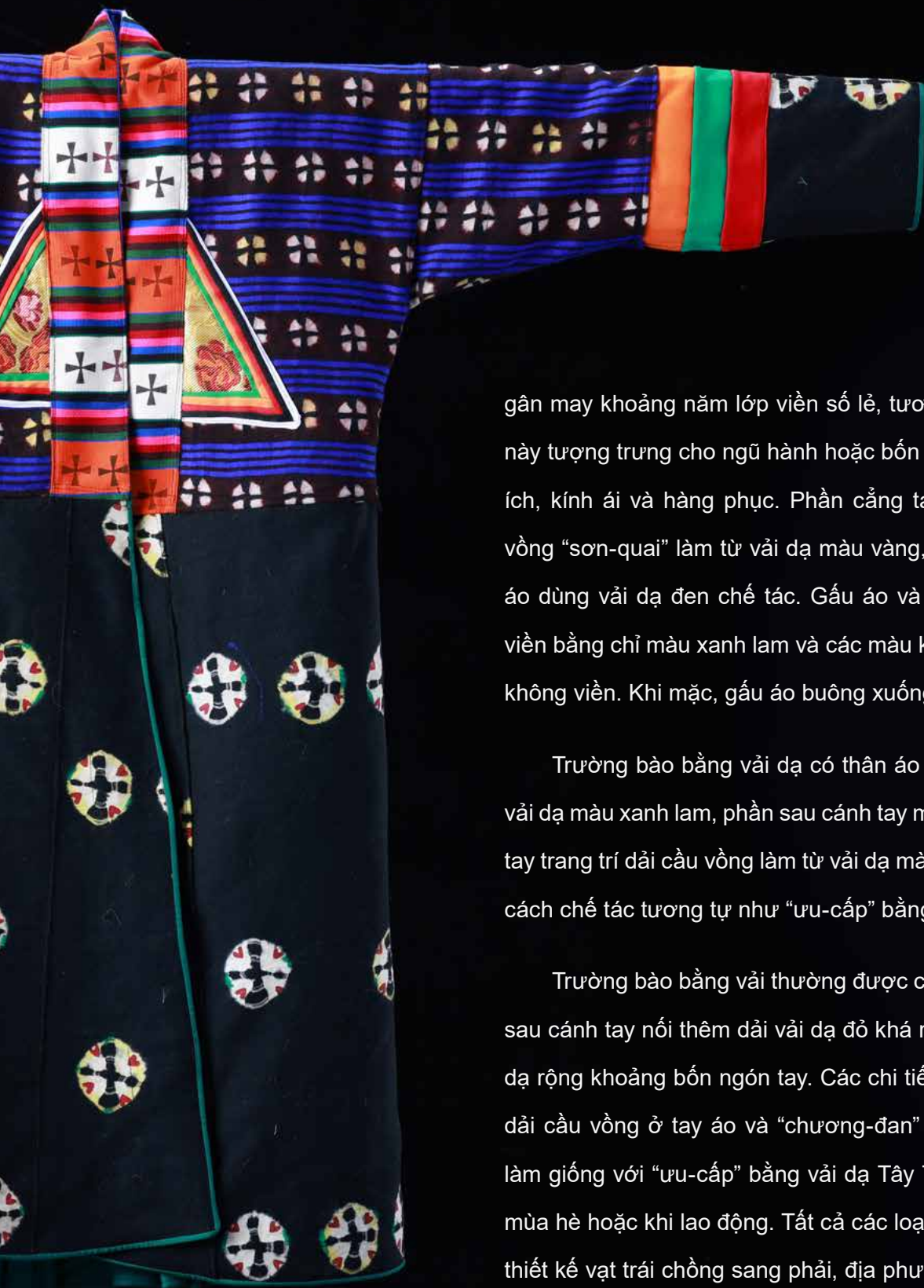
Theo quan niệm của người địa phương, chiếc mũ trên đầu mang ý nghĩa tượng trưng rất quan trọng, vì vậy tuyệt đối không đổi mũ cho người khác đội.

Áo sơ mi

Phần thân trên mặc áo sơ mi trắng gọi là “hạ-đặc”, được may bằng vải thông thường, phần cổ áo và các vị trí khác áp dụng kiểu cắt may phương Tây.

Ưu cấp

Trước đây, người dân trong sinh hoạt hằng ngày mặc các loại y phục như vải nỉ dày do địa phương thủ công chế tác, còn trong những dịp long trọng như hôn lễ thì mặc trường bào làm từ vải dạ Tây Tạng hoặc vải dạ, gọi là “ưu-cấp”. Loại trường bào này được chia thành ba kiểu: “sở-ưu-cấp” là trường bào bằng vải dạ Tây Tạng, “quả-nam-ưu-cấp” là trường bào bằng vải dạ, “thụy-ưu-cấp” là trường bào bằng vải thường. Trong đó, trường bào bằng vải dạ Tây Tạng được xem là lễ phục đẹp nhất, phần thân trên dùng vải dạ hoa màu lam, phần thân dưới may bằng vải dạ đen có hoa văn chữ thập. Số lượng nếp gấp phía sau áo “ưu-cấp” trước đây khoảng mười bốn nếp, hiện nay là mười sáu hoặc mười tám nếp..., và số lượng bắt buộc phải là số chẵn. Phần cổ áo viền dải vải dạ “gia-lạc” rộng khoảng bốn năm ngón tay, từ cổ trái đến mặt trong của vạt phải và mặt trong gấu áo đều có dải viền trong bằng vải xanh lam, lớp lót phía sau lưng cũng bằng vải xanh lam. Hai bên trước ngực may trang trí “chương-đan”, tức ở giữa là gấm hình tam giác, mép ngoài dùng các dải vải mảnh nhiều màu và nhung



gân may khoảng năm lớp viền sổ lẻ, tương truyền các lớp viền này tượng trưng cho ngũ hành hoặc bốn sự nghiệp tức tai, tăng ích, kính ái và hàng phục. Phần cẳng tay áo trang trí dải cầu vòng “sơn-quai” làm từ vải dạ màu vàng, đỏ, xanh lục..., cổ tay áo dùng vải dạ đen chế tác. Gấu áo và mép áo thường được viền bằng chỉ màu xanh lam và các màu khác, cũng có kiểu tròn không viền. Khi mặc, gấu áo buông xuống dưới đầu gối.

Trường bào bằng vải dạ có thân áo và cổ tay áo làm bằng vải dạ màu xanh lam, phần sau cánh tay may bằng vải dạ hoa, cổ tay trang trí dải cầu vòng làm từ vải dạ màu vàng, đỏ, xanh lục..., cách chế tác tương tự như “ưu-cấp” bằng vải phở-lỗ.

Trường bào bằng vải thường được cắt may từ vải đen, phía sau cánh tay nối thêm dải vải dạ đỏ khá rộng, cổ áo viền dải vải dạ rộng khoảng bốn ngón tay. Các chi tiết như nếp gấp sau áo, dải cầu vòng ở tay áo và “chương-đan” trước ngực đều được làm giống với “ưu-cấp” bằng vải dạ Tây Tạng, thường mặc vào mùa hè hoặc khi lao động. Tất cả các loại áo choàng dài đều có thiết kế vạt trái chồng sang phải, địa phương gọi kiểu vạt này là “vân-khương”. Khi mặc trường bào, trước tiên không thắt dây lưng mà dùng dây buộc kiểu “bang-diễn” để cố định.

Đai quần eo

Đai quần eo dùng trong các dịp lễ phục được làm từ vải nỉ giả hoa văn cầu vồng làm nền, đồng thời nối với dây buộc bằng vải màu vàng và các loại vải khác. Phần dưới đai quần eo theo thứ tự trên dưới được ghép ngang hai dải gấm sa tanh hình vuông màu xanh và vàng để phủ lên lớp nền. Tại vị trí nối giữa hai màu gấm cũng như ở mép trên và mép dưới đều có một đường viền gấm rộng hơn hai ngón tay. Hai góc phía dưới của đai quần eo đều đính một mảnh gấm hình tam giác gọi là “tùng-ca-loại”. Viền của “tùng-ca-loại” theo thứ tự từ trong ra ngoài được may khoảng sáu lớp viền gấm màu khác nhau. Ở đỉnh trên của hai “tùng-ca-loại” còn có hai đường viền gấm kéo chéo lên, hai đường này giao nhau tại trung điểm của đường viền ngang, tạo thành hoa văn giống như tư thế “chắp hai tay lại”.

Thắt lưng gia-sát

Thắt lưng “gia-sát” ở vùng eo là loại thắt lưng dệt. Hai đoạn trái phải của thắt lưng có độ rộng và màu sắc không giống nhau. Đoạn rộng hơn khoảng một gang tay, được dệt đan từ các sợi len màu xanh lam, đen, vàng, hồng..., tạo thành các dải hoa văn cầu vồng chạy ngang; hai bên còn để lại các sợi chỉ màu khác nhau, bên xoắn thành những tua rua dài và ở đầu cuối gắn thêm tua ngắn.

Đoạn hẹp hơn được dệt bằng sợi len màu tím đỏ, hai bên thắt lưng cũng có trang trí tua rua. Khi buộc thắt lưng, trước tiên đặt đoạn hẹp ở bên trái eo, sau đó quần theo chiều kim đồng hồ, cuối cùng nhét đoạn còn lại vào trong thắt lưng để các tua rua tự nhiên buông xuống.



Trang phục nữ giới Đông Vương 181

Áo choàng

Áo choàng vai trong sinh hoạt hằng ngày được gọi là “khố-sờ-trạch”. Nó được dệt từ lông bò và lông bò yak, trong quá trình chế tác phần cổ áo được gấp gọn nên tự nhiên tạo thành các nếp gấp ngay ngắn. Phần cổ viền bằng nhung kim tuyến màu đỏ, đồng thời có hoa văn cầu vòng làm từ chỉ màu trắng, vàng, đỏ, xanh lục..., chạy dọc theo mép khăn từ cổ xuống đến vùng eo.

Phần gấu khăn dùng nhiều loại sợi len màu khác nhau tạo thành dải cầu vòng rộng khoảng bốn ngón tay; các phần dư ra từ gấu khăn buông xuống hai bên trái phải và giữa lưng, tạo thành những tua rua ngắn, mép dưới cũng được trang trí tua rua.

Loại khăn choàng này có thể dùng để che mưa khi lên núi, bảo vệ lưng khi lao động, và cả nam lẫn nữ đều có thể sử dụng.

Giày ủng

Trước đây, chân mang các loại như giày ủng bằng vải phở-lỗ, ủng “sắc-lạp-cương-my”, giày lông bò, giày cỏ... Trong đó, ủng bằng vải dạ là loại giày Tây Tạng mũi cong, đế giày được khâu, nện bằng da và sợi lông bò; phần gót và mũi ủng được bọc bằng da bò màu đỏ, thân ủng được may bằng vải dạ Tây Tạng, phần trang trí ở sống giày là dải cầu vòng rộng khoảng hai ngón tay, làm từ chỉ tơ và các vật liệu khác; phần thân trên của giày được trang trí bằng vải dạ hoa.

Ủng “sắc-lạp-cương-my” có đế được khâu và nện bằng nhiều lớp da bò và chỉ gai, phía dưới có đóng khoảng tám đến chín đinh giày; thân giày (phần ống) được may bằng vải dạ Tây Tạng màu đỏ; ống giày được làm bằng nhung kim tuyến màu xanh lam, đỏ, xanh lục...; phần gót và mũi giày được bọc và khâu viền bằng da bò màu đỏ.

Ngoài ra còn có giày ủng bằng lông bò, ủng da hạt và giày cỏ... Tuy nhiên ngày nay người ta chủ yếu mang giày da mua từ chợ.

Khi mang các loại ủng này, bên ngoài ủng cần buộc một dải thắt giày hoa rộng khoảng bốn ngón tay, được dệt từ các loại sợi len nhiều màu. Loại thắt giày này cũng là tín vật tốt nhất mà nam nữ trẻ tuổi tặng nhau khi yêu đương.

Ngoài ra, trước đây người ta còn dùng loại vải dệt phẳng rộng khoảng sáu ngón tay để quấn chân, quấn từ mắt cá chân lên đến đầu gối, sau đó dùng dây buộc chân mảnh được dệt bằng sợi len nhiều màu để buộc chặt. Nghe nói việc quấn chân vừa giữ ấm khi lao động, vừa bảo vệ chân, nhưng hiện nay người quấn chân đã rất hiếm thấy.



Trang sức

Trước đây, phụ nữ địa phương thường đeo loại khuyên tai bạc lớn gọi là “na-ngạch”, có hình dáng giống hạt lúa mạch và được khảm ngọc lam và san hô. Ngày nay, trừ một số người lớn tuổi, hầu như không còn thấy đeo loại khuyên này; người trẻ phần nhiều đeo khuyên tròn bằng vàng.

Ở cổ đeo vòng chuỗi gọi là “ba-ca”, được xâu liên tiếp từ ngọc lam, san hô, hạt bạc chạm rồng, hổ phách...; đồng thời còn đeo loại hộp gau hình tròn bằng bạc, ở giữa khảm một viên ngọc lam hoặc san hô. Trên cổ tay đeo vòng tay gọi là “la-nựu”, gồm vòng tay bằng ngà voi và vòng tay bạc.





Ở eo có đeo thắt lưng chạm khắc gọi là “thiết-cát”, phần nền làm từ vải dạ đỏ và gấm, viền bằng gấm vàng, phía trên đính các hạt bạc chạm rồng lớn có khảm san hô và đá quý.

Từ một giai đoạn nhất định, xuất hiện loại trang sức đeo trước ngực gọi là “cáp-mạc-gia-tháp”. Nó được chế tác bằng vàng bạc, dùng dây xích bạc nối khoảng bốn vật trang sức có hình giống hộp gàu lớn xếp dọc trên dưới. Khi đeo, dùng dây bản dẹt treo lên cổ. Ba vật trang sức dạng hộp gàu từ dưới lên, hai bên mỗi cái nối năm sợi xích bạc và cố định vào dây lưng ở hông, khiến toàn bộ trang sức rủ thẳng xuống trước ngực. Ban đầu “cáp-mạc-gia-tháp” chỉ được đeo trong các dịp long trọng như hôn lễ, nhưng ngày nay ngay cả trong lễ phục cũng ít người đeo, thay vào đó là các loại trang sức nhỏ treo túi vải và hộp kim chỉ.





Nghe nói trước đây người địa phương nắm giữ kỹ thuật thủ công tốt như dệt vải từ gai và nhuộm màu bằng hoàng liên, nhưng hiện nay rất hiếm người còn duy trì những kỹ nghệ truyền thống này.

Sự khác biệt về địa lý, phong tục và lối sống giữa các vùng đã tạo nên sự đa dạng độc đáo trong cách phối đồ, chất liệu và kiểu dáng của trang phục. Trong kho tàng văn hóa dân gian như hôn lễ, kiến trúc và ca múa của Đông Vượng, văn hóa trang phục giống như một báu vật, phản ánh trí tuệ và thẩm mỹ của thế hệ trước.



10

ཕྱིག་ལུང་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་རྒྱུ།

TRANG PHỤC
NỮ GIỚI NI NHỮ





① ར་ཅིང་ལྷ་ལོ།
Mũ lông sơn
dương

② རྩ་རྩོག།
Hoa tai

③ འཕལ།
Chuỗi vòng

④ གཤུ།
Hộp gau

⑤ ལྷོང་འབོག།
Ghi-lê

⑥ ཨ་ལོང་ཆེ་ལུང་།
A-long-cấp-long

⑦ འཕན་བེ།
Tiên-bị

⑧ ཐགས་གཡོགས་གོས།
Tháp-ước-quả

⑨ དུང་ཐག།
Đông-tháp

⑩ བ་བྲ།
Ba-trát

⑪ ཁབ་ཤུབས།
Hộp kim chỉ

⑫ འབའ་ལུག།
Túi gấm

⑬ རས་སྒྲམ།
Quần dài

⑭ སྲ་ར་རྒྱང་དམར།
Hiệp-nhiều-công-mã

Thôn Ni Nhữ nằm ở phía đông bắc Shangri-La, cách trung tâm khoảng 75 km, độ cao trung bình khoảng 2700 mét, thuộc khí hậu gió mùa ôn đới cao nguyên. Nơi đây có nguồn tài nguyên sinh thái tự nhiên phong phú, phương thức sinh hoạt chủ yếu là bán nông bán mục.

Về nguồn gốc địa danh “Ni Nhữ” có nhiều cách giải thích khác nhau: một thuyết cho rằng “Ni Nhữ” có nghĩa là nơi địa thế hiểm trở, giống như khóe mắt; thuyết thứ hai là “Nghĩ Nhữ”, nghĩa là góc đất có ánh nắng chiếu rọi đầy đủ; thuyết thứ ba là “Mễ Nhữ”, nghĩa là nơi có địa hình giống như dấu móng ngựa. Ngoài ra còn có các cách gọi khác như “Ngưu Nhữ”, “Mộc Nhữ”... Tuy nhiên, “Ni Nhữ” là cách gọi thông dụng của địa phương này

Toàn bộ trang phục bao gồm các loại y phục như “liệt-cổ”, mũ da rái cá, mũ kim hoa, mũ lông dê, áo sơ mi, “tháp-ước-quả”, “nhiều-ô”, áo ghi-lê, thắt lưng, khăn choàng, quần, ủng..., cùng với các loại trang sức như khuyên tai, hộp gau, vòng cổ, nút đôi mẹ con, “a-long-cấp-long”, đồ trang sức thắt lưng bằng vỏ trai, hộp kim chỉ, “ba-trát”...



Kiểu tóc

Trước đây, phụ nữ chia tóc thành hai bím ba sợi buông phía sau lưng hoặc quấn chéo trên đầu. Ngày nay, ngoài cô dâu trong lễ cưới và phụ nữ lớn tuổi, hầu như không còn ai để kiểu tóc này nữa. Họ tết một bím ba lọn, hoặc không tết tóc.



Mũ đội đầu

Các loại “liệt-cổ”, mũ da rái cá, mũ kim hoa và mũ “nạp-khắc” của phụ nữ địa phương đều tương tự như của nữ giới ở thôn Kiến Đường. Hiện nay mũ da rái cá đã rất ít người đội, nhưng có một loại mũ đặc trưng bằng lông dê, được làm từ lông dê theo kỹ thuật thủ công truyền thống địa phương. Phần thân mũ gọi là “thạc-phả” hoặc “hạ-phả”, hình dáng giống mũ kiểu Tây; vành mũ xòe rộng, viền mép có tua lông dài; dây mũ làm bằng sợi len đỏ hoặc vật liệu tương tự; đỉnh mũ có đính một miếng tròn màu đỏ bằng vải nỉ hoặc vải, tượng trưng cho mặt trời. Nghe nói phần “mắt mũ” này còn có tác dụng tránh sét, và khi đội trong mưa mũ sẽ càng khít hơn, khả năng chống nước tốt, trước đây thường dùng khi chăn thả và lao động. Hiện nay, tua lông ở vành mũ dài hơn, chỗ nối giữa vành và thân mũ được trang trí hoa văn cầu vòng bằng chỉ màu trắng, vàng, đỏ, xanh..., chủ yếu do các cô gái trẻ đội trong các dịp lễ phục.



Tháp-ước-quả

Phần thân trên mặc bên trong áo sơ mi trắng kiểu phương Tây làm bằng vải, tại địa phương gọi là “đôi-thông”. Bên ngoài khoác một loại trường bào gọi là “tháp-ước-quả”, phần nửa trên của áo làm bằng vải dạ Tây Tạng hoa màu xanh, phần nửa dưới may bằng vải dạ Tây Tạng màu đen.

Loại áo này có kiểu vạt trái chồng phải (trái nép), viền cổ được bọc bằng dải nhung gân đồ hẹp, hai bên từ trước ngực đến viền cổ đều may các miếng vá hình tam giác, cổ tay áo viền bằng vải xanh bản rộng. Phần vạt sau có khoảng mười sáu nếp gấp gọi là “đôi-trác”. Từ vùng eo của vạt ngoài đến đầu gối, cũng như từ đầu gối đến mép vạt trong đều trang trí hoa văn cầu vòng làm từ các loại vải màu. Mép vạt ngoài và gấu áo đều được viền bằng chỉ len đỏ, hai bên gấu áo có xẻ tà. Ngoài ra cũng có các kiểu “tháp-ước-quả” đơn giản hơn, như loại không viền cổ áo.







Nhiều-ô

Áo cưới của cô dâu không mặc trong sinh hoạt hằng ngày, chỉ mặc trong lễ cưới, do phải cất giữ lâu trong tủ nên được gọi là “nhiều-ô”, nghĩa là “quần áo cất giữ”. Trang phục này được làm bằng vải dạ hoặc vải phở-lỗ, phần trên và phần dưới dùng hai màu khác nhau; một số loại áo ở gấu và vạt trong có may viền trong, một số thì không. Các chi tiết như nếp gấp ở vạt sau và hoa văn cầu vòng của thân áo nhìn chung giống với loại áo “tháp-ước-quả” dùng hằng ngày. Khi mặc phải theo kiểu vạt trái chồng phải, và buộc thắt lưng bản dẹt gọi là “nang-kim”. Người địa phương ưa mặc màu xanh lá, được cho là tượng trưng cho Bạch Độ Mẫu. Áo khoác ngoài giống kiểu ở khu Kiến Đường, bên ngoài còn quần phẳng một loại thắt lưng bản dẹt gọi là “gia-giang”, được dệt từ các loại sợi len màu, đầu thắt lưng có trang trí tua rua.

Khi cất giữ trang phục, để tránh nhăn và làm rối nếp gấp, phải lộn trái áo, chỉnh sửa cẩn thận các nếp gấp, sau đó khâu cố định hai đầu bằng chỉ. Tiếp đó cuộn toàn bộ áo thành dạng dài, dùng dây vải buộc lại rồi cất vào tủ.

Áo choàng

Áo choàng vai của phụ nữ Ni Nhữ chủ yếu có ba kiểu: “Tiên-bị”, “quả-nhiều” và “tán-la”.

Khăn choàng “tiên-bị” được dệt từ lông bò chưa nhuộm màu, có dạng hình chữ nhật; hai bên được trang trí hoa văn cầu vồng bằng các sợi len màu ghép nối với kích thước lớn nhỏ khác nhau, hai đầu trên dưới thì có dải cầu vồng hẹp hơn và đính thêm tua rua ngắn. Khi gấp đôi từ giữa, khăn sẽ thành hình vuông.





Hai góc phía trên của khăn có may các miếng đệm buộc làm từ gấm hoặc vải, có nhiều hình dạng khác nhau và được thêu hoa văn; miếng đệm này dùng để ép giữ một đầu dây buộc và được may cố định vào nhau. Trong các dịp lễ phục, khăn “tiên-bị” thường được phối cùng áo dạ phở-lỗ và các trang phục khác; dây buộc được vòng qua hai vai và thắt nút ở trước ngực.

Áo choàng “quả-nhiều” tương tự như “tiên-bị” về chất liệu, phương pháp dệt và cách mặc, nhưng phần phía trên được thiết kế thêm một chiếc mũ, mép mũ có hoa văn cầu vòng được bện từ nhiều sợi len màu khác nhau. Nghe nói chiếc mũ này vừa có thể đội trên đầu, vừa có thể dùng để đựng đồ vật. Trước đây “quả-nhiều” là trang phục thường ngày, hiện nay chủ yếu được mặc trong các dịp lễ phục.

Khăn choàng “tán-la” của phụ nữ Ni Nhữ tương tự như ở Kiến Đường; trong đám cưới, cô dâu và phù dâu sẽ phối khăn này để mặc cùng áo “nhiều-ô”.

Quần dài

Phần thân dưới mặc loại quần ống rộng màu xanh lam gọi là “thụy-nang”, được may từ vải thường.



Giày ủng

Chân mang loại ủng gọi là “hiệp-nhiều-công-mã”, đế ủng được nện từ nhiều lớp vải hoặc da, có khoảng mười đinh ủng; phần thân ủng làm bằng da đen, phần dưới thân được may bằng nhung gân đỏ, phần trên thân dùng vải dạ hoặc vải xanh lam; gót ủng và hai bên mũi ủng được khâu bằng da màu xám và đỏ, tạo hoa văn nút cát tường. Đi kèm là loại dây buộc giày bản dẹt được dệt từ các sợi len nhiều màu, tại địa phương gọi là “hãn-cổ”.





Trang phục nữ giới Ni Nhe 201

Trang sức

Người địa phương gọi chung khuyên tai là “nạp-hoắc”, có loại khuyên vòng gọi là “thổ-nạp”, được làm bằng bạc và khảm ngọc lam; ngoài ra còn đeo các loại khuyên tai lớn có đầu treo hạt bạc hình đồng hồ cát, ngọc lam và san hô, cũng như khuyên tai vàng nhỏ.

Ở cổ đeo hộp gau bằng bạc, giữa khảm một viên san hô đỏ lớn, bốn góc điểm xuyết san hô nhỏ; đồng thời còn đeo chuỗi hạt gọi là “hà”, được xâu từ ngọc lam, hổ phách, mã não, thiên châu, lưu ly và các loại đá quý khác. Ngoài ra, họ cũng đeo loại nút đôi mẹ con giống “bối-cổ” ở Kiến Đường, tại địa phương gọi là “bối-ốc”.







Ngoài ra còn có trang sức gọi là “a-long-cấp-long”, lấy vải dạ màu xanh hoặc đỏ rộng khoảng bốn năm ngón tay làm nền, viền trên dưới bằng vải dạ hoặc vải nhiều màu khác nhau, bề mặt đính tám hạt bạc chạm rồng khắc hoa văn bát cát tường; khi đeo, quàng chéo từ vai trái xuống nách phải và buộc ở phía sau lưng, để các hạt bạc hiện ra phía trước.





Ở eo đeo đồ trang sức bằng vỏ trai gọi là “đồng-tháp”, nền làm từ vải dạ hoặc vải nỉ, viền đỏ, phía trên đính hai hoặc ba hàng vỏ trai; theo quan niệm, những vỏ trai này tượng trưng cho tâm hồn thuần khiết như những vì sao trên bầu trời. Bên trái eo đeo hộp kim chỉ dài bằng bạc khảm ngọc lam và san hô, cùng các đồ trang trí túi. Trên túi có các dây xích bạc chạm rồng hình lá cây, hoa... ở cuối có nhiều chuông nhỏ. Ngoài ra ở phía trước eo còn treo đồ trang sức gọi là “ba-trác”, dây nền làm bằng gấm, trên đó có nhiều bông bạc đính đá quý hoặc dạng trơn, phần cuối nối với các phụ kiện bạc hình tròn khảm ngọc lam và san hô.



Các loại trang phục trên chủ yếu dùng trong các dịp lễ phục. Trong sinh hoạt hằng ngày, bất kể già trẻ đều mặc loại áo “nhiệt-quả” giống phụ nữ Kiến Đường.

Trong các hoạt động như hội đua ngựa, nam giới biểu diễn kỹ thuật may vá, nữ giới biểu diễn kỹ thuật dệt vải. Người dân rất quan tâm so sánh xem ai hoặc nhà nào dệt vải tốt hơn, may cắt tinh xảo hơn, phối màu hài hòa hơn, qua đó thể hiện sự coi trọng sâu sắc của họ đối với văn hóa trang phục.



11

སྐད་ཚུལ་བྱད་མེད་ཀྱི་གོ་ས་རྒྱུ།

TRANG PHỤC
NỮ GIỚI
CÁCH TÁN





① ཆེ་རིང་སྒྲིན་ཁེབས།
Mũ kim hoa

② རྩ་ཉོག་
Chuỗi vòng

③ སུ་སྤྱང་།
Ghi-lê

④ རས་གོས།
Nhiều-cáp

⑤ གཟན་ལྷ།
Áo choàng vai

⑥ གཟུ།
Hộp gau

⑦ རྩོངས་ཐེང་།
Tông xương

⑧ བང་ཁེབས།
Đai quần eo

Cách Ta là một xã nằm ở phía bắc thành phố Shangri-La, được cho là trước đây từng thuộc quyền quản lý của Ba Đường. Độ cao trung bình của địa phương khoảng 3200 mét, thuộc khí hậu gió mùa cao nguyên, phương thức sinh hoạt chủ yếu là bán nông bán mục.

Nhìn chung, trang phục nữ Cách Ta tương tự như ở Kiến Đường và Ni Nhữ, nhưng có một số điểm khác biệt nhỏ về cách mặc và cách gọi tên.

Trang phục hoàn chỉnh bao gồm: mũ kim hoa, khăn đội đầu, áo sơ mi, nhiều-cấp, ghi-lê, thắt lưng, khăn choàng, đai quần eo, giày dép... và các trang sức như: hoa tai, vòng cổ, hộp gau, ba-quát, tông-xương, ba-khắc-ca-tú...



Kiểu tóc

Trước đây, phụ nữ thường chia tóc làm hai phần đều nhau, tết thành hai bím ba lọn, và tết thêm chỉ tơ màu vào đuôi tóc. Sau khi tết xong, họ luồn hai bím tóc vào thắt lưng, kiểu tóc này được gọi là “cáp-loại”. Ngày nay, ngoại trừ cô dâu trong đám cưới và một số ít người lớn tuổi, những người khác rất ít khi để kiểu tóc này.

Khi mặc lễ phục, phụ nữ trẻ thường đội mũ kim hoa, phụ nữ lớn tuổi thì quấn khăn khắc-thuy. Khăn dài khoảng ba mét, rộng khoảng một gang tay, được làm bằng nhung kim tuyến màu đỏ, đen, xanh lá..., một đầu bên trong có may thêm một lớp vải lót màu xanh. Khi đội, trùm khăn lên đỉnh đầu trước, sau đó quấn phần còn lại theo chiều kim đồng hồ quanh đầu.



Áo sơ mi

Bên trong mặc áo sơ mi gọi là “nhiệt-ca-đôn-bố”, cổ áo được cắt theo kiểu Tây, được may bằng vải trắng.

Nhiều cấp

Nhiều-cấp là tên gọi chung của một loại áo choàng đặc sắc ở địa phương. Trước đây, áo nhiều-cấp của phụ nữ gia đình bình thường thường được làm bằng len dệt từ lông cừu địa phương; một số gia đình dùng lông rái cá hoặc da báo để trang trí cổ áo, gấu áo...; ngoài ra, cũng có loại nhiều-cấp làm bằng len dệt du nhập từ vùng Vệ Tạng. Có bài dân ca liên quan như sau: *“Cô gái Lhasa sinh chú cừu non ở đồng cỏ Ương Mạc Đương, cô gái Lhasa nuôi chú cừu non ở đồng cỏ Ương Mạc Đương. Cô gái Lhasa ở đồng cỏ Ương Mạc Đương xén lông cừu trắng, cô gái Lhasa ở đồng cỏ Ương Mạc Đương xe chỉ len trắng. Cô gái Lhasa ở đồng cỏ Ương Mạc Đương dệt len dệt tốt, cô gái Lhasa ở đồng cỏ Ương Mạc Đương mặc áo len dệt, áo len dệt của cô gái Lhasa lan truyền khắp xứ tuyết.”* Bài dân ca này đã minh chứng sinh động cho thuyết cho rằng y phục bằng len dệt phần lớn có nguồn gốc từ vùng Vệ Tạng.



Ngày nay, phụ nữ vừa mặc nhiều-cấp bằng len dệt, vừa mặc nhiều cấp bằng nỉ, trong các dịp trọng đại như đám cưới, họ mặc loại bằng len dệt, được xem là lễ phục tốt nhất. Chất liệu và cách cắt may của nhiều-cấp cơ bản giống với “tháp-ước-quả” của Ni Nhữ, áo khoác không tay “bồ-đông” mặc bên ngoài tương tự như áo của phụ nữ Kiến Đường và Ni Nhữ. Ngày nay, trang phục nữ hầu như không còn dùng viền da thú nữa.



Thắt lưng

Trước đây, bên ngoài áo nhiều-cấp thường được quấn phẳng một chiếc thắt lưng len màu tử hồng gọi là bội-cấp, rộng khoảng một gang tay. Khi dệt, hai đầu được dệt các đường vân cầu vòng nằm ngang bằng len trắng, xanh..., sợi ngang hai bên không cắt đi mà để lại thành tua ngắn; sợi dọc hai đầu thắt lưng để lại thành tua dài hơn. Ngày nay, rất ít người thắt lưng len, thay vào đó là thắt lưng gia-sát. Thắt lưng gia-sát mặt ngoài bằng vải hoa xanh, lót bằng vải xanh, dây buộc bằng vải nhỏ, khi thắt quấn quanh eo khoảng hai vòng. Ngoài ra, một số người sử dụng thắt lưng tơ, được làm bằng lụa là..., hai đầu có tua rua.

Áo choàng

Trước đây trên lưng thường mặc áo choàng gọi là “hung-hiệp”, được dệt từ lông bò yak. Ngày nay, trong các dịp như đám cưới, chỉ choàng loại khăn tương tự “tán-nạp” của Kiến Đường, được làm bằng len dệt hoặc nỉ.





Đai quấn eo

Trước ngực thường buộc một chiếc đai quấn eo bằng vải trắng với nhiều nếp gấp dọc, mép trên và dưới được viền vải xanh và dùng vải hoa làm dây buộc. Ở Kiến Đường, Ni Nhữ, loại đai quấn eo này thường được kết hợp với thường phục, còn ở Cách Ta thì nó được kết hợp với lễ phục.

Giày ủng

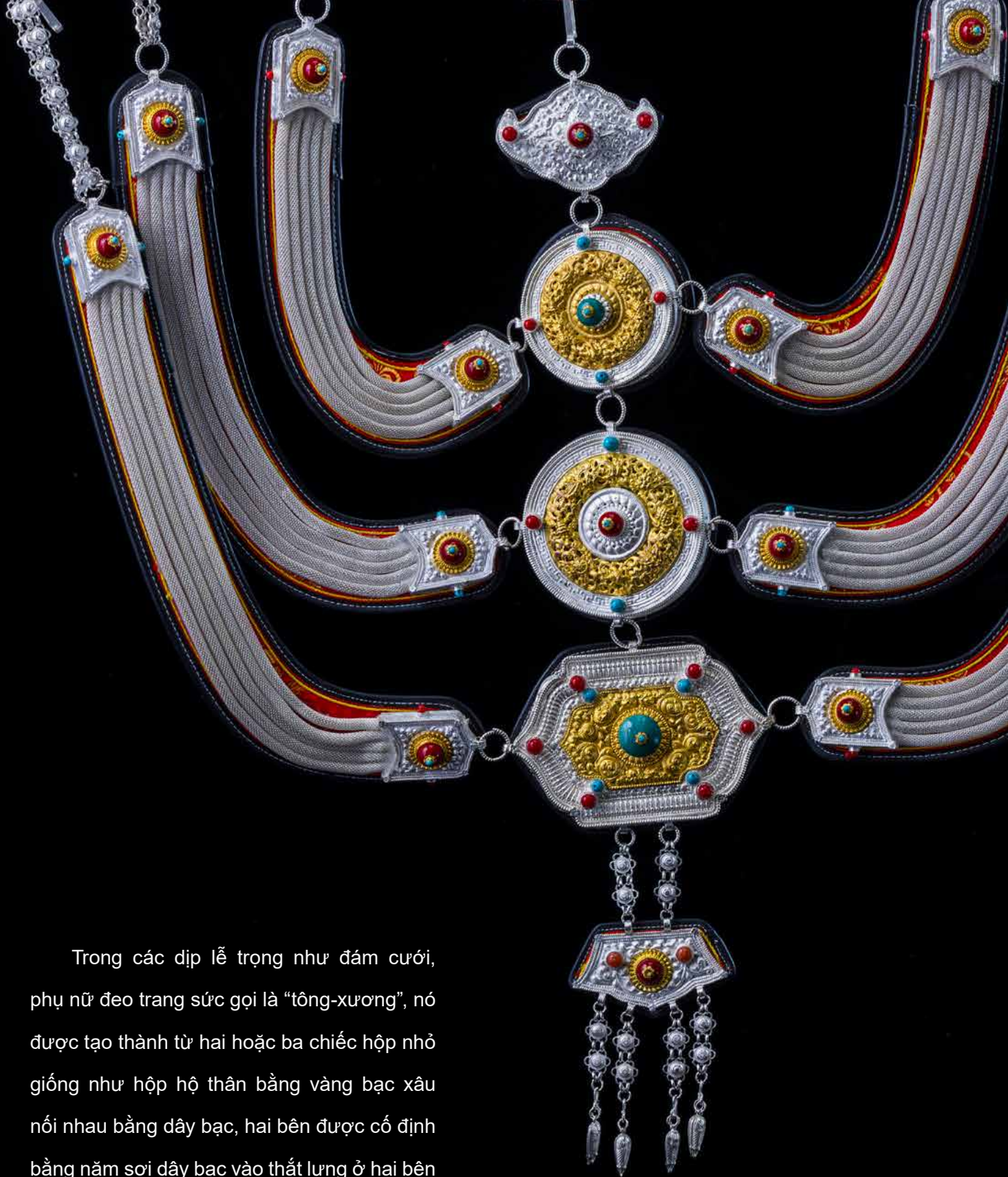
Được biết, trước đây chân đi các loại ủng truyền thống như ủng da hoặc ủng vải với đế được đóng nhiều lớp, ngày nay phần lớn đi giày da mua từ chợ.



Trang sức

Hoa tai, vòng cổ, hộp hộ thân, ba-quát... của phụ nữ Cách Ta tương tự như ở Ni Nhữ, cũng có thói quen đeo vòng cổ ba-cách làm dây đeo cho hộp gau. Trên cổ tay đeo vòng ngọc thanh ngọc, vòng ngà voi, vòng bạc...





Trong các dịp lễ trọng như đám cưới, phụ nữ đeo trang sức gọi là “tông-xương”, nó được tạo thành từ hai hoặc ba chiếc hộp nhỏ giống như hộp hộ thân bằng vàng bạc xâu nối nhau bằng dây bạc, hai bên được cố định bằng năm sợi dây bạc vào thắt lưng ở hai bên hông, hoặc dùng dây buộc vào thắt lưng, thả rủ trước eo.

Trước đây, người dân địa phương giỏi trồng lanh, và tận dụng vỏ cây lanh để dệt vải. Quy trình chế tác như sau: Đầu tiên lột vỏ lanh, rửa sạch bằng nước trong để loại bỏ lớp vỏ trong, sau đó tỉ mỉ chải sợi, hong khô rồi lại ngâm nước một thời gian, tiếp đó xé nhỏ thành sợi và xe thành chỉ, quắn chỉ thành cuộn và dàn đều trên khung cửi, sau khi dệt xong mới có được vải lanh. Ngoài ra, nơi đây còn lưu truyền kỹ thuật nhuộm màu tinh xảo bằng các nguyên liệu tự nhiên như đất vàng, đại hoàng... Tuy nhiên, ngày nay những nghề thủ công truyền thống này rất ít người còn nắm giữ, mọi người chuyển sang mua vật liệu may mặc có sẵn trên thị trường.

Trước đây, do giao thông đi lại và giao lưu buôn bán còn nhiều bất tiện, văn hóa trang phục các nơi đều dựa trên môi trường sống bản địa và quan niệm thẩm mỹ, hình thành nên những truyền thống trang phục mang đặc sắc riêng. Nhưng ngày nay, nhiều nền văn hóa trong quá trình giao thoa và cùng tồn tại đã ảnh hưởng lẫn nhau, trang phục các vùng về kỹ thuật chế tác, cách thức mặc và trang sức đính kèm... ngày càng xuất hiện nhiều điểm tương đồng.



12

ན་སྐྱུ་ཡུའི་སྒྲིལ་མའི་གོས་རྒྱན།

TRANG PHỤC
NỮ GIỚI
NẠP MỘC Y





① རོས་ལུས་ཀ
Khăn quần đầu

② བ་ཏ།
Bạch-trát

③ རྟེན་རྟོ།
Hoa tai

④ ལན་ལག་ག།
Lĩnh quái

⑤ གྲི་གེ།
Thắt lưng

⑥ རུ་ཁུག།
Túi thuốc lá

⑦ ཆེ་བུན།
Đai quần eo

⑧ བར་གོས། བ་ཆེ་བ།
Áo dài

⑨ རྩ།
Váy

Nạp Mộc Y là một nhánh của người Tạng sống ở phía đông cao nguyên Thanh Tạng, cư trú rải rác chủ yếu tại các huyện Miện Ninh, Mộc Lý, Tây Xương, Diêm Nguyên thuộc châu Lương Sơn, và huyện Cửu Long thuộc khu Cam Tư... Những nơi này có độ cao trung bình khoảng 2500 mét, thuộc khí hậu gió mùa cận nhiệt đới, người dân vừa làm nông nghiệp, vừa kiêm thêm chăn nuôi gia súc với quy mô nhất định.

Có nhiều thuyết về nguồn gốc của tộc người Nạp Mộc Y, thuyết phổ biến hơn cả là: Nạp Mộc Y cùng nguồn gốc với Phổ Mễ, tổ tiên của họ đến từ gần núi Cương Nhân Ba Tề (Kailash) thuộc Thượng A Lý, sau đó di cư đến Miện Ninh và những nơi khác, trải qua nhiều biến cố và chiến tranh rồi phân tán đến các khu vực kể trên để sinh sống và phát triển.

Trang phục hoàn chỉnh bao gồm: khăn quấn đầu, vạt-giác, áo dài, áo khoác cổ, thắt lưng, váy xếp ly, đai quấn eo, giày dép... và các trang sức như: bạch-trát, hoa tai, vòng tay...

Kiểu tóc

Trước đây, phụ nữ chia tóc làm hai phần đều nhau và tết thành hai bím ba tào, ở đuôi tóc tết thêm chỉ len gọi là thử-thử hoặc đất-đất, loại chỉ len này có màu đen, vàng, đỏ..., sau đó quấn bím tóc đã tết lên trên đầu. Ngày nay, phụ nữ thay đổi thành tết một bím ba lọn, và tết thêm chỉ len vào đuôi tóc.



Trang phục nữ giới Nạp Mộc Y 225



Khăn quấn đầu

Khăn quấn đầu ở địa phương được gọi là duy-y-ca, được làm bằng vải đen, rộng khoảng hai gang tay, dài khoảng ba mét, được quấn chéo chồng lên nhau trên đầu, tạo thành hình chữ nhân (人) ở trán. Trước đây, còn có loại khăn trùm đầu gấp đôi gọi là vự-giác, cần dùng bím tóc quấn quanh đầu để cố định. Vào mùa hè, có khi chỉ dùng chỉ len pha trộn quấn đầu. Ngày nay, phụ nữ sử dụng loại khăn quấn đầu đơn giản, được làm bằng cách bọc vải đen bên ngoài một vòng xốp tròn, có thể đội trực tiếp lên đầu. Bím tóc được quấn ngang phía sau khăn quấn đầu, phần đuôi tóc thả rủ xuống bên tai phải hoặc sau lưng. Ngoài ra, cũng có người không tết chỉ len vào đuôi tóc, mà trực tiếp quấn len màu tím... lên khăn quấn đầu, để nó dài ra và rủ xuống hai bên.





Áo dài

Áo dài mặc trên người gọi là “duy-cổ” hoặc “bả-thứ-nhi”, trước đây được làm bằng lụa màu hồng hoặc đen, thiết kế vạt phải, cổ áo được viền bằng vải xanh..., cổ tay áo được may bằng vải thêu các loại hoa văn, mép vạt trong có may thêm lớp lót bằng vải xanh. Ngày nay, phụ nữ cũng mặc áo dài không cổ được làm bằng vải xanh..., lớp lót tay áo là vải xanh, lớp ngoài được may bằng vải thêu các họa tiết hoa lá đủ loại. Trên mép vạt áo lần lượt có khuy cổ, khuy giữa, khuy nách, hai bên gấu áo có xẻ tà. Vạt ngoài và vạt trong dài ngắn tương tự áo sơ mi kiểu Tạng, tà sau hình chữ nhật, dài đến khoeo chân. Mép gấu áo và hai bên xẻ tà được viền bằng một dải vải rộng chừng hai ngón tay, dải vải viền có màu vàng, đỏ, đen... Ngoài ra, cũng có loại áo dài may bằng vải bông hoặc vải lanh.

Áo dài của người lớn tuổi ít thêu thùa, kiểu dáng mộc mạc; phụ nữ trung niên chọn loại áo dài có viền và thêu đơn giản; các cô gái trẻ thì thích những kiểu áo dài có hoa văn thêu phức tạp và rực rỡ. Cách may áo dài ở các vùng cũng có chút khác biệt.

Áo dài của phụ nữ trung niên có hai lớp tay áo trong ngoài: tay áo ngoài dài đến khuỷu tay, cổ tay được thêu các họa tiết hoa lá, hình học, vân nước chảy..., và có viền vải đen khá rộng; tay áo trong dài đến cổ tay, may bằng vải đen, ở giữa cẳng tay được trang trí ba dải vải nhỏ màu xanh..., cổ tay cũng có thêu thùa. Ở phần giữa gấu áo của vạt ngoài, còn được ghép thêm một miếng vải vuông nhỏ tương tự như tà sau.



Áo khoác có cổ

Bên ngoài áo dài mặc áo khoác gọi là “lý-ca”, mặt ngoài bằng vải đen, mặt trong bằng vải hoa, vạt phải chéo, có thể có cổ hoặc không cổ. Loại có cổ, trên cổ được đính những đồ trang trí bằng bạc hình bát tiên, hai đầu mỗi bên đính một đồng bạc tròn, nối với nhau bằng móc khuy hình bán nguyệt, có thể dùng làm khuy cổ; loại không cổ thì không có trang trí này. Dù áo khoác có cổ hay không, từ khuy cổ đến khuy nách, mép vạt áo đều được thêu các họa tiết hoa lá khá rộng, mặt trong được viền bằng dải vải trắng thêu...; xung quanh cổ được viền vải xanh rộng khoảng năm ngón tay, dọc theo đường viền chính giữa có một dải vải nhỏ màu vàng, mép ngoài lần lượt được trang trí bằng bốn dải vải màu trắng, đỏ..., các dải vải này rộng hẹp khác nhau, có dải thêu, có dải không; dải vải thêu rộng nhất ở ngoài cùng chạy dài từ cổ dọc theo mép vạt áo xuống đến khuy nách. Phụ nữ Nạp Mộc Y ở vùng Mộc Lý còn viền cổ áo khoác bằng gia-lạc phổ-lỗ..., cách viền và thêu cũng rất đa dạng, không gò bó.





Thắt lưng

Trước đây, thắt lưng được làm bằng lụa tơ tằm..., khá rộng, gọi là “chi-cấp”; ngày nay, thường thắt các loại thắt lưng dệt bằng len màu tử hồng và xanh..., có thể quấn quanh eo hai vòng, phần tua rua ở đầu cuối thả dài sau lưng. Lại có loại thắt lưng dệt bằng len xanh, trước khi thắt, gấp hai đầu vào giữa, sau khi gấp, phần tua rua của thắt lưng thả dài từ giữa xuống; khi thắt, quấn một vòng quanh eo, cố định bên trái hoặc nhét vào thắt lưng chi-cấp, phần tua rua ở giữa thả rủ xuống bên hông phải. Trên thắt lưng thường đeo một cái túi đựng thuốc lá, được làm bằng mảnh vải hồng hình vuông có thêu các họa tiết hình học..., mép viền vải đen, lót vải xanh, gấu áo được trang trí bằng dải vải thêu họa tiết răng cưa đối xứng, tổng thể hình vuông, đeo thả bên hông phải.





Váy xếp ly

Bên dưới mặc váy xếp ly gọi là “tra”, trước đây được làm bằng vải lanh và các loại vải trơn màu, ngày nay được may bằng cách ghép dọc nhiều nếp gấp từ vải màu xanh,





Đai quần eo

Trước đây, phụ nữ buộc đai quần eo gọi là “thứ-bản”, chủ yếu được may bằng vải đen, mép viền vải xanh, gấu áo dài đến mắt cá chân. Đai quần eo ngày nay lấy vải đen làm nền, ở giữa thêu hình hoa lớn, xung quanh là các họa tiết hoa lá, bướm lượn..., mép trên dùng vải xanh hoặc trắng có thêu làm dây buộc, đai quần eo tổng thể khá rộng, gấu dài đến đầu gối. Ngoài ra, còn có các loại đai quần eo màu được dệt bằng len các màu, và các loại đai quần eo đủ kiểu được làm từ vải len dệt sọc màu, vải xanh, vải đen..., các họa tiết thêu trên đó có nhiều dạng thức.

Người ta nói rằng, người Nạp Mộc Y cho rằng màu đen có ý nghĩa tôn trọng người khác, dựa trên quan niệm này, y phục màu đen khá phổ biến, hình thành nên phong cách coi đen là đẹp.



Giày ủng

Trước đây, chân thường đi giày cỏ hoặc giày vải, ngày nay đi giày da mua từ chợ, giày vải thuê...

Trang sức

Ở trán, trên đường chân tóc, đeo trang sức tóc gọi là “bạch-trát”, nền bằng vải đỏ..., bên trên đính mười miếng bạc nhỏ hình tròn.

Trên tai đeo hoa tai bạc hình tròn gọi là “hanh-đóa”, trên có đính miếng bạc tròn bốn lỗ giống như đồng xu. Lại có một loại hoa tai bạc, đầu mút cong lên trên, trên có bông hoa bạc nạm hạt san hô nhỏ li ti, phía dưới đính thêm miếng bạc hình lá cây...



Trên cổ tay đeo vòng bạc hoặc vòng ngà voi. Trên ngón tay đeo hai hoặc ba chiếc nhẫn bạc hình yên ngựa, một số nhẫn có nạm san hô hoặc ngọc lam, cũng có loại trơn không nạm đá.

Đặc điểm chính của trang phục Nạp Mộc Y nằm ở kỹ thuật thêu. Các vị trí như cổ áo, cổ tay áo và đai quần eo, thường được trang trí bằng các họa tiết thêu hoa lá, sơn thủy, hình học... vô cùng tinh xảo. Loại trang phục này cũng được mặc ở Hòa Ấi Tạng tộc hương thuộc huyện Miện Ninh và người Tạng Lý Nhữ ở vùng lân cận.

Mặc dù người Tạng Nạp Mộc Y sống ở nhiều khu vực khác nhau, nhưng phong tục tập quán và văn hóa trang phục truyền thống của họ không có nhiều thay đổi lớn, vẫn được bảo tồn tốt, thể hiện một phong cách tương đối thống nhất.



13

ཐཱི་ཤིལ་གོས་རྒྱུ།

TRANG PHỤC
CƠ TỐ





1 ཁོང་བསྐྱེད་།
Áo choàng

2 སྒྱེད་གླི།
Dao giắt eo

3 དགྱི་བྲ།
Thắt lưng

4 བཀའ་སྐྱེད་།
Giày ủng



① རྩལ་ལེན།
Áo sơ mi

② ཁོང་བསྐང།
Áo choàng

③ ཕྱིང་རས།
Áo choàng vai

④ མེས་གཟན།
Đai quần eo

⑤ བགས་ཀ།
Giày

Cơ Tồ nằm ở phía đông nam huyện tự trị Mộc Lý Tạng tộc, cách trung tâm huyện khoảng 240 km, độ cao trung bình khoảng 3000 mét, thuộc khí hậu gió mùa cao nguyên, là một thôn làng khá hẻo lánh. Do địa hình, nơi đây ít có sự giao lưu với bên ngoài, lương thực và các vật phẩm khác phần lớn tự cung tự cấp, quần áo cũng cơ bản do người dân địa phương dệt và may thủ công, hình thành nên một lối sống độc đáo. Người dân nơi đây vẫn còn duy trì tín ngưỡng tôn giáo nguyên thủy.

Trang phục Cơ Tồ được chia thành hai loại: trang phục nam giới và trang phục nữ giới.





Trang phục nam giới

Trang phục nam bao gồm: mũ, áo choàng, áo ghi-lê, ủng... và các trang sức như: hoa tai, dao đeo thắt lưng, túi đeo thắt lưng, tẩu hút thuốc...

Trước đây, nam giới có thói quen để tóc dài, thường tết tóc thành vài bím to, sau đó ở phía sau đầu gộp lại tết thành một bím to, rồi xoắn qua các vòng ngà voi... làm vật trang sức, cách tết tóc này trong phương ngữ địa phương được gọi là “nạp-nhiệt”. Nhưng ngày nay, nam giới chỉ đơn giản buộc tóc dài lại sau gáy, không còn tết như trước nữa.

Mũ đội đầu

Mũ trong phương ngữ địa phương được gọi chung là “đóa-đóa”. Ngày xưa, người dân địa phương từng đội nhiều loại mũ như mũ hoa gọi là “sắc-long-đóa-đóa”, mũ lông cáo gọi là “oa-triết-đóa-đóa”, mũ Tây Dương “mạc-giác”, mũ lông dê... nhưng ngày nay, loại mũ phổ biến chỉ còn lại mũ Tây Dương.





Áo choàng

Áo sơ mi mặc trong được may bằng lụa trắng hoặc lụa là, cổ áo viền gấm. Bên ngoài mặc áo choàng đen gọi là “không-sâm”, được làm bằng vải lanh, len dệt, nỉ, vải thường..., gấu áo dài đến mắt cá chân, tay áo ngắn, thiết kế cổ giao nhau, vạt phải, hai bên gấu áo có xẻ dài khoảng một gang tay. Trên áo lần lượt có khuy cổ, khuy giữa, khuy nách, không có viền mép hay đường diềm. Trước đây, chỉ có tầng lớp, thủ lĩnh địa phương, những bậc cao niên có uy tín và học thức... mới được mặc áo có cổ, người thường chỉ mặc loại không cổ, ngày nay không còn quy định này nữa, mọi người đều mặc áo có cổ. Chất liệu chính để may áo choàng là vải màu tử hồng.

Người ta kể rằng, ngày xưa Tán Phổ Thổ Phồn đến thăm nơi này, khi triệu kiến thủ lĩnh và những người khác trong vùng, để khen thưởng công lao mở mang bờ cõi của họ, đã dành lời khen ngợi cao độ và ban tặng một chiếc áo choàng, đồng thời dặn dò: *“Các khanh như là mạch sống của bộ tộc, từ nay về sau hãy chế tác và mặc loại y phục gọi là ‘Không Sóc’ này.”* Sau đó, mọi người bèn làm theo kiểu dáng chiếc áo đó, và tên gọi của nó dần dần biến thành “không-sâm” hoặc “không-nhượng”, mang ý nghĩa cầu mong sinh mệnh trường tồn vững chắc.

Trong cuộc sống hàng ngày, áo choàng mọi người mặc có kiểu dáng tương tự các vùng khác của Tạng khu, thường được may từ lông bò yak hoặc lông cừu địa phương, cũng có loại may bằng lụa là..., và có thói quen viền cổ áo, cổ tay áo và gấu áo bằng len dệt hoa màu. Họ gọi loại áo choàng dệt từ lông cừu trắng rồi nhuộm đỏ là “Gia Thúc Khúc Ba”, còn loại làm bằng nỉ hoặc lụa là mua từ chợ thì gọi là “Hương Mã Khúc Ba”.

Thắt lưng ở địa phương được gọi là “cát-hạ”, chủ yếu chia làm hai loại: một loại dệt từ len địa phương, một loại dệt từ len màu mua ở chợ. Trong các dịp lễ trọng, người ta thường chọn loại thắt lưng dệt bằng len màu, đầu mút có tua rua, loại thắt lưng này có thể thắt nút ở bất kỳ vị trí nào trước sau hay hai bên eo, tua rua tự nhiên thả rủ xuống.

Áo ghi-lê

Khi làm việc đồng áng, để bảo vệ áo choàng và lưng, người dân còn mặc một loại áo khoác không tay chắc chắn và ấm áp được làm từ da dê, da cừu hoang, da nai... Áo này thiết kế hai vạt đối xứng, cổ áo và vòng nách được bọc viền bằng nỉ đỏ... Người ta nói rằng, một chiếc áo khoác như vậy có thể mặc được hơn mười năm.

Giày ủng

Ủng ở địa phương được gọi là “ba-cát”. Trước đây, chân thường đi ủng nhung kim tuyến, ủng da, ủng vải, ngày nay phổ biến là đi ủng da dài màu đen mua từ chợ.





Trang sức

Trên tai đeo hoa tai bạc gọi là “loại-khố”, có nạm ngọc lam. Trên thắt lưng thường đeo một con dao dài do địa phương chế tác, chuôi dao làm bằng sừng, vỏ dao làm bằng da hoặc đồng thau... Trên thắt lưng còn đeo túi đeo có nhiều ngăn trong ngoài bằng da, dùng để đựng thuốc lá, đá lửa... Ngoài ra, trên thắt lưng còn có thói quen cài một cái tẩu hút thuốc gọi là “da-lặc-lặc” trong phương ngữ, và bên hông phải đeo một con dao ngắn.

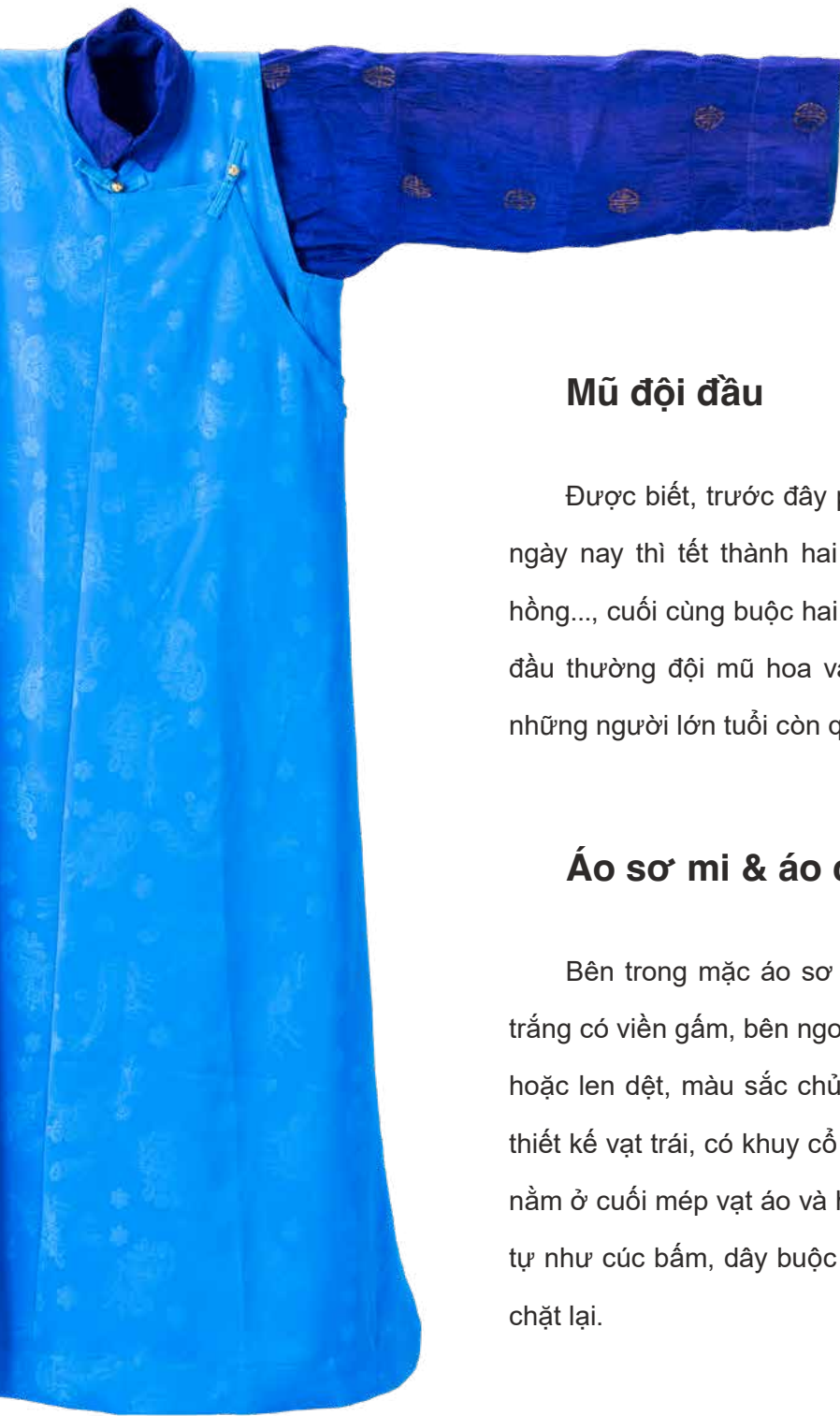






Trang phục nữ

Trang phục nữ bao gồm: mũ, áo sơ mi, áo choàng, đai quần eo, khăn choàng, giày dép... và các trang sức như: hoa tai, vòng cổ...



Mũ đội đầu

Được biết, trước đây phụ nữ thường tết tóc thành nhiều bím nhỏ, ngày nay thì tết thành hai bím ba lọn, và tết thêm chỉ tơ màu xanh, hồng..., cuối cùng buộc hai đầu bím tóc lại với nhau, thả sau lưng. Trên đầu thường đội mũ hoa và mũ lông dê, trong cuộc sống hàng ngày, những người lớn tuổi còn quấn khăn đầu màu xanh hoặc đen.

Áo sơ mi & áo choàng

Bên trong mặc áo sơ mi kiểu Tạng được may bằng lụa hoặc lụa trắng có viền gấm, bên ngoài khoác áo choàng không tay may bằng lụa hoặc len dệt, màu sắc chủ yếu là xanh lá và xanh dương. Áo choàng thiết kế vạt trái, có khuy cổ và khuy giữa, hai bên xẻ tà ngắn. Dây buộc nằm ở cuối mép vạt áo và hai vị trí trên eo của vạt trong, thiết kế tương tự như cúc bấm, dây buộc ở vạt trong luôn qua lỗ ở nách phải rồi thắt chặt lại.



Đai quần eo

Đai quần eo ở địa phương được gọi là “mỹ-tán”, được may bằng lụa hoặc len dệt sọc màu. Mép trên được trang trí bằng một dải gấm, vải hoa hoặc vải thêu rộng chừng bốn ngón tay, và hai góc trên mỗi bên đều có đính một miếng gấm hình tam giác. Dây buộc thường được làm bằng vải hoa.

Áo choàng

Trên lưng choàng khăn đen gọi là “khương-nhiệt”, được dệt từ lông bò yak hoặc lông cừu, gấu áo dài đến mắt cá chân. Mép trên của khăn choàng có đính một chiếc mũ, toàn bộ mép được dệt bằng len màu trắng, vàng, đỏ, xanh lá... tạo thành vân cầu vồng. Khi không đội mũ, khăn choàng có hình chữ nhật, hai góc trên có đính dây buộc bằng vải dệt hoặc vải thừng, gấu áo có tua rua. Trước đây, loại khăn choàng này được mặc khi làm việc đồng áng, dùng để bảo vệ lưng và che mưa che nắng; ngày nay, nó được mặc kết hợp với lễ phục.





Giày ủng

Trước đây, chân đi giày cỏ, giày vải hoặc giày nhung kim tuyến..., ngày nay thường đi giày vải thêu kiểu Tạng mua từ chợ, tùy theo sở thích cá nhân.

Trang sức

Hoa tai ở địa phương được gọi là “loại-khố”, một số người đeo loại hoa tai nhỏ hình bông hoa bằng bạc, trên đính ngọc lam hình bầu dục, hoặc nạm ngọc lam và san hô; cũng có người đeo hoa tai hình bông hoa có tua rua bạc, hoặc hoa tai lớn bằng bạc nguyên chất... Trên cổ đeo vòng cổ gọi là “quả-nhượng”, được xâu chuỗi từ ngọc lam, san hô, pha lê, mã não, hạt xà cừ..., đồng thời cũng đeo chuỗi ngà voi. Trên cổ tay đeo vòng bạc gọi là “kháp-quả”, vòng ngà voi hoặc vòng ngọc. Trên ngón tay đeo nhẫn vàng bạc gọi là “kháp-kỹ”, trên nạm mã não, ngọc lam, hồng ngọc...

Nơi đây có nghi lễ trưởng thành trọng thể. Trước đây, nghi lễ thường được tổ chức tại nhà riêng của mỗi người; ngày nay, thay vào đó, toàn bộ dân làng tập trung lại thống nhất tổ chức vào dịp Tết Nguyên đán. Vào ngày nghi lễ, tất cả các thanh thiếu niên đủ mười ba tuổi đều phải mặc trang phục truyền thống, tề tựu đông đủ với dân làng. Để đánh dấu thân phận trưởng thành, từ đó có thể mặc trang phục người lớn, trình tự nghi lễ như sau: Đầu tiên, cậu (cậu ruột bên mẹ) đeo cho nam giới một con dao ngắn, đeo cho nữ giới một chiếc vòng bạc; tiếp theo, thanh thiếu niên quỳ lạy ba lạy trước ngũ cốc và miếng thịt muối gọi là “hạ-can” (đã được ướp muối và để qua một năm) để tỏ lòng cảm tạ; sau đó, tăng sĩ bôi một ít bột tsampa lên trên trán họ, và dâng cho mỗi người một khăn trắng bằng lông cừu. Cuối cùng, ông bà nội ngoại và các bậc trưởng thượng khác răn dạy tất cả thanh thiếu niên, nhắc nhở họ phải kính già yêu trẻ, có phẩm chất cao thượng, chăm chỉ làm lụng... Kết thúc các bước trên, toàn bộ nghi lễ trưởng thành hoàn tất. Từ đây trở đi, đánh dấu thanh thiếu niên đã lớn, cần phải gánh vác trách nhiệm trong gia đình.

Áo choàng nữ ở địa phương thiết kế vạt trái, còn áo choàng nam thiết kế vạt phải, bởi vì thông thường phụ nữ ngồi bên trái bếp lửa, nam giới ngồi bên phải bếp lửa. Nếu trong nhà có người qua đời, bạn bè thân thích sẽ mặc quần áo trắng bằng vải lanh để tỏ lòng thương tiếc.

Thôn Cơ Tổ là một thôn làng có nền văn hóa dân gian sâu dày, không chỉ có nghề dệt vải thủ công truyền thống phong phú và văn hóa kiến trúc đá gỗ độc đáo, kỹ thuật dệt thảm và làm đàn trát-niệm ở đây cũng rất đặc sắc. Ngày nay, hầu như không ai trong thôn không biết gảy đàn trát-niệm, và họ đã thành lập ban nhạc Mộc Lý. Trong các dịp biểu diễn, họ mặc trang phục truyền thống, bảo vệ và kế thừa những phong tục quý giá này theo cách thích ứng với thời đại.



14

ཞེ་ལུང་སྒྲེས་མའི་གོས་རྒྱུ།

TRANG PHUC
NỮ GIỚI
THỦY LẠC





1 སེང་མགོ།
Tang-quả

2 ཆེ་རིང་སྒྲིན་ཁེབས།
Mũ kim hoa

3 འབར་གཤམ།
Ba-ca

4 སྒྲིང་བ།
Chuỗi vòng

5 གཤམ།
Hộp gau

6 འདབས་ཤམ།
Đạt-tiên

7 གྲུབ་བཅིངས།
Đai chạm khắc

8 སྒྲ་རགས།
Thắt lưng

9 དངུལ་ཐག།
Ngạch-tháp

10 སྒྲུབ་བཅིངས།
Đai quần eo

Thủy Lạc là một hương nằm ở phía tây huyện Mộc Lý, cách trung tâm huyện 208 km, độ cao trung bình khoảng 2900 mét, thuộc khí hậu sơn địa cao nguyên, phương thức sinh hoạt chủ yếu là bán nông bán mục.

Bộ lễ phục được giới thiệu trong bài viết này chủ yếu phổ biến ở hương Thủy Lạc, đồng thời cũng được thấy trong cộng đồng phụ nữ ở các xã Mạch Nhật, Đông Lăng... Cư dân Tạng ở những khu vực này được gọi là “cát-mế”, người ta cho rằng nó có nghĩa là “người sống trên núi cao”.

Trang phục hoàn chỉnh bao gồm: mũ kim hoa, đặt-tiên, áo khoác không tay, thắt lưng, đai quần eo... và các trang sức như: trang sức đầu, ba-ca, hộp gau, vòng cổ, thắt lưng chạm khắc, lạt tùng, gạch-tháp...



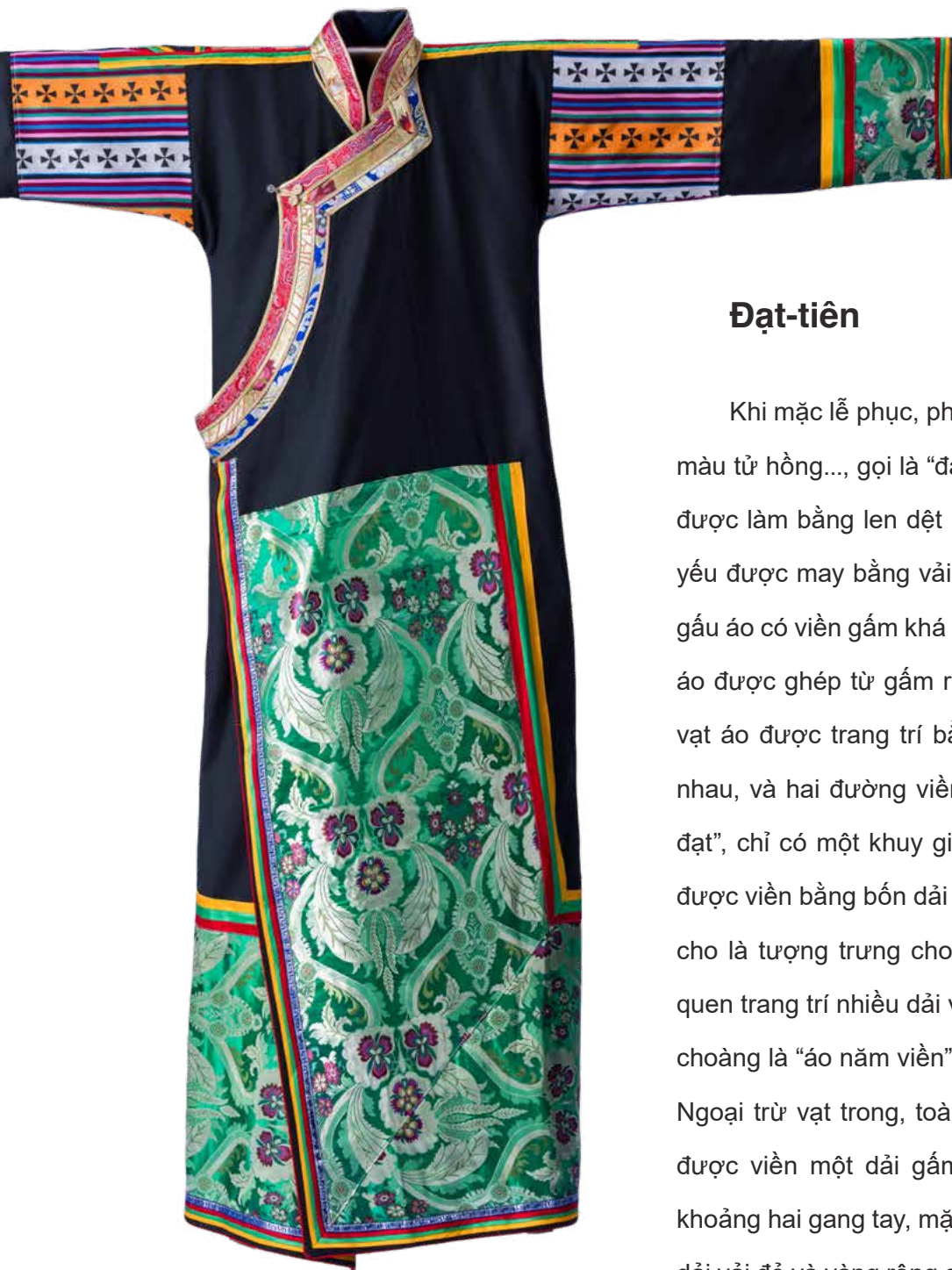
Trang sức đội đầu

Trước đây, phụ nữ thường tết một kiểu tóc gọi là “tang-quả”. Đầu tiên, lấy một phần tóc trên đỉnh đầu, chia làm hai phần trước và sau; phần tóc phía trước tết thành bím tám tao, khi tết đến trên trán thì chia mỗi bên bốn bím nhỏ, những bím tóc này gọi là “tra-trách-linh”. Tóc hai bên mai mỗi bên tết một bím bốn tao, gọi là “bím mai”. Đầu các bím tóc tra-trách-linh cùng với phần tóc trước trán được tết chung thành các bím ba lọn nhỏ, tóc phía sau đỉnh đầu cùng với tóc còn lại tết thành các bím ba tao nhỏ, cuối cùng chia đều làm hai bó trái phải, bắt đầu từ hai bên trán, cách một khoảng



nhất định cài các bím tóc chéo vào giữa hai nhóm chỉ len xanh trắng, tạo thành đường cong tự nhiên, thả rủ sau lưng. Ở phần cuối, gom các bím tóc này lại thành hai bó, dùng chỉ len các màu quấn quanh tạo thành một khoen tóc (phát cô) dài khoảng một gang tay, tua rua len màu đỏ... thả rủ xuống bên dưới. Trên các bím tóc phía trước trán và tóc mai, không chỉ đeo các trang sức bằng ngọc lam, san hô, hổ phách, các loại đồ bạc..., mà được biết trước đây còn có tục để mái ngang lông mày. Ngày nay, phụ nữ lớn tuổi thường tết tóc thành hai bím ba tao to, ở đuôi tóc nổi thêm chỉ tơ các màu, cuối cùng quấn chéo lên đầu. Người trẻ thì không tết tóc nữa, mà đội trực tiếp bím tóc giả có đính các trang sức như hổ phách, ngọc lam... trông giống như kiểu tóc tang-quả; hoặc không đội bím tóc giả mà đội mũ kim hoa.





Đạt-tiên

Khi mặc lễ phục, phụ nữ mặc áo choàng bằng vải màu tử hồng..., gọi là “đạt-tiên”. Trước đây, nó thường được làm bằng len dệt hoặc nhung kẻ, ngày nay chủ yếu được may bằng vải mua từ chợ. Do cổ tay áo và gấu áo có viền gấm khá rộng nên có tên là đạt-tiên. Cổ áo được ghép từ gấm rộng chừng hai ngón tay, mép vạt áo được trang trí bằng ba dải vải nhỏ màu khác nhau, và hai đường viền gấm khá rộng gọi là “ngận-đạt”, chỉ có một khuy giữa. Mép vạt ngoài và gấu áo được viền bằng bốn dải vải nhỏ màu khác nhau, được cho là tượng trưng cho tứ đại. Ngày nay, họ có thói quen trang trí nhiều dải vải hơn, vì vậy trực tiếp gọi áo choàng là “áo năm viền”, “áo sáu viền”, “áo bảy viền”... Ngoài trừ vạt trong, toàn bộ mép gấu áo của y phục được viền một dải gấm xanh gọi là “tiền-gia”, rộng khoảng hai gang tay, mặt trong được trang trí bằng hai dải vải đỏ và vàng rộng chừng ba ngón tay. Trên cổ tay áo lần lượt có bốn dải vải nhỏ màu khác nhau viền, một dải gấm xanh rộng khoảng một gang tay, và các đường trang trí cầu vòng gọi là “Gia” gồm hai dải vải đỏ và vàng... Phần gia-lạc phổ-lỗ trên cánh tay được gọi là “oa-đông”, phần vải áo màu tử hồng nằm giữa đường trang trí cầu vòng và oa-đông, gọi là “thụy-đạt”.

Giữa hai vai có đính một miếng gấm vàng hình chữ nhật gọi là “sát-tiên”, rộng chừng hai ngón tay, xung quanh được trang trí bằng các viền vải nhỏ màu đỏ, đen, vàng, xanh lá. Giữa các dải vải dài hơn một chút ở phía trên và dưới, có đính chồng lên nhau bốn năm dải vải hình mũi tên cùng màu với các viền xung quanh nhưng dài ngắn khác nhau, gọi là “ba-ca”. Người ta cho rằng, sát-tiên tượng trưng cho việc mang kinh sách trên lưng hoặc ách cày, ba-ca tượng trưng cho nhãn kinh.



Ở vị trí chính giữa phía trên eo lưng, có đính một miếng gấm hình chữ nhật, xung quanh được viền bằng các dải vải nhỏ, trông giống như hòm kinh không có nhãn, trong phương ngữ địa phương gọi là “cấp-ca”. Đây được cho là tượng trưng cho hòm kinh hoặc dây ách cày. Trước đây, trong dân gian có thuyết cho rằng: phụ nữ địa phương là hậu duệ của la sát nữ, để trấn áp la sát, họ có thói quen may trên vai y phục những dải vải tượng trưng cho ách cày, và may trên eo những dải vải tượng trưng cho hòm kinh. Ngoài ra, cấp-ca cũng là dấu hiệu quan trọng để phân biệt đã kết hôn hay chưa. Đạt-tiên của phụ nữ đã có chồng có may cấp-ca, còn của các cô gái trẻ chưa chồng thì không, nhưng ngày nay sự phân biệt này không còn nghiêm ngặt nữa.



Phần tà sau của áo choàng có các nếp gấp gọi là “quần-ốc”, thiết kế này ẩn chứa ý nghĩa tượng trưng cho luống cày. Trên đỉnh mỗi nếp gấp, dùng chỉ trắng khâu lược tạo thành các mũi chỉ gọi là “trát-cương”, tượng trưng cho mạ non ngoài đồng, và cứ hai nếp gấp, các mũi chỉ này ghép lại tạo nên vẻ đẹp cân xứng. Số lượng nếp gấp tùy thuộc vào kích thước của y phục, khi cất giữ cần gấp y phục sang bên phải. Khi tính số nếp gấp, cần lần lượt đọc “cát-hung”, người ta nói rằng quá trình may không được dừng lại ở số chẵn “hung”, mà phải kết thúc ở số lẻ “cát”, để cầu mong một khởi đầu may mắn.

Loại đạt-tiên mặc hàng ngày được làm bằng vải đen, thiết kế vạt trái, phần giữa tay áo sử dụng gia-lạc phổ-lỗ làm oa-đông, và may đơn giản các miếng “sát-tiên” và “cáp-ca”, phần viền mép cổ áo được may bằng dải vải tương tự gia-lạc phổ-lỗ, mép vạt trái và gấu áo được viền đơn giản bằng chỉ màu, không có các trang trí như tiên-gia. Loại đạt-tiên này chủ yếu do người lớn tuổi mặc.

Áo ghi-lê

Trong các dịp tụ họp, lễ tết..., phụ nữ mặc thêm một chiếc áo ghi-lê gọi là “đạt-cát” bên ngoài đạt-tiên. Áo ghi-lê được làm bằng gấm hoặc gia-lạc phổ-lỗ..., thiết kế vạt phải, hai bên gấu áo xẻ ngắn. Cổ áo, vòng nách, mép xẻ tà và gấu áo đều có ba đường viền gấm khác nhau. Vào mùa đông, phụ nữ mặc áo khoác không tay có lót da cừu non hoặc lông nhân tạo. Trong cuộc sống hàng ngày, thường mặc loại áo khoác không tay làm bằng vải đen, chỉ có viền đơn giản, kết hợp với các thường phục khác.





Thắt lưng

Trên thắt lưng buộc một loại thắt lưng len nửa rộng nửa hẹp. Phần rộng hơn ở mặt ngoài lần lượt được dệt các hoa văn ngang như hồi văn, chữ Vạn nối liền, nút thắt cát tường..., mép trên và dưới có tua rua; phần hẹp hơn được trang trí một đường vân cầu vòng nhỏ dệt bằng chỉ màu, phần cuối cùng là tua rua rộng khoảng một gang tay, ngoài ra không có hoa văn trang trí nào khác. Khi thắt lưng, cần quấn mặt không có hoa văn vào trong, mặt có hoa văn lộ ra ngoài, quấn một cách phẳng phiu quanh eo. Người ta nói rằng, dệt một chiếc thắt lưng như vậy cần tốn hơn một tháng công, vô cùng kỳ công. Tuy nhiên, ngày nay những người dệt thắt lưng thủ công ngày càng hiếm, trong các dịp lễ trọng, người ta thường chọn mua thắt lưng từ chợ, loại này có kiểu dáng giống với loại truyền thống và thường được kết hợp với trang phục đạt-tiên.



Đai quần eo

Đai quần eo ở địa phương được gọi là “ôn-tương”, lấy len dẹt sọc màu giả hoặc gia-lạc phổ-lỗ làm nền. Phía trên nền để trống khoảng một gang tay, bên dưới thì ghép nối tiếp theo chiều dọc từ trên xuống dưới các miếng gấm vuông màu đen và vàng phủ lên trên nền. Tại chỗ nối của hai miếng gấm màu, mép trên của miếng gấm đen, hai bên cạnh đai quần eo và mép gấu áo, lần lượt được trang trí bằng các đường viền gồm ba dải vải màu khác nhau, dải vải có hoi vằn... Ở giữa hai bên cạnh và phần trên của đai quần eo, cũng được trang trí bằng ba dải vải màu khác nhau, đầu trên tự lại ở vị trí chính giữa mép dưới của miếng gấm đen, đầu dưới kéo dài đến vị trí chính giữa mép dưới của miếng gấm vàng. Mép trên của đai quần eo được trang trí bằng một dải gấm rộng, hai bên nối với dây buộc bằng vải dẹt để tiện thắt vào eo.



Trang sức

Trên tai đeo hoa tai bạc lớn gọi là “nạp-sát”, trên có nạm san hô và ngọc lam; trên cổ đeo trang sức gọi là “ba-cát”, nó tương tự như khuy cổ, lấy nỉ làm nền, viền vải xanh, ở giữa nền có đính miếng bạc nhỏ chạm rồng nạm ngọc lam và san hô. Ngoài ra, trên cổ còn đeo các loại hộp hộ thân hình tròn hoặc vuông..., và vòng cổ được khâu chuỗi lần lượt từ ngọc lam, san hô, thiên châu... Trên hai cổ tay, mỗi bên đeo một chiếc vòng bạc hình cá voi trắng. Trên thắt lưng buộc





thắt lưng chạm khắc gọi là “gia-giang”, lấy nền nỉ đỏ rộng khoảng năm ngón tay, bên trên đính mười bốn miếng xà cừ tròn, xếp thành hai hàng, hai đầu mỗi bên có một đồ trang sức bằng vàng bạc hình vuông, ở giữa nạm san hô. Số lượng xà cừ không cố định, khi đeo, mặt xà cừ hướng về phía sau lưng, do đó có tên gọi và ý nghĩa là “gia-giang”.





Bên dưới phải có đeo Lạc Tòng bằng bạc, đầu nút có đỉnh ống kim chỉ “ca-tú-ba-khắc” kèm tua bạc. Trước thắt lưng đeo trang sức bạc gọi là “ngạch-tháp”, phần chính giống như hộp hộp thân tròn, phía trên và hai bên nó được nối với thắt lưng bằng dây bạc. Trước đây, trong các dịp lễ trọng, người ta thường đeo các trang sức bạc có kích thước lớn, ngày nay, ngoại trừ các dịp đặc biệt như đám cưới, trình diễn trang phục..., rất ít người đeo loại trang sức này trong cuộc sống hàng ngày.

Do sự khác biệt về môi trường sống và nguồn tài nguyên sinh tồn, nhu cầu và thẩm mỹ của con người cũng không giống nhau, trang phục các vùng miền đều có những đặc sắc riêng về đường cắt may, kiểu dáng và bối cảnh văn hóa. Bộ trang phục mang tính đại diện của vùng này chiếm một vị trí trong văn hóa trang phục của người Tạng.



Trang phục nữ giới Thủy Lạc 273

15

འབྲོག་ར་ཐང་གི་སྐྱེས་མའི་གོས་རྒྱན།

TRANG PHỤC
NỮ GIỚI
MAO NGƯU BÌNH





① སྒ་མ།
Xoa-mã

② བ་ཅི།
Áo sơ mi



③ ཅང་ཁ་ད།
Áo choàng vai

④ སྒྲ་མ།
Váy

Mao Ngưu Bình là một hương nằm ở phía nam huyện Mộc Lý, cách trung tâm huyện 105 km, độ cao trung bình khoảng 2900 mét, thuộc khí hậu sơn địa cao nguyên, phương thức sinh hoạt chủ yếu là bán nông bán mục.

Trang phục hoàn chỉnh bao gồm: áo sơ mi, áo ghi-lê, áo choàng, áo choàng, áo choàng dài, váy xếp ly, thắt lưng gia-sát, giày dép... và các trang sức như: trang sức đầu, vòng cổ, vòng tay...



Trang phục nữ giới Mao Ngưu Bình 277



Trang sức đội đầu

Trước đây, phụ nữ địa phương thường tết tóc thành nhiều bím ba tao nhỏ, và tết thêm chỉ tơ vào đuôi tóc, sau đó quấn bím tóc lên trên đầu hoặc thả sau lưng. Được biết, trước đây các cô gái chưa chồng có thói quen tết tóc thành một bím ba tao to, tết thêm đuôi lông bò yak hoặc chỉ tơ vào đuôi bím, sau đó quấn quanh đầu. Ngày nay, họ đội trực tiếp trang sức đầu gọi là “xoa-mã”, loại trang sức này căn cứ vào kích thước đầu, vắn nhẹ một nắm len đen thành vòng tròn, ở phía trên bên trái quấn thêm một sợi chỉ tơ xanh, phần đuôi có thể thả xuống eo ở phía trước hoặc phía sau tùy ý. Trên sợi len đen thô quấn quanh đầu, phần trang sức phía trước được gọi là “lô-tắc”, cụ thể bao gồm: bốn chuỗi hạt trắng đỏ xếp thành một đường cong nhất định được treo ngang; chính giữa phía trên có đồ trang sức



hình bầu dục bằng vàng bạc nạm ngọc trai hoặc san hô, hai bên mỗi bên còn có một đồ trang sức hình bông hoa bằng vàng bạc; ngoài ra, cũng có các loại “lô-tắc” khác, trên mặt có gắn cố định hổ phách, ngọc lam...

Người lớn tuổi thường tết tóc thành hai bím ba tào, quấn chéo lên đầu, sau đó đội trang sức đầu xoa-mã có hoặc không có đính ngọc trai, phần tóc đen tự nhiên thả xuống vai.

Được biết, trước đây ở các hương lân cận như Ninh Lãng, Nga Á..., phụ nữ thường trang trí trên xoa-mã bằng các trang sức được khâu chuỗi từ đồng bạc tròn, các vật trang trí hình nhẵn..., hoặc quấn khăn đầu đen. Xã Mao Ngưu Bình cũng có phong tục tương tự, tuy nhiên ngày nay phụ nữ nơi đây chủ yếu phổ biến việc đội trang sức đầu xoa-mã.

Áo sơ mi

Bên trong mặc áo sơ mi gọi là “ba-tư”, được làm bằng lụa màu đỏ hoặc hồng..., thiết kế vạt phải, trên cổ áo may liền ba chiếc khuy cạnh nhau, cộng với khuy giữa và khuy nách tổng cộng năm khuy. Cổ áo và cổ tay áo được viền bằng gấm vàng khá rộng, cổ tay áo được cắt xéo và có xẻ tà, chỗ xẻ tà cũng có khuy.



Áo ghi-lê

Bên ngoài áo sơ mi mặc một chiếc áo khoác không tay bằng vải thô màu trắng nâu gọi là “giang-ca-đát”. Cổ áo được bọc viền bằng nhung kim tuyến đỏ, thiết kế hai vạt đối xứng, mép vạt áo và vòng nách lần lượt được viền khâu bằng nhiều loại chỉ tơ màu. Gấu áo được trang trí bằng tua rua len các màu, phía trên tua rua là dải trang trí vân cầu vòng rộng chừng bốn năm ngón tay, được dệt bằng len các màu.



Áo choàng

Vào mùa đông, mặc áo choàng có tay làm bằng vải thô, gọi là “ba-lặc”. Áo choàng thiết kế hai vạt đối xứng, dọc theo mép vạt lần lượt có bốn khuy, ở cổ áo, cổ tay áo và gấu áo đều được viền bằng len dệt hoa và chỉ kim tuyến hình vân nước.

Áo choàng dài

Được biết, trước đây phụ nữ còn mặc áo choàng vạt phải làm bằng nhung kim tuyến, cổ áo viền gấm. Khi lao động, mặc áo choàng khoác gọi là “phổ-tư”, được dệt từ lông bò yak, cổ áo có thiết kế xếp ly, gấu áo dài đến mắt cá chân, nó cũng có thể dùng làm áo mưa, nhưng ngày nay người mặc không còn nhiều.

Váy xếp ly

Bên dưới mặc váy xếp ly gọi là “nạp-mộc”, được làm bằng vải, gấu áo được trang trí bằng các đường vân cầu vồng làm từ dải vải nhỏ. Trên mép trên của váy, ghép thêm vải cùng màu với thân váy, hai đầu làm thành dây buộc, thắt nút ở bất kỳ bên nào của eo. Váy có ba màu: trắng, xanh dương, đen; người lớn tuổi mặc váy màu xanh dương hoặc đen, người trẻ thường chọn váy trắng.



Trang phục nữ giới Mao Ngưu Bình 283



Thắt lưng gia-sát

Trên eo quần phẳng một chiếc thắt lưng màu tử hồng rộng khoảng một gang tay, được dệt bằng len. Hai bên mép trên và dưới của thắt lưng lần lượt được trang trí bằng các hoa văn cầu vòng... dệt từ len các màu, hai đầu và hai bên mép đều có tua rua. Ngoài ra, một số người thắt lưng trắng, hai đầu có tua rua, nhưng hai bên mép thì không, cũng dệt các họa tiết như cầu vòng...

Giày ủng

Giày dép ở địa phương được gọi là “ba-cát”. Trước đây, chân đi giày cỏ, giày vải, giày da..., ngày nay thường đi giày vải và giày da mua từ chợ.

Trang sức

Hoa tai ở địa phương được gọi là “hạ-kháp”, bao gồm các loại hoa tai bạc hình khuyên, loại nạm ngọc lam và san hô... Trên cổ đeo vòng cổ chuỗi hạt gọi là “Bình Oa”, ngoài ra không có trang sức cổ nào khác. Vòng tay gọi là “da-cấp”, trên cổ tay đeo vòng bạc mảnh gọi là “những-da-cấp”, trên ngón tay có thói quen đeo nhẫn bạc.

Trước đây, người dân địa phương nắm giữ kỹ thuật nhuộm màu tinh xảo bằng đất vàng và thực vật, đặc biệt giỏi nhuộm các màu chủ đạo là vàng và đỏ. Nhưng hiện nay, những người kế thừa nghề thủ công này đã rất hiếm.

Trước đây, y phục ở địa phương phần lớn được dệt từ vải lanh hoặc lông cừu, người ta không có thói quen đeo nhiều trang sức trên y phục, tổng thể khá giản dị. Hương Mao Nưư Bình tuy có năm sáu dân tộc cùng chung sống, nhưng trang phục không bị ảnh hưởng quá nhiều từ bên ngoài, những bộ trang phục mang đậm nét địa phương này vẫn được lưu truyền cho đến ngày nay.



16

རས་པ་འབྲབ་བྱེད་ཀྱི་གོས་རྒྱ།

TRANG PHỤC
BIỂU DIỄN ĐIỀU
MÚA NHIỆT BA





① རས་སྒྲ།
Bím tóc nhiệt-trác

② རྩོད་སྒྲོད།
Thác-quả

③ རྩ་བ།
Trống lắc

④ རྩ་བ་བཏགས།
Dây đeo lưng

⑤ གཟན་སྒྲོད།
Dây choàng

⑥ རྩོད་ལྷ། རྩོད་སྒྲོད།
Áo sơ mi

⑦ རྩ་བ།
Áo choàng

⑧ གཡལ་གཡ།
Đuôi bò yak

⑨ རས་མའི་རྩ་བ་ཐག།
Tua rua Nhiệt Ba

⑩ རྩོད་ལྷ།
Quần dài

⑪ རྩ་བ།
Giày ủng



① རིགས་ལྷ།
Mũ ngũ Phật

② ཁ་བཏགས།
Khăn kha-ta

③ ར།
Trống

④ འབྲུ་ཅི་རུ།
Ba-trạch-nhiệt

⑤ རྗེ་ཁོག།
Khuyên tai

⑥ སུ་སྤྱང་། འགག་སྤྱང་།
Ghi-lê

⑦ གོང་སྤྱང་།
Áo sơ mi

⑧ ར་ལྷུག།
Dùi trắng

⑨ སིང་སི།
Tang-sắc

⑩ སྤེ་མ།
Váy

Múa Nhiệt Ba là một loại hình nghệ thuật dân gian cổ xưa, phổ biến tại lưu vực sông Kim Sa. Điệu múa này chủ yếu phân bố ở một số khu vực của huyện Đức Khâm, phổ biến nhất là thị trấn Tháp Thành thuộc huyện Duy Tây, cùng với các địa phương như xã Ngũ Cảnh của thành phố Shangri-La. Những vùng này có độ cao trung bình khoảng 2.000 mét so với mực nước biển, thuộc kiểu khí hậu gió mùa ôn đới lạnh. Đời sống của cư dân nơi đây chủ yếu dựa vào canh tác nông nghiệp và chăn nuôi.

Tương truyền, điệu múa Nhiệt Ba có nguồn gốc từ thời Milarepa và đệ tử của ông là Nhạ Quỳnh Đa Kiệt Trát Ba. Các thế hệ sau, để tưởng nhớ hai thầy trò, đã sáng tạo ra một điệu múa mô phỏng trang phục của họ và biểu diễn như một lễ vật; điệu múa này được biết đến với tên gọi Nhiệt Ba, và chữ Nhiệt Ba xuất hiện trong tên của Milarepa.

Một cách lý giải khác cho rằng, vào thời xa xưa khi xây dựng chùa Tang Da (Sangye), do gặp rất nhiều trở ngại được cho là do quỷ ma gây ra, người dân đã thông qua việc biểu diễn múa Nhiệt Ba để xua đuổi các chướng ngại, nhờ đó công trình chùa chiền mới có thể hoàn thành thuận lợi. Vì vậy, người ta tin rằng điệu múa này có thể mang lại may mắn và thịnh vượng, và tại địa phương cũng dần hình thành truyền thống biểu diễn múa Nhiệt Ba, kéo dài đến nay đã hơn một nghìn năm lịch sử.

Múa Nhiệt Ba ở Tháp Thành còn được gọi là “Thần Xuyên Nhiệt Ba”. Theo cách nói này, việc biểu diễn múa Nhiệt Ba nhằm mục đích mỗi năm cung nghinh một lần Milarepa. Ngoài ra, còn có nhiều quan điểm khác như cho rằng múa Nhiệt Ba có liên quan đến sự truyền bá các nghi lễ của tôn giáo nguyên thủy...

Tuy nhiên, dù theo cách giải thích nào, múa Nhiệt Ba vẫn là một loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống được lưu truyền rộng rãi từ xa xưa và được đông đảo người dân địa phương, từ già đến trẻ yêu thích. Đồng thời, trang phục, đạo cụ và các yếu tố phục sức phục vụ biểu diễn múa Nhiệt Ba cũng là một bộ phận mang đậm bản sắc trong văn hóa trang phục của người Tạng.



Trang phục điệu múa Nhiệt Ba của nam giới

Trang phục múa Nhiệt Ba của nam giới bao gồm các loại y phục như áo sơ mi, áo choàng, quần tơ kén, giày ủng; cùng với các phụ kiện và đạo cụ như bím tóc nhiệt-trát, trang sức thác-quả, dây đeo, dây choàng, hộp gau, dây tua nhiệt-ba, trống, đuôi bò Tây Tạng.



Phần thân trên mặc áo sơ mi tơ kén màu trắng, gọi là phan-lạp hoặc cồng-đóa, cổ áo được viền bằng gấm. Bên ngoài khoác một áo bào màu đỏ được may từ vải len thô hoặc vải dệt, phần cổ và tay áo có viền lót bằng vải xanh. Phần thân dưới mặc quần trắng làm từ lụa hoặc tơ kén. Trước đây, người dân thường đi loại ủng Tây Tạng gọi là hộ-tư, có đế làm từ vải hoặc da khâu đế; còn hiện nay đa số sử dụng ủng da mua sẵn trên thị trường.





Trang phục biểu diễn điệu múa Nhiệt Ba 295

Trước kia, nam giới địa phương thường để tóc dài; khi múa Nhiệt Ba, họ thường tết tóc cùng sợi chỉ thành bím ba lọn rồi cuộn lên đỉnh đầu. Tuy nhiên, nam giới ngày nay hầu như không còn giữ tóc dài, thay vào đó là sử dụng bím tóc giả gọi là nhiệt-trát. Bím này được làm từ nhiều lớp vải hẹp làm nền, bên trên trang trí tua bằng sợi len đen hoặc tóc giả, rồi quấn quanh đầu. Phía trên còn có một loại trang sức gọi là thác-quả, được bện từ sợi tơ hoặc len nhiều màu, trên đó gắn từ hai đến ba món trang sức bạc hình nhẫn gọi là tắc-oa, đồng thời còn khâu các hạt bạc chạm rồng nạm đá quý như ngọc trai, ngọc lam và san hô. Một số người còn đội thêm bím tóc giả có khâu các hạt ngọc lam và hổ phách.





Ngoài ra, phía sau lưng đeo chéo một loại dây vai được buộc lại bằng thắt lưng, gồm khoảng năm dải lụa nhiều màu kết lại với nhau, phần cuối buông dài tới mắt cá chân. Tương truyền, chi tiết này tượng trưng cho tám choàng của Milarepa. Trên dây vai còn buộc một sợi dây choàng dài có lớp lót bên trong bằng vải xanh, gọi là dây phi-đan, dùng để cố định dây vai khi biểu diễn múa Nhiệt Ba. Trên đó còn treo hộp gau, được cho là có tác dụng trừ tà và bảo hộ thân thể.

Ở phần thắt lưng có đeo một loại trang sức gọi là “tua rua nhiệt-ba”. Vật này được bện từ khoảng mười ba sợi dây màu, kết thành dạng nửa chuỗi anh lạc, sau đó dùng một dải dây khâu lại và buộc vào đai lưng.

Về nguồn gốc của nó có nhiều cách lý giải khác nhau. Một thuyết cho rằng, Nhạ Quỳnh Ba trong lúc khát thực đã tình cờ bắt gặp cảnh kền kền và quạ đen mổ xác voi ngoài hoang dã. Từ đó, ông nảy sinh ý tưởng cắt phổi và gan voi thành từng mảnh, treo ở đầu các đoạn ruột đen trắng làm vật trang trí; về sau hình thức này dần được cách điệu và phát triển thành kiểu trang sức phổ biến hiện nay.

Một cách lý giải khác lại nói tới, Nhạ Quỳnh Ba vốn rất kiêu mạn. Có lần mưa đá dữ dội trút xuống, Milarepa hóa thân ẩn vào trong sừng bò Tây Tạng để tránh nạn, còn Nhạ Quỳnh Ba không thể vào được nên định đào đất để ẩn náu, cuối cùng đào đến mức quần áo rách nát. Về sau, câu chuyện này được xem là biểu trưng cho việc hàng phục tính kiêu mạn của ông, đồng thời cũng được coi là nguồn gốc của tục đeo tua rua nhiệt-ba.

Trước đây, tua rua nhiệt-ba được chế tác từ lông bò đen trắng bện hoặc xe thành dây màu; để tượng trưng cho tâm hồn thanh khiết, phần tua ở đầu dây thường gắn lông trắng. Ngày nay, vật này thường được làm từ dây nhựa mua trên thị trường, phần đầu tua trang trí bằng sợi len hoặc sợi tơ màu trắng.

Trong khi biểu diễn, tay phải cầm một loại trống lắc được bọc da và có cán gỗ; đây là nhạc cụ không thể thiếu, dùng để gõ theo nhịp lời ca khi múa Nhiệt Ba. Tay trái cầm đuôi bò Tây Tạng có gắn cán gỗ. Tương truyền rằng trước kia vật treo ở cổ tay là đuôi sư tử, về sau được thay thế bằng đuôi bò Tây Tạng.



Trang phục điệu múa Nhiệt Ba của nữ giới

Trang phục múa Nhiệt Ba của nữ giới bao gồm các loại y phục như khăn đội đầu, mũ ngũ Phật, ba-trạch-nhiệt, áo ghi-lê, đai lưng, váy; cùng với các đồ trang sức như khuyên tai, hộp gàu, dây chuyền, đai chạm hoa văn, tang-sắc, và các đạo cụ như khăn kha-ta, trống...

Trước đây, phụ nữ địa phương thường tết tóc thành bím ba lọn, đồng thời dùng các sợi len nhiều màu làm sợi kết hợp để bện vào phần đuôi tóc, rồi cuộn lại trên đỉnh đầu; phần đuôi tóc buông xuống phía sau tai trái. Kiểu tóc này được gọi là quả-nhuy. Các nữ vũ công Nhiệt Ba cũng sử dụng len nhiều màu để tạo thành kiểu tóc quả-nhuy tương tự.



Trên kiểu tóc quả-nhuy, người ta quấn một dải khăn đầu bằng vải đỏ dài khoảng 4 mét, rộng từ 8–10 cm. Cách quấn là trước hết đặt một đầu khăn phủ lên đỉnh đầu, sau đó theo chiều kim đồng hồ quấn phần còn lại thành từng vòng đều đặn quanh đầu. Cách quấn này tương tự với kiểu khăn đội đầu được phụ nữ tại các khu vực như Tháp Thành và Ngũ Cảnh sử dụng trong trang phục lễ hội.

Tiếp đó, trên lớp khăn đã quấn, người ta đội một loại trang sức gọi là mũ ngũ Phật, được cấu thành từ năm chi tiết trang trí có hình dáng tương tự “thực tử”, sắp xếp lần lượt và bao quanh phía trước. Hình thức này tượng trưng cho ngũ phương Phật.



Trang phục biểu diễn điệu múa Nhiệt Ba 301

Trước đây, loại trang sức này thường được chế tác từ các vật liệu như gỗ mỏng hoặc da; ngày nay, người ta chủ yếu sử dụng bìa cứng hoặc nhựa để làm. Trên bề mặt trang trí nhiều họa tiết cát tường như Bát cát tường, Lục tự chân ngôn, các loại hoa văn, chày Kim cương giao nhau... Ở phần đỉnh thường treo một dải kha-ta màu trắng, được cho là biểu thị ý nghĩa dâng khăn cúng lên ngũ phương Phật.

Trang phục lễ hội của phụ nữ người Tạng ở Tháp Thành về cơ bản tương đồng với trang phục múa Nhiệt Ba. Phần thân trên đều mặc áo ghi-lê (khảm kiên) có viền cổ và gấu áo được nẹp gấm hoặc thêu chỉ vàng. Người lớn tuổi thường mặc loại màu trơn, trong khi giới trẻ ưa chuộng các kiểu có màu sắc rực rỡ. Trước đây, áo ghi-lê chủ yếu được làm từ vải gai hoặc nhung kim tuyến; ngày nay, phần lớn được may bằng gấm hoặc vải với các màu như vàng, đỏ, xanh lục. Khi biểu diễn múa Nhiệt Ba, vũ công thường đeo chéo một dải khăn trắng kha-ta cùng với đai lưng màu hồng phấn, bắt chéo từ hai vai xuống dưới nách rồi buộc lại. Tương truyền, cách đeo này tượng trưng cho tám choàng của Milarepa.



Sau đó, bên ngoài áo sơ mi và áo khảm kiên, người ta buộc lỏng một loại đai lưng gọi là cách-ngoã. Đai này thường được làm từ vải len dày hoặc chất liệu tương tự, hai đầu có tua buông tự nhiên phía sau lưng. Ngày nay, phần lớn được may từ các loại vải nhiều màu mua sẵn trên thị trường.

Phần thân dưới mặc loại váy xếp ly màu đen, tại địa phương gọi là thập-mã. Trước kia, loại váy này được dệt thủ công từ lông cừu và lông bò Tây Tạng; hiện nay chủ yếu được làm từ các loại vải có sẵn.

Về phương diện trang sức, tại vùng trán sát chân tóc có đeo một loại trang sức gọi là ba-trạch-nhiệt. Vật này lấy vải dạ làm nền, phía trên đính các miếng bạc nhỏ; sau khi đeo, phần cuối buông dài tới vị trí đai lưng phía sau. Ở tai đeo loại khuyên bạc gọi là “lục tùng thạch tam điệp”, trên đó nạm ngọc lam và san hô, ở giữa có kẹp một chi tiết hình đồng hồ cát gọi là ông-thương.

Theo truyền thống, khuyên tai được đeo bằng cách xỏ trực tiếp qua lỗ tai. Tuy nhiên, ngày nay phụ nữ thường luồn khuyên vào một vòng nhỏ, hai đầu nối bằng dây xích bạc rồi cố định vào khăn đội đầu, để hai chiếc khuyên buông rủ hai bên tai.





Trong khi biểu diễn, tay phải cầm dùi trống làm từ gỗ hoặc các vật liệu tương tự; tay trái cầm một chiếc trống nhỏ được bọc da và có cán gỗ, trên mặt trống vẽ họa tiết hoa sen tám cánh hoặc hình song ngư. Tương truyền rằng, Nhạ Quỳnh Ba từng uốn cong những chiếc xương sườn voi có kích thước khác nhau để chế tác trống và dùi trống. Ngày nay, người ta dùng các vật trang trí nhiều màu sắc để tô điểm cho trống và dùi trống trở nên tinh xảo, đẹp mắt hơn.

Ở phần cổ đeo một loại hộp gau hình vuông bằng bạc, tại địa phương gọi là cấp-hôn, trên đó nạm ngọc lam và san hô. Khi biểu diễn múa Nhiệt Ba, một số người còn đeo dây chuyền được xâu lần lượt từ các hạt ngọc lam và san hô. Ở thắt lưng buộc một loại đai chạm hoa văn gọi là ba-khoát, lấy da đỏ hoặc gấm làm nền, phía trên đính các hạt bạc hoặc miếng bạc. Ngoài ra, bên hông còn treo các vật trang trí nhỏ bằng bạc như túi kim chỉ và túi đựng đồ, gọi chung là tang-sắc.

Trước đây, người dân địa phương chỉ biểu diễn múa Nhiệt Ba vào dịp năm mới, thường bắt đầu từ khoảng bảy giờ tối và kéo dài suốt đêm. Để tránh bị chóng mặt, các vũ công thường dán ở hai bên thái dương một loại cao được tự chế tại địa phương gọi là tát-ca. Ngày nay, múa Nhiệt Ba được biểu diễn cả vào ban ngày lẫn ban đêm. Tương truyền, thói quen biểu diễn vào ban ngày mới hình thành từ hơn hai mươi năm trở lại đây; thời gian biểu diễn thường không kéo dài, chủ yếu diễn ra trong các dịp như đám cưới và các hoạt động dân gian khác.

Múa Nhiệt Ba đã trở thành một yếu tố quan trọng trong đời sống văn hóa dân gian của các địa phương này, và trang phục của điệu nhảy này cũng mang đậm bản sắc địa phương. Những bộ trang phục ấy bắt nguồn từ phong tục, đời sống và tín ngưỡng của người dân bản địa, hàm chứa nhiều ý nghĩa biểu trưng cũng như giá trị văn hóa phong phú.



མིང་ཆོག་ཤན་སྐྱར་རེའུ་མིག Hệ thống thuật ngữ

01

ཀོང་ཅེད་ར་བའི་གོས་བྱུང་།
Trang phục Bôn Tử Lan

བོད་ཡིག	ལ་ཐེན་ཡིག	སི་ཁྲེས་དན།
Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1 རྒྱ་ཁྱི་མ།	hrwa/ hri wa	Mũ
2 ཆོ་རིང་སྐྱེན་ཁེབས།	tshe ring skyin khebs	Mũ kim hoa
3 ལྷ་ཁོག	sta khog	Đạt-quát
4 གོས་ཆེན་སྐར་རགས།	gos chen ska rags	Thắt lưng lụa
5 འབྲུ་རས་སྟོང་འབོག	'bu ras stod 'bog	Áo sơ mi tơ tằm
6 ཀྱང་སྐྱམ།	rkang snam	Quần
7 མགོ་དྭགས།	mgo dkris	Quả-thụy
8 ལག་རས།	lag ras	Khăn đội đầu
9 ཆོ་ལེན།	tshi len	Thứ-lặc
10 ལུ་སྐྱུང་། འགག་སྟོང་།	phu stung / 'gag stod	Ghi-lê
11 སྐེ་ཁོན།	ske non	Cáp-nặc
12 སྐྱམ་མོ། རས་སྐྱམ།	snam mo/ ras snam	Nang-mạc/thụy-nang
13 སོག་རྒྱ།	sog rna	Sách-nạp
14 རྩ་འདྲེགས།	rna 'dogs	Nạp-đa
15 ལག་ཉོག	lag nyog	Vòng tay
16 སིང་སིང་།	sing sing	Phụ kiện cài ngực
17 ཏུང་ཆར།	tung tshar	Đồng-thứ
18 ཆབ་མ།	chab ma	Dây đai chạm khắc hoa văn
19 གཡས་ཏེ། དངུལ་ཐ།	g.yas he/ dngul phra	Y-mặc / Y-tra

གཡག་རྩེ་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་རྒྱུ།
Trang phục nữ giới Dương Lạp

	བོད་ཡིག	ལ་ཐིན་ཡིག	སི་ཁྲེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1	ཙོར་མཐུད།	tsor mthud	Tá-đột
2	སྐ་གཞུག	skra gzhug	Trát-tú
3	འཕན་འཛོག	'phan 'jog	Bàn-nừ
4	པང་བཀའ།	pang bkab	Bang-ca
5	ཙམ་ལོ།	tshar lo	Sát-lạc
6	རྒྱ་ལྷ་མ་ཉོས་ཟེ།	rgya lham hos zi	Gia-lan-hoắc-sắt
7	རྩ་ཉོབ།	rna hob	Nạp-hoắc
8	བུར་དྲི།	bur dkri	Bố-tri
9	ཆབ་མ་ལྷགས་ཐག	chab ma lcags thag	Cáp-mã-gia-tháp
10	གློ་བུངས།	glo zungs	Lạc-tùng

བདེ་ཆེན་རྫོང་གི་གོས་རྒྱུ།
Trang phục Đức Khâm

བོད་ཡིག་	ལ་ཐིན་ཡིག་	སི་ཁྲེས་དན།
Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1 ཐོད་རྒྱུང་། ཐོད་བཅེངས།	thod rkyong / thod bcings	Thác-huỳnh / Thác-giang
2 སོ་ཏུང་།	so tung	Thoa-đông
3 རྩ་ཐེར།	rna sder	Nạp-đế
4 མགོ་དགེས།	mgo dkris	Quả-tri
5 ལྷོད་གོས།	stod gos	Đa-cổ
6 འབའ་ལ།	ba' lwa	Ba-lạp
7 སྒན་ཅི།	hran tsi	Tiên-tur
8 རྩ་ཅོག་	rna cog	Nạp-giác
9 རྩ་དགྲི།	rna dkri	Nạp-triết
10 རྩ་དགྲི་ཆུ་ཐིན་དཀར་མོ།	rna dkri chu srin dkar mo	Bông tai hình cá vôi trắng
11 རྩེང་བ།	phreng ba	Xương-ngõa
12 སིང་སི་ལྷི་ར།	sing si ldi ra	Tang-sắc-đức- nhiều
13 ཡ་ལུང་། ལག་ལྷོག་	ya nyung / lag nyog	Á-nông
14 ཨ་ལོང་།	a long	A-long
15 རྩང་གའ།	brang gab	Chương-ca
16 དངུལ་ཁུག་	dngul khug	Ví tiền
17 བརྩམ་གྲི།	brdab gri	Đạt-triết
18 འདྲོགས་གྲི།	dogs gri	Đa-triết
19 ལུགས་མ།	lcags ma	Gia-mã

མཐའ་ཚུའི་བུད་མེད་ཀྱི་གོ་ས་ཀྱི་ན།

Trang phục nữ giới Tháp Thành

བོད་ཡིག་

ལ་ཐེན་ཡིག་

སི་ཁྲེས་དན།

	Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1	ལག་ཕྱིས།	lag physis	Lạp-hỉ
2	གོང་སྟོང།	gong stod	Cổng-đóa
3	སྐྱ་མ།	sku wa	Cách-ngõa
4	མྱེ་མ།	hre ma	Thập-mã
5	རྩེ་ཁོག་	rne khog	Nội-khoát
6	གླེ་ཁྱོན།	ghe hon	Cấp-hôn
7	བྱུར་ལོག་སྟོང་རིལ་མ།	byur log sngo ril ma	Ngọc lam
8	བྱུར་ལོག་དམར་ཚང་མ།	byur log dmar tshang ma	San hô
9	པ་ཁོག་	pa khog	Ba-khoát

འབའ་བོས་ཀྱི་གོས་རྒྱུ།

Trang phục Ba Châu

བོད་ཡིག།

ལ་ཐེན་ཡིག།

སི་ཐེས་དན།

	Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1	ཨ་ལ། ལྷོད་འབོག།	a lha/ stod 'bog	A-lạp/Đông-pha
2	ཤན་ལྷགས།	shan lcags	Son-gia
3	སྒྲམ་མོ།	snam mo	Nang-mạc
4	ལག་རས།	lag ras	Khăn-tay
5	རྒྱལ་བ་དྭགས།	rgyab btags	Gia-đạt
6	མྱོ་ཐོ།	hro tho	Thạc-tháp
7	ཏོས་ཟེ།	hos zi	Hoắc-sắt
8	རྩ་ཐག།	rna thag	Nạp-tháp

ཉི་ཤར་རིང་པའི་གོ་ས་རྒྱུ།

Trang phục Ni Tây

བོད་ཡིག།

ལ་ཐེན་ཡི་གེ།

སི་ཁྲེས་དན།

	Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1	འཕན་སྒོ།	phan sgro	Bàn-trác
2	ཤ་ཐུག་དཀར་དམར།	sha thug dkar dmar	Hạ-đặc-cát-mã
3	འཇའ་ཚེན་སྒོ་ད་འབོག།	'ja' tshon stod 'bog	Giáp-thôn-đa-ba
4	གཙན་ལ། གཙན་རྒྱུང་།	gzan lwa/ gzan krong	Tán-lạp/Tán-trọng
5	ཕྱར།	phyar	Cáp
6	པང་ཤུབས། གོས་ལེབ།	pang shubs/ gos leb	Bang-tú/Cổ-loại
7	འཛོལ་ཚར།	jol tshar	Giác-sát
8	མགོ་ར།	mgo ra	Quả-nhiều
9	རྩ་ཁོག།	rna khog	Nạp-quát

རོང་པ་ཞོག་ལྷའི་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nữ giới Ngũ Cảnh

	བོད་ཡིག།	ལ་ཐིན་ཡི་གེ	སི་ལྷེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1	སྐ་མཐུད།	skra mthud	Trát-đặc
2	ལྷ་ཐ་རྟ་ཐ།	sta tha rnga tha	Đạt-tháp-a-tháp
3	རས་རྒྱན།	ras rgyan	Nhiều-kiên
4	དངུལ་སྐ་རགས།	dngul ska rags	Ngạch-cách-nhiều
5	འབའ་ཁུག་ཁམ་ཤུབས།	ba' khug khab shubs	Ba-khắc-ca-tú

ཀླུ་མ་ཐང་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་ཀླན།

Trang phục nữ giới Kiến Đường

	བོད་ཡིག	ལ་ཐིན་ཡིག	སི་ཁྲེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1	སྐམ་ལྷ།	sram zhwa	Son-hạ
2	དབུས་ཙོར།	dbus tsor	Duy-tác
3	གནོན་སྐྱ།	gnon skra	Nãi-gia
4	ལྷང་སུལ།	ljang sul	Trác-ty
5	འདུས་རྩོ།	dus hro	Đôi-thác
6	ནང་བཅིངས།	nang bcings	Nang-kim
7	མ་གོས་སྟོད་འབྲོག།	ma gos stod 'bog	Mục-vy-đôn-bồ
8	ཕེ་གོས།	phe kos	Bội-cổ
9	ལྷགས་ཐག།	lcags thag	Gia-tháp
10	ཆབ་གདན།	chab gdan	Cáp-đan
11	དྲིལ་བུ་ཁབ་ཤུབས།	dril bu khab shubs	Truy-bồ-ca-tú
12	མེ་ཏོག་ལྷ།	me tog zhwa	Mũ hoa
13	སྐུ་མའི་ལྷ།	spu ma'i zhwa	Mũ nhung sợi vàng
14	ཁྲོས་སྟོ། ཁྲོས་ནག།	hros sngo/ hros nag	Thù-ốc/Thù-nạp
15	ཤ་ཐུག།	sha thug	Cáp-đặc
16	མོ་པན།	mo pan	Mục-bản
17	ཐག་དཀར།	thag dkar	Tháp-ca
18	རྩ་ཁེབས།	rna khebs	Nạp-khắc
19	ལྷང་སྐོར།	klad skor	Liệt-cổ
20	རས་གོས།	ras gos	Nhiệt-quả
21	ཤེ་ཏིང་།	she ting	Tạ-đồng
22	སྐུན་དྲིལ། བང་ཁེབས།	sngun dkris/ pang khebs	Hôn-gia/Bang-khắc
23	ལུ་རས།	khu ras	Khắc-thụy

གཏེར་མ་རོང་གི་སྐྱེས་མའི་གོས་རྒྱ།
Trang phục nữ giới Đông Vượng

	བོད་ཡིག་	ལ་ཐིན་ཡིག་	སི་ཁྲེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1	ཐོར་ཙོག་	thor tsog	Thác-tác
2	མེ་ལོང་།	me long	Mai-long
3	གཡོགས་གོས།	g.yogs gos	Ưu-cấp
4	ཕུག་གཡོགས་གོས།	phrug g.yogs gos	Sờ-uru-cấp
5	འགོ་སྐྱམ་གཡོགས་གོས།	go snam g.yogs gos	Quả-nam-uru-cấp
6	རས་གཡོགས་གོས།	ras g.yogs gos	Quả-uru-cấp
7	བང་གདན།	brang gdan	Chương-đan
8	འཇའ་རྟན་གོས།	ja' hran gos	Son-quai
9	གཡོན་བཅིངས།	g.yon bcings	Vân-khương
10	སོང་ག་ལེ།	song ga le	Tùng-ca-loại
11	ཁུལ་ཕུག་རྩེ།	khul phrug rdzis	Khô-sờ-trạch
12	གསེར་བྱ་རྒྱ་དམར།	gser bya rkang dmar	Sắc-lạp-cang-my
13	རྩ་ལུ།	rna wu	Na-ngach
14	འབར་སྐྱག་	'bar sgag	Ba-ca
15	ཆབ་བཅིངས།	chab bcings	Thiết-cát

མྱེག་ཟུར་བུད་མེད་ཀྱི་གོ་ས་རྒྱུ།

Trang phục nữ giới Ni Nhữ

	བོད་ཡིག་	ལ་ཐེན་ཡི་གེ	སི་ལྷེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1	ར་ཅིད་ལྷ་མོ།	ra rtsid zhwa mo	Thạc-pha/Hạ-pha
2	སྟོད་ཐུང་།	stod thung	Đổi-thông
3	ཐགས་གཡོགས་གོས།	thags g.yogs gos	Tháp-ước-quả
4	དངུས་སྟོ།	dus sgro	Đổi-trác
5	བཞག་གོས།	bzhag gos	Nhiều-ô
6	རྒྱལ་བཅིངས།	rgyab bcings	Gia-giang
7	ཤན་པེ།	shan pe	Tiên-bị
8	མགོ་ར།	mgo ra	Quả-nhiều
9	བྱ་ར་མགོ་དམར།	bya ra mgo dmar	Hiệp-nhiều-công-mã
10	ལྷ་མ་བསྐྱགས།	lham bsgags	Hân-cổ
11	ཚོགས་རྩ།	tshogs rna	Thố-nạp
12	པད་ཐུངས།	pad spungs	Ba-băng
13	ཤལ།	shal	Hà
14	པེ་བོ།	phe bo	Bôi-óc
15	ཨ་ལོང་སྐེ་ལུང་།	a long ske lung	A-long-cáp-long
16	དུང་ཐག	dung thag	Đông-tháp
17	པ་ཏྱ།	pa tra	Ba-trác

སྐད་ཆ་ག་བུ་མེད་ཀྱི་གོ་སྐྱོང་།
Trang phục nữ giới Cách Tân

བོད་ཡིག་	ལ་ཐེན་ཡིག་	སྐད་ཆ་ག་བུ་མེད་ཀྱི་གོ་སྐྱོང་།
Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1 སྐད་ཆ་	sked sle	Cấp-loại
2 རས་དཀར་སྐད་ཆ་	ras dkar stod 'bog	Nhiệt-ca-đôn-bố
3 བལ་སྐད་ཆ་	bal ska rags	Bội-cấp
4 སྐད་ཆ་སྐད་ཆ་	stong skud ska rags	Đồng-cách-cấp-nhiều
5 ཕྱིང་ཕྱིར་	phying phyar	Hung-hiệp
6 རྩོད་ཕྱིར་	rdzongs phreng	Tông-xương

ན་མུ་ཡུའི་སྐྱེས་མའི་གོས་རྒྱན།
Trang phục nữ giới Nạp Mộc Y

	བོད་ཡིག།	ལ་ཐིན་ཡིག།	སི་ཁྲེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1	ཐུན་ཐུ། ཏ་ཏ་སྐྱེས་ཐུ།	tshun tshu/ ta ta skra mthud	Thủ-thủ/Đất-đất
2	བོས་ཡུས་ཀ།	bos yus ka	Duy-y-ca
3	བོའུ་ཙོ།	bo'u co	Vụ-giác
4	བར་གོས། བ་ཆེས།	bar gos/ pa tshir	Duy-cổ/Bà-thứ-nhi
5	ལན་ལགག།	lan 'gag	Lý-ca
6	ཁྱི་ཀེ།	kri ke	Chi-cáp
7	ཁ།	khra	Tra
8	ཐུ་པུན།	tshi pun	Thứ-bản
9	པ་ཏ།	pha Ta	Bạch-trát
10	ཡུན་ཏོ།	yun to	Hanh-đóa

སྒྱུ་སྤྱོད་གྲུ་
Trang phục Cơ Tở

	བོད་ཡིག་	ལ་ཐིན་ཡིག་	སྤྱི་ཐུན་དཀྱིལ་
	Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1	ནག་རིལ།	nag ril	Nạp-nhiệt
2	རྟོག་རྟོག་	tog tog	Đóa-đóa
3	གསེར་ལུང་རྟོག་རྟོག་	gser lung tog tog	Sắc-long-đóa-đóa
4	ཨ་སྤྱི་རྟོག་རྟོག་	wa spri tog tog	Ngõa-chiết-đóa-đóa
5	རྩོག་གཤམ།	rmog gab	Mạc-ca
6	ཁོང་བསྐྱེད།	khong bsring	Áo choàng
7	རྒྱ་ཚུ་ཐུ་བ།	rgya tshos phyu pa	Gia-túc-khúc-ba
8	ཕྱིང་མ་ཐུ་བ།	bying ma phyu pa	Hướng-mã-khúc-ba
9	དཀྱིལ་བ།	dkri bya	Cát-hạ
10	བཀས་ཀ།	pags ka	Bang-ca
11	ལེགས་ཀུར།	legs khur	Loại-khó
12	ཡེ་ལེ་ལེ།	ye le le	Da-lặc-lặc
13	མེས་གཟན།	mes gzan	Mỹ-tán
14	ཕྱིང་རས།	phying ras	Khương-nhiệt
15	སྐོར་རིང་།	skor ring	Quả-nhượng
16	ཕྱག་སྐོར།	phyag skor	Kháp-quả
17	ཕྱག་འཇུག་	phyag 'grus	Kháp-kỹ

ཞོ་ཕུང་སྒྲེས་མའི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nữ giới Thủy Lạc

	བོད་ཡིག་	ལ་ཐིན་ཡིག་	སི་ཁྲེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1	སང་མགོ།	seng mgo	Tang-quả
2	སྐ་གཞུག་ལེན།	skra gtsug len	Bím tóc trước trán
3	རྩ་སྐ།	rna skra	Nạp-trác
4	འདབས་ཤན།	dabs shan	Đạt-tiên
5	སྒོན་རྟགས།	sngon rtags	Ngân-đạt
6	ཤན་ལྷགས།	shan lcags	Tiên-gia
7	འཇལ།	ja'	Gia
8	བར་སྤང་།	bar stung	Ngõa-đông
9	རས་རྟགས།	ras rtags	Thụy-đạt
10	ཤག་ཤན།	phrag shan	Sát-tiên
11	སྐལ་ཁ།	sbal kha	Ba-ca
12	སྐད་སྐྱག་	sked sgag	Cấp-ca
13	ཚོན་བུ།	chon bu	Quần-ốc
14	འཐོག་སྐང་།	breg sgang	Trát-cuong
15	ལྷ་འགག་	sta 'gag	Đạt-ca
16	སྐུན་བཅིངས།	sngun bcings	Ôn-tương
17	རྩ་ཚན།	rna tshar	Nạp-sát
18	རྒྱབ་བཅིངས།	rgyab bcings	Gia-giang
19	དངུལ་ཐག་	dngul thag	Ngạc-tháp
20	ཁབ་ཤུབས་འབའ་ཁུག་	khab shubs 'ba' khug	Ca-tú-ba-khắc

འབྲོག་ར་ཐང་གི་སྐྱེས་མའི་གོས་རྒྱུ།

Trang phục nữ giới Mao Nguru Bình

བོད་ཡིག

ལ་ཐིན་ཡིག

སྐྱེས་དན།

Tiếng Tây Tạng

Chuyển đổi sang chữ Latinh

Tiếng Việt

1	ལྷུག་ཤེ།	lhug se	Lô-tắc
2	ཤ་མ།	phra ma	Xoa-mã
3	པ་ཅི།	pa tsi	Ba-tư
4	ཅང་ཁ་ད།	cang kha da	Giang-ca-đạt
5	པ་ལི།	pa li	Ba-lặc
6	ཕུ་ཅི།	phu tsi	Phổ-tư
7	སྐྱུ་མ།	snam	Nạp-mộc
8	པག་ཤ་ཀ།	pags ka	Bang-ca
9	ཤ་ཁྱ།	sha khya	Hạ-kháp
10	ཐེང་བ།	pheng ba	Bình-ngõa
11	ཡེ་ཀུས།	ye kus	Da-cấp
12	ཉང་ཡེ་ཀུས།	nyang ye kus	Nhượng-da-cấp

རས་པ་འཁྲབ་བྱེད་ཀྱི་གོ་ས་རྒྱུ།

Trang phục biểu diễn điệu múa Nhiệt Ba

	བོད་ཡིག་	ལ་ཐིན་ཡིག་	སི་ཁྲེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	Chuyển đổi sang chữ Latinh	Tiếng Việt
1	བོད་ལ།	bod lwa	Áo trên
2	ཧོས་ཟི།	hos zi	Giày ủng
3	རས་སྒྲ།	ras skra	Nhiệt-trát
4	ཐོད་སྐོར།	thod skor	Thác-quả
5	མཚུབ་བོ།	mdzub bo	Tắc-oa
6	འབུ་ཅི་རུ།	bu tsi ru	Ba-trạch-nhiệt
7	གཟན་ཐོས།	gzan sdom	Tán-đóa
8	རས་པ་འི་ཀྲུ་ཐག་	ras pa'i hrul thag	Nhiệt-ba-thập- tháp
9	རྩ།	rnga	Trống
10	གཡག་རྩ།	g.yag rnga	Đuôi bò Tây Tạng
11	རིགས་ཀྲ།	rigs lnga	Mũ Ngũ Phật
12	རྩ་ལྗག་	rnga lcag	Dùi-trống
13	གཟའ་བཀག་	gza' bkag	Cao dán



khenposodargye.org



Chỉ giới hạn trong phạm vi sử dụng phi thương mại